BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8BK **Ngành: Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững** **Trình độ đào tạo: Đại học Chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: 4931 */QĐ-TĐHHN, ngày* 17 *tháng* 12 *năm 2021)*

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phương pháp tiếp cận nghiên cứu biến đổi khí hậu	Tín chỉ rừng và cơ chế phát triển sạch	Biến đổi khí hậu tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học	Tin học ứng dụng	Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững	Quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	2	2						
1	1811040718	Vũ Thục	Anh	24/09/2000	4.0	4.0	4.0	3.5	4.0	4.0	15	3.90	93	2.72		
2	1811040495	Nguyễn Minh	Châu	01/06/2000	4.0	4.0	4.0	3.0	4.0	3.5	15	3.73	102	3.06		
3	1811040077	Nguyễn Minh	Dương	14/08/2000	3.5	2.5	3.0	3.0	3.0	2.5	15	2.93	85	2.35		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Phương pháp tiếp cận nghiên cứu biến đổi khí hậu	Tín chỉ rừng và cơ chế phát triển sạch	Biến đổi khí hậu tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học	Tin học ứng dụng	Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững	Quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	2	2						
4	1811041855	Đặng Thái	Hòa	27/05/2000	4.0	4.0	4.0	3.0	4.0	3.5	15	3.73	95	2.69		
5	1811041483	Lê Thị	Hoài	03/03/2000	4.0	4.0	4.0	3.5	4.0	4.0	15	3.90	102	2.87		
6	1811042044	Thái Thị Hồng	Nhung	09/10/2000	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	15	4.00	102	3.16		

Tổng hợp: Tổng số SV: 6 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8K **Ngành: Khí tượng và khí hậu học** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khí tượng nhiệt đới	Khí tượng động lực 1	Tin học ứng dụng	Thống kê khí hậu	Khí hậu và Khí hậu Việt Nam	Dao động và biến đổi khí hậu	Dự báo số trị	Tiếng anh 1	Công trình trạm và kiểm soát số liệu	Khí tượng synop 1	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	4	3	3	2	3	3	2	3						
1	1811021713	Nguyễn Vân	Anh	18/08/2000	3.5		2.5		0	3.0	2.0		4.0	4.0	20	2.63	95	2.01		
2	1811021451	Thào Thị	Dợ	16/03/2000	4.0		4.0		4.0	4.0	4.0		3.0		17	3.88	98	3.02		
3	1711020058	Phùng Tiến	Dũng	13/04/1999	3.0	1.0		4.0							8	2.88	99	1.80		
4	1811021182	Nguyễn Thị	Hà	09/10/2000	4.0		4.0		3.5	4.0	3.5		3.5		17	3.76	98	3.18		
5	1811021516	Nông Thị Thanh	Hằng	09/05/2000	4.0		4.0		4.0	3.5	4.0		3.0		17	3.82	98	3.29		
6	1711031143	Nguyễn Tuyết Mai	Hoa	08/12/1999	4.0		4.0		4.0	3.5	4.0		3.5		17	3.88	94	2.99		
7	1811021408	Nguyễn Quang	Huy	15/08/2000	3.0		2.0		3.0	3.0	3.0	3.0	1.0		20	2.60	92	2.29		
8	1811020164	Nguyễn Trọng	Huy	25/09/2000	4.0		3.0		4.0	4.0	4.0		3.5		17	3.71	98	2.94		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khí tượng nhiệt đới	Khí tượng động lực 1	Tin học ứng dụng	Thống kê khí hậu	Khí hậu và Khí hậu Việt Nam	Dao động và biến đổi khí hậu	Dự báo số trị	Tiếng anh 1	Công trình trạm và kiểm soát số liệu	Khí tượng synop 1	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	4	3	3	2	3	3	2	3						
9	1811020262	Đoàn Thị Thanh Thanh	Huyền	22/09/2000	4.0		4.0		4.0	3.5	4.0		4.0		17	3.94	98	3.52		
10	1811021282	Nguyễn Đức	Hưng	01/04/2000	3.0		2.5		3.0	3.5	3.5		3.0		17	3.03	93	2.40		
11	1811021856	Nguyễn Thu	Hương	09/02/2000	3.5		2.0		3.0	3.0	2.5		3.0		17	2.76	81	2.12		
12	1811021823	Lương Thảo	Ngân	31/10/2000	4.0		3.0		3.5	3.5	2.5		4.0		17	3.35	98	2.55		
13	1711020007	Bùi Hoàng	Phương	30/09/1999	3.0		1.5		3.0	1.5	3.5		3.5		17	2.62	51	2.10	Cảnh báo học tập mức 1	
14	1711021535	Nguyễn Phương	Thảo	09/05/1999	3.0	2.5		4.0							8	3.25	93	1.68		
15	1811021668	Phạm Hoàng Quỳnh	Trang	29/10/2000	4.0		3.5		3.5	3.0	4.0		3.0		17	3.56	98	2.67		

Tổng hợp: Tổng số SV:15 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA ĐH8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8T **Ngành: Thủy văn học** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chỉnh biên thủy văn	Mô hình toán thủy văn	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	Phân tích hệ thống thủy văn	Thực tập đo đạc và chỉnh biên thủy văn 2	Thực tập đo đạc và chỉnh biên thủy văn 1	Tính toán điều tiết dòng chảy và cấp nước	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	2						
1	1811031903	Đặng Ngọc	Duyên	12/02/2000	4.0	4.0	3.0	3.5	4.0	4.0	3.5	17	3.76	100	3.04		
2	1811031503	Nông Xuân	Đài	05/10/2000	3.5	3.0	3.0	3.0	4.0	4.0	3.0	17	3.38	100	2.41		
3	1811030832	Vũ Thị Ngọc	Minh	01/05/2000	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0	17	4.00	100	3.46		
4	1811030510	Nguyễn Thị Thu	Trà	13/02/2000	4.0	4.0	3.5	4.0	4.0	4.0	3.5	17	3.88	100	3.05		

Tổng hợp: Tổng số SV: 4 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QB **Ngành: Quản lý biển** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản lý Thiên tai và Tai biến môi trường biển	Quan trắc tổng hợp môi trường biển	Quy hoạch sử dụng không gian biển	Quản lý và Kiểm soát ô nhiễm biển	Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	Quản lý hệ thống đảo của Việt Nam	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	3	3						
1	1811121895	Hoàng Bá	Kiên	02/06/2000	3.5	3.0	4.0	4.0	4.0	3.5	18	3.67	101	3.00		

Tổng hợp: Tổng số SV:1 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KS **Ngành: Kỹ thuật địa chất** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản	Tài nguyên khoáng sản Việt Nam	Tài nguyên khoáng sản Biển	Tuyển khoáng	Địa chất khai thác mỏ	Hóa học đại cương	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	Phương pháp Viễn thám - GIS trong địa chất	Cơ sở khai thác lộ thiên	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	2	2	3	2	2						
1	1811081889	Trần Quang	Anh	14/01/2000	3.0	4.0	3.5	3.5	4.0		3.0	4.0	3.0	18	3.50	100	2.52		
2	1811082051	Lý Thu	Hiền	07/01/2000	2.0	3.0	3.0	3.0	1.5		3.0	2.5	2.5	18	2.61	92	2.22		
3	1811080128	Bùi Trọng	Nghĩa	15/11/2000	2.0	2.5	2.0	2.0	2.0		1.0	3.0	2.0	18	2.03	86	2.13		
4	1811080969	Phạm Văn	Quân	24/02/1995	3.5	4.0	3.0	4.0	3.0	3.0	3.0	4.0	3.0	20	3.40	98	2.70		

Tổng hợp: Tổng số SV:4 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KE1 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2							
1	1811010360	Đỗ Ngọc	Anh	15/02/2000		3.0	4.0		3.0		3.5	3.5			4.0		3.0					17	3.38	99	2.95		
2	1811010414	Đỗ Thị Tú	Anh	06/06/2000		3.5	3.0		3.0		3.0	3.0			3.5		3.0					17	3.15	99	3.09		
3	1811010345	Nguyễn Thị Thúy	Anh	27/07/2000		4.0	4.0		2.0		3.0	3.0			4.0		2.5					17	3.18	99	2.94		
4	1811010464	Vũ Minh	Châu	20/10/2000		2.5	4.0		3.0	2.0	3.5	3.0			4.0		4.0					19	3.21	99	2.53		
5	1811010369	Lê Mai	Chi	19/06/2000		3.5	4.0		2.5		3.5	3.0			3.5		2.0					17	3.15	99	2.76		
6	1811010382	Nguyễn Đình	Diệm	21/09/2000	4.0	4.0	4.0		2.0		3.5	3.0			3.5		3.5					20	3.43	97	2.93		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2						
7	1811010368	Lê Ngọc	Diệp	19/06/2000		3.5	3.5		2.5		3.5	3.0			3.5		2.5					17	3.15	99	2.56		
8	1811010409	Trần Thu	Hà	11/10/2000		4.0	4.0		3.5		3.5	4.0			4.0		2.5					17	3.65	99	3.12		
9	1811010475	Nguyễn Thị	Hải	02/10/2000		4.0	4.0		3.5		3.5	4.0			4.0		3.5					17	3.76	99	3.04		
10	1811010479	Lê Thị	Hạnh	13/11/2000		4.0	4.0		4.0		3.0	3.0			3.5		3.0					17	3.53	99	2.64		
11	1811010309	Nguyễn Thị	Hiền	11/10/2000		4.0	4.0		3.0		3.5	3.5			3.5		3.0					17	3.50	99	2.60		
12	1811011320	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	04/09/2000		3.5	3.5		3.0		3.0	3.0			3.5		2.0			3.5		19	3.13	99	2.65		
13	1811010450	Nguyễn Thị Mai	Hoa	23/09/2000		1.0	4.0		2.0		3.0	3.0			4.0		3.5					17	2.76	97	2.69		
14	1811010389	Nguyễn Thu	Huyền	06/09/2000		2.0	4.0		3.0		3.0	3.5			3.5		2.0					17	2.94	99	2.57		
15	1811010429	Đào Quỳnh	Hương	01/10/2000		2.0	4.0		3.0		3.0	3.5			3.5		3.0					17	3.06	96	2.57		
16	1811010430	Trần Thu	Hương	02/10/2000		3.0	4.0		3.0		3.0	3.5			4.0		2.5					17	3.24	99	2.77		
17	1811010326	Nguyễn Thùy	Linh	21/07/2000		2.0	4.0		3.0		3.5	3.5			3.5		3.0					17	3.15	94	2.84		
18	1811010350	Nguyễn Trang	Linh	14/11/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	3.5			4.0		3.0					17	3.38	99	2.97		
19	1811011709	Bùi Thị	Mai	15/05/2000		3.0	4.0		3.0		4.0	4.0			3.0		2.5			3.0		19	3.32	97	2.66		
20	1811011714	Hoàng Thị	Mai	11/09/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	4.0			3.5		3.0					17	3.38	99	2.64		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2						
21	1811010433	Nguyễn Hằng	Nga	06/01/2000		4.0	4.0		3.5		4.0	4.0			3.0		3.0					17	3.68	97	3.32		
22	1811010357	Nguyễn Bích	Ngọc	16/11/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	3.5			4.0		2.5					17	3.32	99	2.73		
23	1811010406	Phạm Thị Bích	Ngọc	18/10/2000		4.0	4.0		2.5		3.0	3.0			3.5		3.5					17	3.32	99	2.88		
24	1811011322	Trịnh Thị Hồng	Nhung	07/02/2000		4.0	4.0		3.0		3.5	4.0			4.0		3.0					17	3.62	99	2.92		
25	1811011419	Giang Quỳnh	Như	13/03/2000		4.0	4.0		3.0		3.5	4.0			4.0		4.0			3.0		19	3.66	99	3.08		
26	1811010353	Hoàng Thị	Phương	24/03/2000		4.0	4.0		3.0		3.0	3.0			3.5		2.0					17	3.24	99	2.93		
27	1811010476	Lê Thanh	Phương	15/07/2000		3.5	4.0		3.0		3.5	3.0			3.5		3.0					17	3.35	99	2.77		
28	1811010366	Nghiêm Thu	Phương	01/11/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	3.5			3.5		2.5					17	3.26	99	2.79		
29	1811011736	Nguyễn Lan	Phương	08/08/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	3.0			3.5		3.0					17	3.26	99	2.71		
30	1811010484	Nguyễn Thị	Phương	22/11/2000		0.0	0.0		0.0		0.0	0.0			0.0		0.0					17	0.00	77	2.29		Cảnh báo học tập mức 2
31	1811010399	Trần Thị Nho	Quyên	15/04/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	3.0			4.0		3.0					17	3.32	99	2.49		
32	1811010458	Bùi Thị Như	Quỳnh	13/08/2000		3.0	4.0		3.5		4.0	3.5			4.0		2.5					17	3.50	96	2.76		
33	1811010472	Lê Như	Quỳnh	20/04/1999		3.0	4.0	3.5	3.5		3.5	3.5			4.0		2.5		4.0			22	3.50	97	2.59		
34	1811010474	Ninh Thúy	Quỳnh	29/09/1999		3.0	4.0		3.0		3.0	3.0			4.0		3.0	3.5				19	3.26	99	3.07		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2						
35	1811011574	Quan Thị Hương	Sen	21/12/1999		4.0	4.0		3.0		3.0	4.0			3.0		3.0					17	3.41	99	3.02		
36	1811010381	Vũ Ngọc	Sinh	06/02/2000		3.0	4.0	4.0	3.0		3.0	2.0	3.0		3.0	2.5	2.5	2.5		3.0	2.5	30	2.93	99	2.35		
37	1811011318	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/10/2000		4.0	4.0		3.0		3.0	4.0			3.5		3.0			3.0		19	3.42	99	3.00		
38	1811011489	Nguyễn Xuân	Thủy	11/03/2000		4.0	4.0		3.0		3.5	4.0			3.0		3.0					17	3.50	99	3.07		
39	1811010442	Nguyễn Thị	Thúy	15/12/1999		3.5	4.0		3.5		3.0	4.0			3.0		3.0					17	3.41	85	2.51		
40	1811010452	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	09/04/2000		3.5	3.5		2.5		3.0	3.5			3.0		3.0	3.0				19	3.11	99	2.93		
41	1811011541	Nguyễn Thị	Thương	15/03/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	3.5			3.5		3.0					17	3.32	99	2.54		
42	1811010386	Đỗ Thị Thu	Trang	06/06/2000		3.0	3.0		3.0		3.0	3.0			3.0		3.0					17	3.00	99	2.65		
43	1811010306	Khuất Thị Thu	Trang	09/12/2000		3.0	3.0		3.0		3.0	3.0			3.0		2.0					17	2.88	99	2.67		
44	1811010338	Ngô Thị Huyền	Trang	03/03/2000		3.0	3.0		4.0		3.0	3.0		4.0	3.0		2.0					19	3.16	97	2.53		
45	1811010448	Nguyễn Thị	Trang	09/02/2000		4.0	4.0		3.0		3.5	4.0			4.0		3.0					17	3.62	99	3.32		
46	1811010488	Phạm Thị Thu	Trang	15/07/2000		3.5	4.0		3.0		3.5	4.0			4.0		2.0					17	3.41	99	2.66		
47	1811011595	Trần Thị Huyền	Trang	26/11/2000		4.0	4.0		3.0		3.5	4.0			4.0		3.0					17	3.62	99	3.10		
48	1811010428	Trần Thị Thu	Trang	20/11/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	3.5			3.5		2.0					17	3.21	99	2.87		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2						
49	1811010438	Vương Thị Thu	Trang	24/03/2000		3.0	4.0		3.5		3.0	3.0			3.5		3.0					17	3.26	99	2.72		
50	1811010445	Hoàng Anh	Tuấn	09/10/1996		3.5	4.0		4.0		3.5	4.0			4.0		3.0					17	3.71	99	3.57		
51	1811011386	Vũ Thị	Tuyền	30/09/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	4.0			3.5		3.0			3.0		19	3.34	99	3.04		
52	1811010418	Lê Thị Phương	Uyên	05/10/2000		4.0	4.0		3.0		3.5	3.0			3.0		3.0					17	3.38	99	2.99		
53	1811010485	Nguyễn Thị	Vân	17/02/2000		3.5	4.0		3.0		3.0	3.0			2.0		2.5					17	3.03	99	2.58		
54	1811010444	Khương Hải	Yến	15/10/2000		4.0	4.0		3.0		3.0	4.0			2.5		3.0					17	3.35	99	2.61		
55	1811010348	Trương Hải	Yến	18/11/2000		3.5	4.0	3.0	3.0		3.5	4.0			3.0		3.0					19	3.37	97	2.51		

Tổng hợp: Tổng số SV: 55 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KE2 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Tiếng Anh 3	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2						
1	1811010697	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	22/06/2000			3.0	4.0		3.0		4.0	3.0				3.5		3.0			17	3.29	99	2.86		
2	1811011752	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	03/11/2000			4.0	4.0		3.0		4.0	3.5				3.5		4.0			17	3.68	99	3.38		
3	1811010716	Đặng Thị Ngọc	Diệp	14/09/2000			3.5	4.0		2.5		3.5	3.0				3.5		3.0			17	3.24	99	2.67		
4	1811010650	Phạm Thị Thanh	Dung	04/11/2000			3.0	4.0		3.0		4.0	2.5				3.0		3.0			17	3.15	99	2.58		
5	1811010643	Phan Duy	Dương	25/08/2000			3.0	4.0		2.5		3.0	3.0				3.5		1.5		2.5	19	2.87	91	2.03		
6	1811010611	Vũ Ngọc	Hà	17/06/2000			4.0	4.0		4.0		3.0	3.0				3.5		3.0			17	3.53	99	3.07		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Tiếng Anh 3	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2						
7	1811010580	Đào Thị Hồng	Hạnh	10/10/2000			4.0	4.0		3.5		4.0	3.5				3.0		4.0			17	3.71	99	3.33		
8	1811010633	Phan Thanh	Hằng	18/05/2000			4.0	4.0		3.0		3.0	4.0		4.0		3.5		3.0			20	3.60	99	2.74		
9	1811010560	Đinh Thu	Hiền	10/02/2000			3.5	4.0		2.5		3.0	3.0				3.5		3.0			17	3.18	99	2.80		
10	1811010609	Đoàn Thị	Hiền	04/01/2000			4.0	4.0		3.0		3.0	3.0				3.5		3.5			17	3.41	99	2.43		
11	1811011760	Nguyễn Thúy	Hiền	29/12/2000			3.5	4.0		3.5		4.0	3.5				3.5		4.0			17	3.68	99	3.05		
12	1811010655	Vũ Nguyễn Thảo	Hiền	12/12/2000	3.5		4.0	4.0		3.0		3.0	3.0		3.5		3.5		2.5	2.0		25	3.24	99	2.50		
13	1811010676	Vũ Trần Diệu	Hoa	17/08/2000			3.5	4.0		3.0		3.0	3.0				3.5		3.0			17	3.26	75	2.39	Cảnh báo học tập mức 1	
14	1811010570	Đoàn Thúy	Hồng	30/03/2000			4.0	4.0		3.0		3.0	3.0				3.5		3.0			17	3.35	99	2.71		
15	1811010721	Đoàn Thị	Huê	25/03/2000			3.0	4.0		2.5		3.0	3.0	3.0	4.0		2.5		2.5			22	3.07	99	2.51		
16	1811010582	Nguyễn Thu	Huyền	02/10/2000			3.5	4.0		3.0		3.5	2.5				3.0		3.0			17	3.18	99	2.69		
17	1811010658	Đinh Xuân	Hưng	22/10/2000			0.0	0.0		0.0		0.0	0.0				0.0		0.0			17	0.00	39	2.12		Cảnh báo học tập mức 2
18	1811010592	Nguyễn Thị Thu	Hương	17/01/2000			4.0	4.0		3.0		3.0	3.5				3.5		2.0			17	3.32	99	2.60		
19	1811011456	Lương Ngọc	Lan	12/08/2000			3.5	3.0		3.0		3.0	3.0				3.5		2.0			17	3.03	99	2.70		
20	1811010731	Trần Hồng	Liên	18/07/2000			3.5	4.0		3.0		3.5	4.0				3.0		2.5			17	3.38	99	2.68		
21	1811010577	Nguyễn Thị Thùy	Linh	09/03/2000			4.0	4.0		3.0		4.0	3.5				3.5		3.0			17	3.56	99	3.10		
22	1811010683	Trần Khánh	Linh	19/11/2000			3.5	4.0		3.0		3.0	2.5				3.0		3.0			17	3.12	99	2.70		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Tiếng Anh 3	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2						
23	1811010613	Nguyễn Thị	Luyến	06/02/2000			3.5	3.0		3.0		3.0	3.5				3.0		2.5			17	3.12	99	2.87		
24	1811010638	Hà Khánh	Ly	20/02/2000			4.0	4.0		3.5		3.0	3.5				3.0		4.0			17	3.59	99	2.85		
25	1811011747	Trần Ngọc Thảo	Ly	25/07/2000			3.5	4.0		3.0		3.0	3.0				3.0		2.0		3.0	19	3.08	94	2.36		
26	1811011405	Nguyễn Thị	Mến	08/12/2000			4.0	4.0		4.0		4.0	3.0				3.0		3.0			17	3.59	99	3.27		
27	1811102007	Đỗ Thị Thúy	Nga	08/10/2000			4.0	4.0		4.0		4.0	4.0				4.0		4.0			17	4.00	94	3.78		
28	1811010562	Lê Thị Thu	Ngân	08/08/2000			3.5	4.0		3.0		2.5	3.0				3.0		3.0			17	3.15	99	2.72		
29	1811011424	Nguyễn Thị	Nhâm	22/07/2000			3.5	4.0		2.5		3.5	3.0				3.5		2.0			17	3.12	99	2.44		
30	1811010632	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/02/2000			2.0	4.0		2.5		3.0	3.0				3.0		2.0			17	2.74	99	2.47		
31	1811010722	Cao Hồng	Nhung	13/03/2000			2.0	4.0	3.5	2.5		3.5	3.5	3.0			3.0		3.0			21	3.05	99	2.40		
32	1811011347	Nguyễn Hồng	Nhung	19/11/2000			3.0	4.0		3.0		3.5	3.0				3.5		3.0			17	3.24	95	2.76		
33	1811011507	Nguyễn Thị	Nhung	12/01/2000			4.0	4.0		3.0		4.0	3.0				3.5		3.0			17	3.47	99	3.21		
34	1811011565	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	19/10/1999			3.0	4.0		2.5		3.0	3.0				3.0		3.0			17	3.03	95	2.40		
35	1811011333	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	18/09/2000			3.0	4.0	3.0	2.5		3.5	3.5				3.5		1.5			19	3.05	99	2.61		
36	1811011523	Đỗ Phương	Phương	08/11/2000			3.5	4.0		3.0		3.0	3.0				3.0		3.0		2.0	19	3.08	99	2.48		
37	1811010693	Mai Quỳnh	Phương	05/06/2000			3.0	3.0		3.0	3.0	3.5	4.0				3.5	2.5	2.0			21	3.10	99	2.43		
38	1811010556	Phạm Hà	Phương	01/05/2000			3.0	4.0		2.5		3.5	3.0				2.0		3.0			17	2.97	99	2.36		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Tiếng Anh 3	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2						
39	1811011518	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	01/12/2000			3.5	3.0		3.0		3.5	3.0				3.0		3.0			17	3.15	99	2.62		
40	1811011512	Nguyễn Thúy	Quỳnh	24/02/2000			3.5	3.5		3.0		3.5	3.5				3.5		4.0			17	3.47	99	2.82		
41	1811011442	Phạm Thị	Sen	16/04/2000			2.5	3.0		2.5		4.0	3.0				2.0		3.0			17	2.82	99	2.76		
42	1811010608	Vũ Ngọc	Sơn	17/05/1998			3.5	4.0		3.0		3.0	3.0				2.0	2.5	2.0			19	2.92	99	2.61		
43	1811011746	Hà Thị Ngọc	Sương	28/09/2000			3.5	4.0		2.5		3.0	3.5			3.0	2.0		3.0			19	3.08	97	2.25		
44	1811010700	Lê Phương	Thảo	19/06/2000			3.5	4.0		2.5		3.5	3.0				3.5		3.0			17	3.24	99	2.63		
45	1811010688	Nguyễn Thu	Thảo	07/08/2000			4.0	4.0		3.0		3.5	3.0				2.0		3.0			17	3.24	99	2.34		
46	1811011339	Trần Thị Phương	Thảo	10/03/2000			2.0	4.0		3.0		3.5	3.0				2.0		2.5			17	2.82	99	2.74		
47	1811010692	Phạm Thị	Thơm	14/06/2000			4.0	4.0		3.0		4.0	3.5				3.5		4.0			17	3.68	99	3.09		
48	1811010708	Nguyễn Thị Thu	Thủy	14/08/2000			4.0	4.0		2.5		4.0	3.5				3.5		3.0			17	3.47	99	2.91		
49	1811010612	Nguyễn Thị Phương	Thúy	03/08/2000			3.5	4.0		2.5		3.0	3.0				2.0		3.0			17	3.00	99	2.40		
50	1811010561	Nguyễn Thị Thu	Thúy	18/09/2000			4.0	4.0		2.5		4.0	4.0				3.5		3.5			17	3.62	99	2.94		
51	1811010690	Phạm Thị Thủy	Tiên	14/05/2000			3.5	4.0		2.5		4.0	3.0				3.0		3.0			17	3.24	99	3.16		
52	1811011639	Hà Thu	Trang	23/08/2000			3.5	4.0		2.0		4.0	3.0				2.0		2.5		1.0	19	2.76	99	2.38		
53	1811010674	Hoàng Thị Huyền	Trang	10/05/2000			3.5	4.0		2.0		3.0	3.0	2.0			2.0		2.5			19	2.76	99	2.21		
54	1811010628	Trần Thu	Trang	08/07/2000			3.5	4.0	3.5	2.5		3.0	3.0				2.0		3.0			19	3.05	99	2.73		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Tiếng Anh 3	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Kinh tế tài nguyên biển	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2						
55	1811010557	Tự Thị Thu	Trang	08/08/2000			4.0	4.0		2.5		4.0	3.5				4.0		3.0			17	3.53	99	2.93		
56	1811010305	Lê Thị Thanh	Tuyền	01/04/2000	4.0	2.5	2.5	4.0		2.5		3.0	3.0				2.0		2.5			23	2.89	99	2.44		

Tổng hợp: Tổng số SV: 56 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KE3 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Pháp luật đại cương	Kế toán quản trị 1	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Kinh tế tài nguyên biển	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				3	3	2	2	3	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2						
1	1811010498	Lưu Ngọc Anh	26/06/2000		4.0	4.0		4.0					3.5	4.0				4.0		3.5				17	3.85	99	3.27		
2	1811011387	Nguyễn Lan Anh	02/12/2000		3.0	4.0		3.0					2.5	3.0				3.5		3.0				17	3.09	96	2.52		
3	1811010523	Nguyễn Phương Anh	08/09/2000		3.0	3.5		2.0					2.0	3.0	1.5			4.0		2.0				19	2.58	94	2.18		
4	1811131881	Nguyễn Thị Hoài Anh	10/09/1998		3.0	3.5		3.0					3.0	3.0			3.0		3.0	3.0		2.5	3.0	23	3.00	93	2.38		
5	1811010203	Phạm Hương Anh	27/10/2000		3.5	4.0		3.0					4.0	4.0				4.0		3.5				17	3.68	99	3.30		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Pháp luật đại cương	Kế toán quản trị 1	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Kinh tế tài nguyên biển	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2						
6	1811010241	Cấn Thị Ngọc	Bích	14/10/2000		3.5	4.0		3.0					3.5	3.5				4.0		3.5				17	3.53	99	2.62		
7	1811011427	Đỗ Thị Thanh	Bình	09/02/2000		3.0	4.0		2.5					2.5	3.0				4.0		3.0				17	3.06	97	2.58		
8	1811010515	Nguyễn Mai	Chi	26/12/2000		3.5	4.0		3.0		3.5			3.0	3.5				4.0		2.0				20	3.30	97	2.73		
9	1811010232	Đặng Thị Kim	Dung	19/02/2000		3.0	4.0		3.0					3.0	3.5				4.0		3.0				17	3.29	99	2.97		
10	1811011775	Đỗ Thị Kiều	Dung	13/10/1999		4.0	4.0		3.0					3.5	4.0				4.0		3.0				17	3.62	99	3.15		
11	1811011762	Đinh Thị Thùy	Dương	07/05/2000		3.0	3.5		2.0					3.0	4.0				4.0		3.5				17	3.18	99	2.93		
12	1811010174	Nguyễn Thị Thùy	Dương	22/11/2000		3.0	4.0		2.0					4.0	3.5				3.5		3.5				17	3.29	99	2.54		
13	1811011361	Trịnh Thùy	Dương	03/04/2000		4.0	4.0		3.0					4.0	4.0				4.0		3.5				17	3.76	99	3.22		
14	1811010183	Lê Châu	Giang	09/05/2000	3.5	4.0	4.0		2.0	2.0	3.5			3.0	3.5	2.0			2.5		2.5	3.5			30	3.05	99	2.44		
15	1811010555	Nguyễn Thị Thu	Giang	23/11/2000		4.0	3.5		3.0					3.5	3.5				3.0		3.0				17	3.38	99	2.76		
16	1811010521	Phạm Thị Thùy	Giang	21/06/2000		4.0	4.0		2.5					3.0	3.5				3.5		3.0				17	3.32	99	2.74		
17	1811011327	Lã Thị Thu	Hà	01/07/1999		4.0	4.0		3.5					4.0	4.0				4.0		4.0				17	3.91	99	3.33		
18	1811010238	Cao Thị	Hằng	02/01/2000		4.0	4.0		4.0					4.0	4.0				4.0		3.5				17	3.94	99	3.42		
19	1811010497	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	28/08/2000		3.0	4.0		3.0					3.0	3.5				3.0		3.0				17	3.18	99	2.62		
20	1811010263	Trần Thị Thanh	Hiền	05/05/2000		3.5	4.0	3.5	2.5					3.5	3.5				3.5		2.5				19	3.29	99	2.42		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Pháp luật đại cương	Kế toán quản trị 1	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Kinh tế tài nguyên biển	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2						
21	1811010182	Trịnh Thu	Hiền	20/10/2000		3.5	4.0		3.0					3.0	3.0				3.0		2.5				17	3.15	99	2.48		
22	1811010284	Dương Minh	Hiếu	17/12/2000		3.0	4.0		2.5		2.5			2.5	2.0				3.5		2.0				20	2.73	88	2.05		
23	1811010499	Đỗ Thị	Hoa	20/03/2000		4.0	3.5		2.5					3.5	3.5	2.0			4.0		3.0				19	3.26	99	2.52		
24	1811010184	Phạm Lê	Hoàng	01/08/1998		3.0	4.0		2.0		3.0			3.5	3.5				4.0		2.5				20	3.13	95	2.33		
25	1811011445	Phạm Thị Khánh	Huyền	02/11/2000		3.0	4.0		2.5					4.0	2.0				4.0		2.5				17	3.15	99	2.73		
26	1811010533	Đào Thị Thu	Hương	06/11/2000		4.0	4.0		3.0					4.0	4.0				3.0		3.5				17	3.65	95	2.75		
27	1811010237	Nguyễn Mai	Hương	24/02/2000		4.0	4.0		3.0					3.5	4.0				3.5		3.0				17	3.56	95	2.75		
28	1811010287	Nguyễn Thị Lan	Hương	26/02/2000		4.0	4.0		2.5					3.0	3.0	2.0	4.0		4.0		3.0				22	3.30	95	2.45		
29	1811010502	Nguyễn Thị Mai	Hương	01/04/2000		4.0	4.0	3.0	3.0			2.5		3.0	3.0				4.0		3.0				21	3.29	95	2.29		
30	1811010285	Nguyễn Thị	Lan	14/01/2000		4.0	3.0	3.5	3.0					3.5	4.0				3.0		3.0				19	3.39	99	2.72		
31	1811010264	Nguyễn Thị	Linh	18/06/2000		4.0	3.0		3.0					3.0	4.0				3.0		3.0				17	3.29	95	2.35		
32	1811011428	Nguyễn Thị Bảo	Linh	02/02/2000		4.0	4.0		3.0					4.0	3.5				4.0		3.0				17	3.65	99	3.04		
33	1811011432	Nguyễn Khắc	Long	16/05/2000		4.0	4.0		2.0					3.0	4.0				3.0		3.0				17	3.24	99	2.89		
34	1811010496	Tạ Thị Khánh	Ly	07/11/2000		4.0	4.0		3.5					3.5	3.5				4.0		3.0				17	3.65	99	2.81		
35	1811010168	Bùi Quỳnh	Mai	11/10/2000		4.0	4.0	3.5	3.0					4.0	4.0				4.0		3.0				19	3.68	99	2.48		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Pháp luật đại cương	Kế toán quản trị 1	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Kinh tế tài nguyên biển	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2						
36	1811010243	Nguyễn Thị	Mai	28/01/2000		4.0	4.0		3.0					4.0	4.0				4.0		3.5				17	3.76	99	3.14		
37	1811010542	Vũ Thị Kim	Ngân	14/01/2000		4.0	4.0	4.0	3.0	3.0				3.0	4.0				3.5		3.0				21	3.48	95	2.44		
38	1811010271	Mai Thúy	Nhàn	29/09/2000		3.0	4.0		2.0					3.5	3.0				3.5		3.0				17	3.09	95	2.43		
39	1811010239	Phạm Ngọc	Nhung	17/06/2000		4.0	4.0	4.0	2.0			1.5		3.0	3.0				3.5		2.5				21	3.05	94	2.35		
40	1811010195	Bùi Thị Thu	Phương	11/01/2000		4.0	4.0	4.0	3.0					3.5	3.0				3.5		2.0				19	3.39	99	2.52		
41	1811010171	Nguyễn Thị	Phương	11/11/2000		4.0	4.0	3.5	3.0					3.5	3.0				4.0		3.0				19	3.50	99	2.39		
42	1811010283	Trần Thị	Phương	21/01/2000		4.0	4.0	3.0	2.5					3.5	4.0				3.5		3.0				19	3.42	99	2.39		
43	1811010299	Nguyễn Thu	Phượng	22/03/2000		4.0	4.0		3.0					3.5	3.0				3.0		2.5				17	3.32	95	2.13		
44	1811010259	Nguyễn Thanh	Thảo	12/12/2000		3.5	4.0		3.0					3.0	3.5				4.0		3.0				17	3.38	96	2.95		
45	1811011435	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/02/1999		3.0	4.0		2.0					3.0	2.5				3.5		2.5				17	2.88	99	2.55		
46	1811010176	Đặng Thị	Thắm	19/01/2000		4.0	4.0		2.5					3.0	3.5				3.5		3.5				17	3.38	99	2.57		
47	1811010537	Tạ Thị Hồng	Thắm	05/02/2000		4.0	4.0		3.0					3.5	3.5				3.5		3.0				17	3.50	99	3.10		
48	1811010513	Cao Diệu	Thoa	07/09/2000		4.0	3.5	4.0	3.0					3.0	3.0	2.0		3.0	4.0		3.0				23	3.26	90	2.31		
49	1811011480	Ngô Thị	Thơm	06/10/2000		4.0	3.5		3.0					4.0	4.0				4.0		3.5				17	3.71	99	3.42		
50	1811010257	Nguyễn Thị	Thuận	11/12/1999		3.0	3.5		2.0				2.0	3.0	3.0				3.5		3.0				19	2.84	99	2.33		

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Pháp luật đại cương	Kế toán quản trị 1	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Nguyên lý kế toán	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Kinh tế tài nguyên biển	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				3	3	2	2	3	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2							
51	1811010233	Nguyễn Thị Thủy	09/04/2000		4.0	3.5	2.5	3.5					3.0	3.0				4.0		3.0				19	3.34	95	2.49		
52	1811010249	Trần Thị Thủy Tiên	11/11/2000		3.5	3.5		3.0					4.0	3.0				3.5		2.5				17	3.32	93	2.44		
53	1811010248	Đào Thị Thùy Trang	07/06/2000		3.0	4.0		2.5					4.0	4.0				3.5		3.0				17	3.38	99	3.07		
54	1811010554	Phạm Thị Khánh Vân	17/12/2000		4.0	4.0		3.0					3.5	3.5				4.0		3.5	4.0			20	3.68	99	2.69		

Tổng hợp: Tổng số SV: 54 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KE4 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Toán cao cấp	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3						
1	1811010089	Khuất Thị	Anh	14/11/2000			3.5	4.0		2.0			3.5	3.0			3.5				3.0				17	3.15	99	2.55		
2	1811010114	Nguyễn Lan	Anh	01/09/2000			3.0	4.0		2.0			3.5	3.0			3.0				3.0		3.0	2.0	22	2.86	99	2.29		
3	1811010041	Nguyễn Thị Kim	Anh	15/12/2000		2.5	3.5	4.0		2.5			4.0	3.5			3.0				0.0				20	2.90	97	2.43		
4	1811010036	Nguyễn Thị Tú	Anh	28/10/2000			3.5	4.0		2.5			3.5	2.0			3.5				0.0				17	2.71	87	2.19		
5	1811010108	Phạm Phương	Anh	24/05/2000			3.5	4.0		3.0			3.5	3.0			3.5				0.0		3.0		19	2.97	97	2.63		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Toán cao cấp	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3						
6	1811010055	Bùi Thị Ngọc	Bích	28/02/2000			0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			0.0				0.0				17	0.00	59	2.18		Cảnh báo học tập mức 2
7	1811011546	Lưu Dương Ngọc	Bích	28/12/2000			3.0	3.5		3.0			3.0	4.0			3.0				2.5				17	3.18	99	2.73		
8	1811010081	Nguyễn Thị	Chuyên	12/05/2000			3.5	3.0		2.0			3.5	3.0			2.5				0.0				17	2.56	97	2.46		
9	1811011589	Đặng Ngọc	Diệp	27/09/2000			3.5	3.5		3.0			4.0	3.5			3.5				3.0				17	3.41	99	2.94		
10	1811010030	Nguyễn Tuyết	Dung	09/10/2000			2.5	4.0		2.0			3.0	3.0			3.0				2.5				17	2.79	96	2.40		
11	1811011841	Đặng Trần	Duyệt	31/03/1999	3.0		2.0	3.0		2.5			4.0	3.0			3.0				3.0				20	2.88	87	2.67		
12	1811011583	Nguyễn Quốc	Đạt	04/11/2000			4.0	3.5		2.0			3.0	3.0		1.5	2.0		2.0		3.0				21	2.71	91	2.46		
13	1811010117	Hoàng Thu	Hà	18/01/2000			3.0	4.0		3.0			3.5	3.0			3.0				3.0		3.5		19	3.21	99	2.58		
14	1811011472	Nguyễn Tuấn	Hà	17/02/2000			2.0	3.5		3.0			3.5	3.5			3.0	3.5			3.0				20	3.10	96	2.49		
15	1811010051	Đặng Thị Thu	Hải	10/05/2000			3.5	3.5		2.5			3.5	3.5			3.0				2.5				17	3.15	85	2.38		
16	1811011531	Dương Thị	Hằng	29/08/2000			4.0	4.0		3.0			3.0	3.0			3.5				2.5				17	3.29	99	2.88		
17	1811010152	Trần Thúy	Hằng	08/10/2000		2.5	3.5	4.0	4.0	3.0			3.0	3.0			3.0				2.0				22	3.09	99	2.38		
18	1811010028	Nguyễn Thị	Hiếu	16/10/2000			3.5	3.0		2.5			4.0	4.0			3.0				3.0				17	3.29	99	2.52		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Toán cao cấp	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3						
19	1811010123	Lê Thu	Hòa	01/01/2000			2.5	3.5		2.5			3.0	3.0			3.0				2.5		2.5		19	2.79	95	2.55		
20	1811011436	Nguyễn Quang	Huy	07/01/1998	3.0		4.0	3.0		2.0		2.0	3.0	3.0			2.0				2.0	3.5			24	2.79	94	2.87		
21	1811010116	Mai Thị	Hương	19/06/2000			2.5	3.5		2.5	3.0		2.5	3.0			3.0				2.0				19	2.74	95	2.29		
22	1811010147	Nguyễn Thị Hạnh	Hường	22/02/2000			3.5	4.0		3.0			3.5	3.5			3.5				3.5				17	3.47	99	2.67		
23	1811010001	Đỗ Thị Hương	Lan	15/11/2000			3.0	4.0		2.5			3.5	3.0			3.0				3.0		2.5		19	3.03	81	2.52		
24	1811010097	Đặng Thùy	Linh	05/12/2000			3.0	4.0		2.5			3.5	4.0			4.0				3.0				17	3.38	99	2.59		
25	1811010101	Lê Khánh	Linh	22/10/2000			3.5	3.5		2.0			4.0	3.0			3.5				3.5				17	3.21	99	2.63		
26	1811011610	Lưu Thị	Linh	12/02/2000			4.0	4.0		2.0			4.0	3.5			4.0				3.0				17	3.44	99	3.13		
27	1811011493	Phan Thị Phương	Linh	11/08/2000			4.0	4.0		3.5			4.0	3.0			3.5				3.0				17	3.56	99	2.94		
28	1811010144	Vũ Thị Kim	Linh	27/10/2000			3.5	4.0		3.0			3.5	3.5			3.5				4.0				17	3.53	95	2.61		
29	1811010061	Vũ Thùy	Linh	25/09/2000			2.5	3.0		2.0			3.0	3.0			2.0				1.0				17	2.38	85	2.08		
30	1811011659	Ngô Thanh	Loan	17/06/2000			2.0	3.0		3.0			3.5	3.0			3.5				3.5				17	3.00	95	2.78		
31	1811011580	Lê Thị Phương	Ly	09/12/2000			3.0	4.0		2.5			3.0	3.0			3.5				3.0				17	3.09	99	2.60		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Toán cao cấp	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3						
32	1811010104	Nguyễn Cẩm	Ly	16/12/2000			4.0	3.0		2.0			3.5	3.0			1.5				3.0				17	2.88	99	2.44		
33	1811011156	Nguyễn Thị	Ly	10/10/2000			2.0	4.0		3.0			2.5	3.5			3.0				3.0				17	2.97	99	2.57		
34	1811011853	Nguyễn Thị Khánh	Ly	09/06/2000			4.0	4.0		3.0			3.0	3.0			3.5				3.0				17	3.35	99	2.68		
35	1811010161	Nguyễn Ngọc	Minh	22/09/2000			4.0	4.0		3.0			3.0	3.0			4.0				2.5				17	3.35	99	2.73		
36	1811011799	Vũ Thị	My	15/12/2000			3.5	4.0		2.5			2.5	3.0			3.5				3.0				17	3.12	99	2.61		
37	1811011577	Lưu Thị Thu	Ngọc	11/12/2000			4.0	4.0		4.0			3.0	4.0			4.0				2.5	3.0			19	3.63	99	2.93		
38	1811010143	Nguyễn Thị	Ngọc	12/06/2000			3.0	4.0		2.5			3.5	3.0			4.0				3.5				17	3.26	99	2.86		
39	1811011793	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	11/07/2000			3.5	4.0		2.5			2.5	3.0			4.0			2.5	3.0				19	3.11	99	2.58		
40	1811011575	Phạm Linh	Ngọc	26/12/2000			3.5	4.0		2.5			2.5	3.0			3.5				3.0				17	3.12	99	2.75		
41	1811010138	Phí Thị Bích	Ngọc	25/05/1999			3.0	4.0		2.0			2.5	3.0			3.0				3.0				17	2.88	99	2.46		
42	1811011767	Tạ Thị Mai	Phương	01/01/2000			3.5	4.0		2.5			3.0	3.5			4.0				3.0				17	3.32	99	2.75		
43	1811010068	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	08/08/2000			4.0	4.0		2.5			3.0	2.5			4.0				3.5				17	3.29	99	2.43		
44	1811010092	Trịnh Thị	Quỳnh	03/02/1999			3.0	4.0		2.0			2.5	3.0			3.0				0.0				17	2.53	97	2.38		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kinh tế vĩ mô	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Quản trị dự án đầu tư	Tin học đại cương	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Toán cao cấp	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Quản trị kinh doanh	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3						
45	1811010126	Trần Thị	Thanh	20/03/2000			2.5	4.0		3.0			3.0	3.0			3.5				0.0			2.5	20	2.70	97	2.23		
46	1811010043	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	30/01/2000			3.0	4.0		2.5			2.5	3.5			3.0				0.0				17	2.71	93	2.32		
47	1811010044	Nguyễn Hồng	Thắm	30/11/2000			3.5	3.0		3.0			3.5	4.0	4.0		4.0				0.0	4.0			22	3.30	91	2.53		
48	1811010136	Nguyễn Thị	Thu	03/12/2000			2.0	4.0		1.0			1.5	2.0			2.0				0.0				17	1.76	83	2.14		
49	1811010150	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	29/08/2000			3.0	4.0		3.0			3.0	3.0			3.0				3.0				17	3.12	99	2.69		
50	1811010107	Cao Huyền	Trang	11/08/2000			4.0	4.0		3.0			3.0	3.0			3.5				0.0				17	3.00	97	2.39		
51	1811010118	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	03/10/2000			4.0	4.0		3.0			3.5	3.0			4.0				3.5				17	3.53	99	2.89		
52	1811010032	Lê Thị	Uyên	08/10/2000			3.5	4.0		2.5			4.0	3.0			3.5				3.5				17	3.35	99	2.67		
53	1811010129	Đặng Quốc	Việt	02/09/2000			3.5	4.0		2.0			3.5	3.5			3.5				0.0				17	2.88	95	2.43		
54	1811010167	Ngô Hoàng	Yến	15/12/2000			3.5	4.0		3.5			3.5	3.0			3.0				3.0				17	3.35	99	2.61		

Tổng hợp: Tổng số SV: 54 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KE5 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh chuyên ngành	Kế toán quản trị 1	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3						
1	1811010886	Mai Diệu	An	17/08/2000		3.5	4.0					3.5		2.5	4.0		4.0			3.0					17	3.44	99	2.94		
2	1811010879	Dương Thị Lan	Anh	10/05/2000		1.5	3.0			3.0		2.5		4.0	2.0		3.5			2.0					20	2.70	99	2.29		
3	1811010849	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	02/01/2000		3.5	4.0					3.0		3.5	3.0				3.0	1.5					17	3.12	95	2.49		
4	1811011812	Đỗ Thành	Đạt	22/10/2000		1.5	4.0					2.5		3.0	3.0		3.5			2.0					17	2.71	95	2.58		
5	1811010769	Nguyễn Thị Thu	Gấm	12/05/2000		3.0	3.5					2.5		3.5	3.0		3.5			2.5					17	3.06	99	2.34		
6	1811010829	Đào Thị Thu	Hằng	29/07/2000		4.0	4.0					2.0		4.0	3.0		4.0			3.5					17	3.47	99	3.05		
7	1811010893	Vũ Thanh	Hằng	11/06/2000		3.0	3.5					3.0		3.5	3.0		4.0			1.5					17	3.09	91	2.58		
8	1811011479	Lê Thị	Hiên	29/06/2000		3.0	4.0					3.0		3.5	4.0		3.5			3.0					17	3.38	99	2.72		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh chuyên ngành	Kế toán quản trị 1	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3						
9	1811011805	Trần Thị	Hiên	19/10/1999		3.0	4.0					3.0		4.0	3.5		3.5			2.5		4.0			19	3.42	99	2.52		
10	1811010776	Vũ Thị Thu	Hiền	19/06/2000		4.0	4.0					3.0		3.5	4.0		4.0			3.0					17	3.62	99	3.03		
11	1811010799	Ngô Minh	Hiếu	26/02/1999		2.5	3.0					2.5		3.0	3.0		3.0			2.0		2.5			19	2.68	99	2.29		
12	1811010740	Nguyễn Đình	Hiếu	08/09/2000		2.5	4.0					3.0		4.0	3.0		3.5			2.5	3.5				20	3.25	95	2.60		
13	1811010742	Đỗ Thị Phương	Hoa	19/04/2000		3.0	3.5		4.0			2.5		3.5	3.5		3.0	3.5		2.0					23	3.20	99	2.61		
14	1811010746	Nguyễn Việt	Hồng	09/11/2000		3.5	4.0					3.0		3.0	4.0		3.5			2.5					17	3.32	95	2.74		
15	1811010810	Nguyễn Thu	Huế	08/02/2000		3.0	4.0	3.0	3.5			2.5		3.5	3.0		3.5			3.0		4.0			24	3.27	99	2.70		
16	1811010812	Đinh Thị	Huyền	07/12/2000		4.0	4.0					3.5		3.0	4.0		4.0			3.0					17	3.62	99	2.99		
17	1811010896	Hoàng Thị Thu	Huyền	14/02/2000		3.5	4.0					3.0		4.0	3.5		4.0			3.0					17	3.56	99	3.02		
18	1811011353	Lại Thị Khánh	Huyền	15/06/2000		3.0	4.0					3.0		4.0	4.0		4.0			3.0		4.0			19	3.58	99	3.29		
19	1811010774	Ngô Thị Thu	Hương	03/10/2000		4.0	4.0					2.0		4.0	3.5		4.0			3.5					17	3.53	99	2.84		
20	1811011788	Hà Như Ngọc	Lan	30/09/2000		3.0	4.0					3.0		3.0	3.5		3.5			3.0					17	3.24	99	2.70		
21	1811011486	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	21/06/2000		3.5	4.0					3.0		4.0	4.0		4.0			3.5					17	3.68	99	3.42		
22	1811010847	Nguyễn Thị	Liễu	05/10/2000		4.0	4.0					3.0		3.5	3.5		4.0			3.0		4.0			19	3.61	95	2.87		
23	1811011468	Hoàng Thị Thùy	Linh	16/03/2000		3.5	4.0					3.0		3.5	4.0		4.0			3.5					17	3.59	99	3.40		
24	1811011458	Nguyễn Thị	Linh	06/02/2000		4.0	4.0					2.5		4.0	4.0		4.0			3.0					17	3.62	99	2.73		
25	1811010856	Phạm Thị	Linh	03/03/2000		3.0	3.0					2.5		3.0	3.0		3.5			3.5					17	3.03	99	2.54		
26	1811011374	Phùng Thị Khánh	Linh	29/12/2000		3.0	4.0					3.0		3.5	3.5		4.0			4.0					17	3.50	99	2.89		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh chuyên ngành	Kế toán quản trị 1	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3						
27	1811010821	Đinh Trần	Long	03/09/2000		3.5	4.0					3.0		4.0	4.0		3.5			3.0	4.0				20	3.63	99	2.99		
28	1811010822	Nguyễn Thị	Lương	30/08/2000		4.0	4.0					2.5		3.0	3.5		3.5			3.0					17	3.32	99	2.66		
29	1811010871	Lê Thị Khánh	Ly	02/12/2000		3.0	4.0					3.0		3.5	4.0		3.5			3.0					17	3.38	99	2.93		
30	1811010738	Nguyễn Hà	Ly	25/07/2000		2.5	4.0		3.5			3.0		3.0	3.5		3.0			3.5	4.0				23	3.30	95	2.69		
31	1811010844	Lê Thị Ngọc	Mai	17/07/2000		3.5	3.5					2.0		3.0	2.5		3.0			3.0					17	2.91	99	2.80		
32	1811010863	Nguyễn Phượng	Mai	14/11/2000		3.5	4.0				3.0	3.0		3.5	3.0	3.0	3.5			3.0		3.0			24	3.25	97	2.56		
33	1811010899	Nguyễn Thị Thanh	Mai	09/07/2000		3.5	4.0					2.0		2.5	2.5		3.0			3.0					17	2.88	97	2.64		
34	1811010824	Trần Hiền	Mai	23/04/2000		3.5	4.0					3.0		4.0	4.0		4.0			3.0					17	3.62	99	3.11		
35	1811010908	Nguyễn Thúy	Ngân	01/12/2000		4.0	4.0					3.0		4.0	4.0		4.0			3.0					17	3.71	99	3.14		
36	1811010758	Lưu Thị	Ngọc	10/10/2000		3.5	4.0					2.5		3.5	3.5		3.5			3.0					17	3.32	99	3.00		
37	1811010851	Phạm Thị Hồng	Ngọc	05/12/2000		3.0	4.0					2.5		2.5	3.0		3.5			3.0		3.0		2.5	22	2.93	99	2.50		
38	1811010794	Dương Thanh	Nhàn	23/04/2000		2.0	3.0					3.5		3.0	2.5		3.0			3.0					17	2.85	94	2.30		
39	1811010779	Nguyễn Thị Thu	Phương	09/08/2000		4.0	4.0					2.5		3.0	3.5		3.0			3.0					17	3.26	99	2.69		
40	1811011811	Nguyễn Thị	Quỳnh	07/10/2000		4.0	4.0					2.5		3.5	4.0		3.0			2.5					17	3.35	99	2.77		
41	1811010765	Đinh Thị Phương	Thảo	13/09/2000		4.0	4.0					3.0		3.0	3.5		3.0			3.0					17	3.35	99	2.61		
42	1811010789	Nguyễn Thị	Thảo	01/03/2000		4.0	4.0					2.0		3.5	3.5		3.5			3.0					17	3.32	99	2.53		
43	1811010803	Tạ Thanh	Thảo	23/01/1999		2.5	3.0					3.0	3.0	2.5	2.0		2.0			2.0					20	2.55	99	2.63		
44	1811010894	Lê Thị	Thuận	22/01/2000		4.0	3.5					2.5		3.0	3.0	2.5	3.5			2.5					19	3.08	99	2.29		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh chuyên ngành	Kế toán quản trị 1	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tài chính doanh nghiệp	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	3	2	2	3						
45	1811010764	Đồng Thị Thu	Thủy	18/04/2000		4.0	4.0					3.0		3.5	3.0		4.0			3.0					17	3.50	99	2.64		
46	1811010897	Nguyễn Thị Minh	Thư	17/07/2000		4.0	4.0					3.0		3.0	3.5	3.0	4.0			3.0	4.0				22	3.50	99	2.81		
47	1811010809	Hoàng Ninh	Trang	29/09/2000		3.5	3.5					3.0		4.0	4.0		4.0			3.5					17	3.62	99	3.27		
48	1811010767	Nguyễn Thị Kiều	Trang	19/11/2000		4.0	4.0					2.5		2.5	3.0		2.0			3.0					17	3.00	96	2.40		
49	1811010802	Nguyễn Thu	Trang	09/08/2000		4.0	4.0					2.5		4.0	3.5		4.0			3.5					17	3.62	99	2.87		
50	1811010813	Phùng Thu	Trang	24/09/2000		4.0	4.0					2.5		4.0	4.0		4.0			3.5					17	3.68	99	3.07		
51	1811010839	Đinh Quỳnh	Trâm	05/07/2000		3.0	3.5					3.0		3.0	3.0		2.5			3.0					17	3.00	99	2.82		
52	1811010881	Trịnh Anh	Tuấn	20/10/2000		3.5	3.5					3.0		3.0	4.0		3.5			1.5					17	3.15	99	2.88		
53	1811131874	Vũ Mạnh	Tuấn	17/11/1999	3.0	2.5	3.0					2.5		2.5	3.0	1.5				2.5			2.5		22	2.57	87	2.21	Cảnh báo học tập mức 1	
54	1811010773	Chu Thị Ánh	Tuyết	07/08/2000		4.0	4.0					4.0		4.0	4.0		4.0			3.5					17	3.94	99	3.52		
55	1811011791	Nguyễn Thị Minh	Tươi	08/07/2000		3.5	4.0					3.0		3.0	4.0		3.5			3.0					17	3.38	99	3.29		
56	1811010883	Nguyễn Thị Bảo	Uyên	27/12/2000		3.5	4.0					3.0		4.0	3.5		3.0			2.5					17	3.38	99	2.60		
57	1811010835	Phạm Thị Hải	Yến	13/10/2000		3.0	4.0					3.0		4.0	4.0		4.0			3.5					17	3.59	99	3.17		

Tổng hợp: Tổng số SV: 57 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KE6 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	3	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
1	1811011051	Đỗ Thị Ngọc	Anh	11/03/2000		4.0	4.0		3.0	4.0	4.0			4.0		4.0			17	3.82	99	3.53		
2	1811011066	Nguyễn Lan	Anh	03/02/2000		4.0	4.0		3.5	4.0	4.0			3.5		4.0			17	3.85	99	3.08		
3	1811011030	Nguyễn Thị Minh	Anh	10/10/2000		4.0	4.0		3.0	3.5	3.5			4.0		3.5			17	3.62	99	2.91		
4	1811010998	Phạm Vân	Anh	30/08/2000		3.0	3.0		2.5	2.5	3.5			3.5		3.5			17	3.06	99	2.75		
5	1811011009	Trần Thị Lan	Anh	18/07/2000		4.0	3.0		3.0	3.5	3.5			3.5		3.5			17	3.44	99	3.01		
6	1811010963	Vũ Thị Phương	Anh	03/05/2000		3.0	4.0		2.5	3.0	3.5			3.0		3.0			17	3.12	99	2.67		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	3	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
7	1811011090	Vương Thị Kim	Anh	24/07/1999		4.0	4.0		3.5	4.0	4.0			3.5		4.0			17	3.85	99	3.40		
8	1811011073	Lê Thị Minh	Ánh	28/02/2000		3.0	4.0		2.5	3.0	3.5			4.0		3.5			17	3.29	95	2.91		
9	1811011474	Nguyễn Thị Phương	Dung	07/10/2000		3.0	3.5		4.0	3.5	3.0			4.0		3.0			17	3.41	99	2.93		
10	1811011014	Lê Phạm Thanh	Duyên	03/02/2000		3.0	3.0		3.0	3.0	3.0			3.0		3.0			17	3.00	94	2.71		
11	1811011102	Triệu Thị Mỹ	Duyên	18/08/2000		2.0	4.0		2.5	3.0	3.0			4.0		3.5			17	3.03	85	2.59		
12	1811011044	Vũ Hương	Giang	10/11/2000		4.0	3.0		2.5	4.0	4.0			3.0		3.5			17	3.44	96	2.81		
13	1811010994	Vũ Thị	Hạnh	20/03/2000		3.5	3.0		3.0	4.0	3.0			3.5		3.5			17	3.32	99	3.01		
14	1811011031	Lưu Thị Thu	Hiền	03/01/2000		3.0	4.0		2.0	2.5	3.0			3.0		3.0			17	2.88	92	2.49		
15	1811010938	Nguyễn Thu	Hiến	13/08/2000		3.5	4.0		3.0	4.0	3.5			4.0		4.0			17	3.65	99	3.15		
16	1811110310	Mai Khắc	Hiếu	10/10/2000		3.5	4.0		3.0	4.0	3.0			2.5		3.5	3.5		19	3.34	89	2.67		
17	1811011113	Trần Trung	Hiếu	19/07/2000		3.5	4.0		2.5	3.0	3.0			3.0		3.0	3.0		19	3.11	99	2.70		
18	1811011487	Nguyễn Phương	Hoa	20/02/2000		3.5	4.0		3.5	4.0	3.0			4.0		3.0			17	3.53	99	2.84		
19	1811010975	Lê Thị Quý	Hòa	18/11/2000		3.0	4.0		3.0	3.0	3.5			3.5		3.5			17	3.32	99	2.82		
20	1811011038	Nguyễn Thu	Hoài	13/01/2000		4.0	4.0		4.0	4.0	3.5			3.5		3.5			17	3.79	99	3.39		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	3	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
21	1811011034	Nguyễn Thị Kim	Hồng	13/11/2000		4.0	4.0		4.0	4.0	3.5			4.0		3.5			17	3.85	99	3.21		
22	1811011052	Nguyễn Thị Hoàng	Huyên	18/05/2000		4.0	4.0		2.0	4.0	4.0			4.0		3.0			17	3.53	99	3.07		
23	1811011071	Nguyễn Như Thị Thu	Hường	07/01/2000		3.5	3.5		0.0	4.0	3.0			3.0		3.5			17	2.79	96	2.57		
24	1811011046	Nguyễn Tuệ	Khang	06/09/2000		3.0	3.5		2.0	3.0	3.0			3.0		3.0			17	2.88	99	2.69		
25	1811011067	Bùi Khánh	Linh	29/05/2000		3.5	3.5		2.0	3.5	3.0			4.0		3.5			17	3.21	99	2.59		
26	1811011029	Hoàng Thị Mỹ	Linh	24/03/2000		4.0	4.0		2.0	4.0	3.0			4.0		4.0			17	3.47	99	2.97		
27	1811011399	Ngô Thị Phương	Mai	20/03/2000		4.0	4.0		3.0	4.0	3.5			3.5		4.0			17	3.68	99	3.29		
28	1811010992	Nguyễn Thị	Mai	05/05/2000		3.5	4.0		2.5	2.5	3.0			4.0		3.0			17	3.18	99	2.65		
29	1811010966	Nguyễn Thế	Nam	11/08/2000	3.5	3.0	4.0	3.5	4.0	3.5	3.0			3.0		3.5			21	3.43	99	2.63		
30	1811011059	Phạm Thị	Nga	28/08/2000		3.5	3.5	4.0	3.5	4.0	3.0			3.5		3.5			19	3.53	99	2.58		
31	1811010961	Đặng Thị Thanh	Ngân	08/02/2000		3.0	3.5		2.0	4.0	3.0			3.5		3.5			17	3.12	99	2.67		
32	1811011112	Lương Khánh	Ngân	11/12/2000		3.5	4.0	3.5	2.5	2.5	3.5			4.0		4.0		3.0	22	3.34	97	2.56		
33	1811011109	Đặng Trần Yến	Nhi	02/03/2000		3.5	4.0		2.5	3.5	3.5			4.0		3.0			17	3.38	95	2.73		
34	1811010974	Lê Thị Trang	Nhung	07/09/2000		4.0	4.0		3.0	4.0	3.5			3.5		4.0			17	3.68	99	3.38		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	3	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
35	1811011426	Trần Thị Hồng	Nhung	16/11/2000	3.5	3.5	4.0		3.0	4.0	3.0			4.0		4.0			19	3.55	99	2.88		
36	1811010926	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/10/2000		3.5	3.5		3.0	3.0	4.0	4.0		4.0		4.0			20	3.63	99	2.55		
37	1811011092	Phạm Thị	Oanh	20/10/2000		4.0	4.0		4.0	3.5	4.0			4.0		4.0			17	3.94	99	3.00		
38	1811010939	Lê Thu	Phương	26/01/2000		3.5	3.0	4.0	3.0	2.5	4.0			3.0		3.0			19	3.29	96	2.74		
39	1811011081	Nguyễn Thu	Phương	25/06/2000		4.0	4.0		3.0	3.0	4.0			4.0		3.5			17	3.65	99	2.85		
40	1811011396	Trần Thị	Phương	17/02/2000		4.0	3.5		2.5	3.5	3.0			3.0		3.5			17	3.26	99	2.83		
41	1811011023	Đinh Thị Bích	Phượng	19/08/2000		4.0	3.0		3.0	3.0	3.5			3.0		3.5			17	3.32	99	2.76		
42	1811011085	Hoàng Thị	Phượng	03/09/2000		4.0	3.5		3.0	3.0	4.0			3.5		3.5			17	3.53	93	2.69		
43	1811011083	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	06/05/2000		4.0	3.5		3.0	3.5	3.5			3.0		3.0			17	3.38	99	2.85		
44	1811011091	Nguyễn Thanh	Thanh	17/10/2000		3.0	3.0	4.0	2.5	3.0	3.5			3.5		3.5			19	3.21	99	2.63		
45	1811010836	Trần Phương	Thảo	25/02/2000		4.0	3.0		2.5	3.0	3.5			3.5		3.0			17	3.24	97	2.44		
46	1811010991	Vũ Thị Phương	Thảo	14/07/2000		3.5	4.0		3.0	3.0	3.0			4.0		3.5			17	3.38	99	3.03		
47	1811011438	Phạm Hải	Thắng	31/07/2000		4.0	3.5		2.0	3.0	3.0			3.0		3.0	2.0		19	2.95	83	2.73		
48	1811011045	Dương Thị Huyền	Trang	01/11/2000		3.5	3.5		2.5	3.0	3.0			3.0	2.5	3.0			19	3.00	99	2.62		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Nguyên lý định giá	Tiếng Anh chuyên ngành	Kế toán chi phí	Kiểm toán tài chính	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	2	3	2	3	3	2	2	2	2	2	3						
49	1811011047	Đỗ Thị Thu	Trang	02/08/2000		2.5	3.5		3.0	3.0	3.5			3.5		3.5			17	3.18	99	2.82		
50	1811010912	Khuất Thị Thuỳ	Trang	06/03/2000		3.0	3.0		3.0	3.5	3.5			3.5		3.0			17	3.21	99	2.94		
51	1811011418	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/05/2000		3.5	4.0		3.0	3.5	3.0			3.5		3.5			17	3.38	99	2.82		
52	1811011000	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/11/2000		4.0	4.0		3.0	3.0	3.5			3.5		4.0			17	3.56	96	3.02		
53	1811010930	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/05/2000		4.0	3.5		4.0	4.0	3.5			4.0		3.0			17	3.74	92	2.96		
54	1811011001	Đào Thu	Uyên	12/11/2000		3.0	2.0		3.5	3.0	3.0			3.0		3.0			17	2.97	99	2.68		
55	1811010952	Nguyễn Thị	Vân	06/01/2000		4.0	3.5		4.0	4.0	4.0			4.0		4.0			17	3.94	99	3.38		
56	1811011348	Dương Thị	Xuân	15/09/2000		3.5	4.0		0.0	4.0	0.0			0.0		0.0			17	1.56	89	2.85		
57	1811011040	Lê Hoàng	Yến	24/08/2000		4.0	4.0	4.0	3.0	3.0	3.5		3.0	3.5		3.0			21	3.45	99	2.93		

Tổng hợp: Tổng số SV: 57 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KE7 **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Tiếng Anh chuyên ngành	Thương mại điện tử	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2						
1	1811011163	Nguyễn Thị	An	11/02/2000		4.0	4.0	2.5		3.0	4.0			3.5		3.0			17	3.38	99	2.63		
2	1811011536	Bùi Kim	Anh	04/11/2000		3.0	3.5	3.0		3.5	3.0			3.0	3.0	2.0			19	3.03	99	2.59		
3	1811011572	Giang Thị Vân	Anh	01/09/2000		4.0	4.0	3.0		4.0	4.0			3.0		3.5			17	3.65	99	3.15		
4	1811011172	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/08/2000		4.0	4.0	3.5		3.5	3.0			3.0		3.0			17	3.47	99	2.73		
5	1811011217	Phạm Thị Tú	Anh	02/03/2000		4.0	4.0	2.5		3.5	4.0			3.5		3.0			17	3.47	93	2.67		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Tiếng Anh chuyên ngành	Thương mại điện tử	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2						
6	1811011231	Vũ Thị Lan	Anh	29/10/2000	3.5	3.5	3.0	3.0		3.0	3.0			3.0		3.0			20	3.15	99	2.52		
7	1811011114	Cao Thị	Ánh	14/06/2000		4.0	4.0	3.5		3.5	4.0			3.5		3.0			17	3.65	99	2.92		
8	1811011555	Nguyễn Thị Hồng	Chuyên	24/02/2000		3.5	4.0	3.0		3.5	3.5			4.0		3.0			17	3.47	99	3.17		
9	1811011301	Nguyễn Thùy	Dung	01/12/2000		2.5	3.0	1.5		3.5	3.0			3.0		2.0			17	2.62	99	2.32		
10	1811011620	Nguyễn Thuỳ	Dương	04/02/2000		3.5	3.0	2.5		3.0	3.5			2.5		3.0			17	3.00	97	2.46		
11	1811011570	Trần Thị Thùy	Dương	15/07/2000		3.5	4.0	3.0		3.0	3.5			3.0		2.5			17	3.21	99	3.13		
12	1811011245	Lê Công	Đạt	18/08/2000		3.5	3.0	3.0		4.0	4.0			3.5		2.0			17	3.32	94	2.79		
13	1811011211	Lê Thị Hương	Giang	01/10/2000		3.5	3.5	4.0		4.0	3.5			3.5		2.5			17	3.56	99	2.98		
14	1811011241	Đỗ Việt	Hà	27/09/2000		2.5	3.5	2.5		3.5	3.5			2.5		3.0			17	2.97	97	2.68		
15	1811011148	Nguyễn Thị	Hà	09/09/2000		3.0	4.0	2.0		3.5	2.5			2.5		2.5			17	2.85	97	2.20		
16	1811011308	Nguyễn Thị	Hà	04/01/2000		4.0	4.0	3.0		3.0	4.0			4.0		3.0			17	3.53	99	2.70		
17	1811011582	Phạm Thị Nhật	Hạ	03/06/2000	3.5	3.5	4.0	4.0		3.5	4.0			3.5		3.0			20	3.63	99	2.61		
18	1811011257	Nguyễn Thị	Hạnh	02/01/2000		3.0	3.5	3.0		3.5	3.5			4.0		3.0			17	3.32	99	2.86		
19	1811012029	Đoàn Thị Ngọc	Hảo	14/01/2000		3.5	3.5	3.0		3.0	3.5			4.0		3.0		4.0	19	3.39	99	2.50		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Tiếng Anh chuyên ngành	Thương mại điện tử	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2						
20	1811011157	Nguyễn Minh	Hằng	16/01/2000		3.5	4.0	3.0		4.0	4.0			4.0		3.0			17	3.62	99	3.12		
21	1811011269	Trần Thị	Hằng	01/01/2000		4.0	3.5	2.0		3.0	3.0			3.5		2.5			17	3.06	99	2.48		
22	1811011588	Vũ Thị	Hằng	24/01/2000		4.0	4.0	4.0		3.0	3.5			3.5		3.0			17	3.59	99	2.98		
23	1811011621	Đoàn Thị	Hiền	13/10/2000		2.5	1.5	2.5		3.5	3.0			2.0		2.0			17	2.50	92	2.33		
24	1811011243	Lê Thanh	Hoa	18/11/2000		3.5	4.0	4.0		3.0	4.0			4.0		3.0			17	3.62	91	2.44		
25	1811011556	Dương Thị Minh	Hòa	13/04/2000		3.5	4.0	4.0		4.0	3.5			3.5		3.0			17	3.68	99	3.19		
26	1811011607	Phạm Thị	Hoài	22/10/2000		4.0	4.0	3.5		3.5	3.5			3.5		3.0			17	3.59	99	2.88		
27	1811011155	Cao Thanh	Huyền	21/04/2000		3.5	4.0	3.0		4.0	4.0			4.0		3.0			17	3.62	99	2.86		
28	1811011171	Nguyễn Thị	Hương	26/03/2000		4.0	4.0	2.5		3.5	3.5			4.0		3.0	2.0		20	3.25	99	2.58		
29	1811011646	Đoàn Thị	Hường	06/02/2000		4.0	4.0	3.0		3.5	4.0			4.0		3.0			17	3.62	99	3.23		
30	1811011161	Lê Thị	Khuyên	09/04/2000		3.5	4.0	3.0		3.0	3.0			3.5		3.5			17	3.32	99	2.49		
31	1811011224	Phạm Hồng	Lam	20/04/2000		3.5	3.5	3.0		2.5	2.5			3.0		2.5			17	2.94	97	2.48		
32	1811011296	Hoàng Thị	Lan	22/04/2000		3.5	4.0	3.0		3.5	4.0			4.0		3.0			17	3.53	99	2.73		
33	1811011584	Bùi Thị	Linh	04/05/2000		3.5	3.5	3.0	3.0	4.0	3.5		3.0	3.5	3.0	3.0	2.5		26	3.23	95	2.33		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Tiếng Anh chuyên ngành	Thương mại điện tử	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2						
34	1811011568	Bùi Thị Huyền	Linh	18/11/1999		3.5	3.5	3.0		3.5	3.0	3.0		3.5	2.5	3.0			21	3.19	95	2.56		
35	1811011738	Đỗ Diệu	Linh	12/08/2000		4.0	4.0	3.0		4.0	3.5			4.0		3.0			17	3.65	99	2.98		
36	1811011306	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/03/2000		3.5	4.0	3.5		4.0	4.0			3.0		3.0			17	3.59	99	3.02		
37	1811011237	Hán Ngọc	Long	21/11/2000		3.0	2.0	2.0		3.0	2.0			2.0		2.0			17	2.35	99	2.40		
38	1811011289	Nguyễn Hồng	My	18/01/2000		3.0	3.0	2.5		3.5	3.0			3.5		3.0			17	3.06	99	2.58		
39	1811011152	Trần Thanh Trà	My	19/07/2000		4.0	3.0	2.5		3.5	4.0			4.0		3.0			17	3.41	95	2.44		
40	1811011240	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	02/11/2000		3.5	3.5	3.0		3.5	3.5			4.0		3.0			17	3.41	99	3.15		
41	1811011305	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	07/09/1996		3.5	2.5	3.0		4.0	2.5			4.0		2.5			17	3.21	99	2.63		
42	1811011198	Đinh Hồng	Nhung	21/12/2000		4.0	4.0	4.0		4.0	4.0			3.5		3.5			17	3.88	99	3.43		
43	1811011175	Triệu Thị	Oanh	14/10/2000		3.5	3.5	2.0		3.5	3.0			3.0		3.0			17	3.06	99	2.69		
44	1811011167	Ngô Thu	Phương	21/09/2000		2.5	3.0	3.0		3.5	3.5			4.0		3.0			17	3.18	99	2.76		
45	1811011221	Đào Thị	Quỳnh	11/07/2000		4.0	3.0	3.5		4.0	4.0			4.0		3.5			17	3.74	99	3.08		
46	1811011297	Trương Văn	Sĩ	23/04/2000		4.0	2.5	2.0		3.0	2.5			3.5		0.0			17	2.59	91	2.34		
47	1811011121	Nguyễn Phương	Thảo	27/08/2000		3.5	2.5	3.0		2.5	2.5			4.0		0.0			17	2.65	97	2.37		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính - Tiền tệ	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Tiếng Anh chuyên ngành	Thương mại điện tử	Kiểm toán tài chính	Kế toán chi phí	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Thống kê doanh nghiệp	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2						
48	1811011229	Nguyễn Thị	Thảo	29/09/2000		3.5	3.0	3.0		4.0	3.0			3.0		0.0			17	2.91	95	2.51		
49	1811011126	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23/10/2000		3.0	2.0	2.0		3.0	2.0			2.0		3.0			17	2.47	96	2.30		
50	1811011464	Trần Mai	Thu	23/08/2000		2.5	4.0	3.5		4.0	4.0			3.5		3.0			17	3.47	99	2.77		
51	1811011205	Phạm Hoài	Thương	27/11/2000		3.0	2.5	2.5		3.0	2.5			2.5		3.0			17	2.74	97	2.56		
52	1811011160	Nguyễn Thủy	Tiên	28/05/2000		3.0	2.5	2.5		3.5	3.0			3.0		3.0			17	2.94	99	2.41		
53	1811011125	Bùi Thu	Trang	30/09/2000		4.0	3.0	3.0		3.0	2.5			3.0		0.0			17	2.76	91	2.41		
54	1811011266	Chu Minh	Tú	18/11/2000		3.5	2.5	2.5		3.5	3.5			3.0		3.0			17	3.09	95	2.42		

Tổng hợp: Tổng số SV: 54 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KN **Ngành: Kế toán** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh chuyên ngành	Thương mại điện tử	Kiểm toán tài chính	Kiểm toán hoạt động	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	3	2	3	3	3	2	2	2						
1	1811010407	Hà Thị Kiều	An	02/09/2000	3.5	4.0		3.0		3.5	3.5			3.5	3.0	18	3.42	100	3.09		
2	1811010656	Đinh Phương	Anh	29/03/2000	3.5	4.0		3.0		3.0	3.5			3.5	3.0	18	3.33	100	2.86		
3	1811011772	Hoàng Lan	Anh	13/08/2000	4.0	4.0		4.0		4.0	3.5			4.0	4.0	18	3.92	100	3.68		
4	1811010076	Nguyễn Thị Phương	Anh	25/10/2000	3.5	4.0		2.0		3.0	3.5			3.5	2.5	18	3.11	98	2.67		
5	1811011611	Nguyễn Thị	Chang	07/02/2000	4.0	4.0		2.5		3.0	3.5			3.5	3.0	18	3.33	100	3.18		
6	1811010617	Phạm Bích	Diệp	10/10/2000	3.5	4.0		2.5		3.5	3.5	4.0		3.5	3.0	21	3.43	100	2.54		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh chuyên ngành	Thương mại điện tử	Kiểm toán tài chính	Kiểm toán hoạt động	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	3	2	3	3	3	2	2	2						
7	1811131876	Trần Tiến	Dũng	14/08/2000	4.0	4.0		3.0		3.5	3.0			3.5	3.5	18	3.47	87	2.59		
8	1811011415	Trương Long	Đức	07/11/2000	3.5	4.0		3.0		3.5	3.5			4.0	3.0	18	3.47	100	3.08		
9	1811011674	Trần Thị Hương	Giang	25/02/2000	4.0	4.0	4.0	3.0		3.5	4.0			4.0	2.5	21	3.64	100	2.49		
10	1811010644	Trần Thị Ngọc	Giao	18/09/2000	3.0	4.0		2.0		3.0	3.0			3.0	3.0	18	2.94	89	2.19		
11	1811011373	Nguyễn Ngân	Hà	17/07/2000	3.0	4.0		3.0		3.5	3.0			3.5	3.0	18	3.25	100	2.88		
12	1811010102	Nguyễn Thị	Hà	25/05/2000	3.5	4.0		3.0		4.0	3.0			3.5	3.5	18	3.47	100	3.30		
13	1811011773	Lê Thị Thu	Hải	25/04/2000	4.0	3.5		3.0		3.5	3.5			3.5	4.0	18	3.56	97	2.65		
14	1811010572	Trần Thị Minh	Hảo	17/02/2000	4.0	3.0		3.0		3.5	3.5			3.5	3.0	18	3.39	100	2.71		
15	1811011603	Nguyễn Thị	Hằng	09/01/2000	4.0	3.5		3.0		4.0	4.0			4.0	3.0	18	3.67	100	2.97		
16	1811010142	Trần Thị	Hằng	04/04/2000	4.0	3.5		3.0		4.0	4.0			3.5	3.5	18	3.67	100	2.91		
17	1811010576	Phạm Thị	Hiền	02/03/2000	4.0	3.0		3.0		3.5	4.0			3.5	3.5	18	3.53	100	2.95		
18	1811010565	Trần Thị Hương	Hiền	10/10/1999	4.0	3.0		3.0		3.0	3.5			3.5	3.5	18	3.36	100	2.79		
19	1811010127	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	20/12/2000	3.5	4.0		2.5		3.5	4.0			3.5	4.0	18	3.53	100	2.48		
20	1811010258	Nguyễn Thị Thu	Huyền	13/06/2000	4.0	4.0		3.5		3.0	3.5			4.0	3.5	18	3.61	100	2.97		
21	1811011643	Vũ Thị	Huyền	12/08/2000	3.5	4.0		3.0		3.0	3.5			3.5	3.5	18	3.39	100	3.54		
22	1811010134	Nguyễn Thị	Hương	25/11/2000	3.5	4.0		3.0		3.0	4.0			3.0	3.0	18	3.36	100	2.77		
23	1811010571	Nguyễn Thị Mai	Hương	04/09/2000	3.5	4.0		2.5		3.0	4.0			3.0	3.0	18	3.28	100	2.89		
24	1811011379	Nguyễn Thị Bích	Lệ	21/10/2000	4.0	4.0		3.0		3.5	3.5			3.5	3.5	18	3.56	100	3.22		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kế toán quản trị 2	Đạo đức nghề nghiệp	Kinh tế vi mô	Tiếng Anh chuyên ngành	Thương mại điện tử	Kiểm toán tài chính	Kiểm toán hoạt động	Nguyên lý kế toán	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Kỹ năng mềm	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	3	2	3	3	3	2	2	2						
25	1811010574	Đào Khánh	Linh	30/12/2000	4.0	3.5		2.5		3.5	4.0			3.0	3.0	18	3.39	100	2.97		
26	1811011592	Nguyễn Thị	Linh	30/01/1997	4.0	4.0		3.0		3.5	3.5			3.0	4.0	18	3.56	100	3.65		
27	1811131865	Nguyễn Thị Hà	Linh	17/10/2000	4.0	3.5		3.0		4.0	4.0				3.5	16	3.69	100	3.08		
28	1811010154	Trần Thị	Linh	21/05/2000	3.5	4.0		3.0		3.5	4.0			3.0	4.0	18	3.56	100	3.15		
29	1811010862	Triệu Hải	Linh	08/06/2000	4.0	4.0		3.0	3.0	3.0	3.5			3.5	3.0	20	3.38	100	3.04		
30	1811010109	Nguyễn Thị Ban	Mai	25/06/2000	4.0	3.5		2.0		3.5	3.5			3.0	3.5	18	3.28	100	2.66		
31	1811011433	Nguyễn Tấn	Nghiêm	10/01/2000	3.0	3.5		3.0		3.0	3.5			3.0	3.5	18	3.19	100	2.71		
32	1811131867	Phạm Thị Nguyên	Ngọc	08/10/2000	3.5	4.0		3.0		3.5	3.5			4.0	4.0	18	3.58	100	3.42		
33	1811010027	Tạ Văn	Phúc	26/12/2000	3.5	4.0		3.0		4.0	3.5			3.0	3.5	18	3.50	98	2.72		
34	1811010190	Nguyễn Thanh	Thảo	11/07/2000	3.0	4.0		3.0		3.5	3.0		2.0	3.0	3.0	20	3.08	96	2.34		
35	1811011087	Nguyễn Tiến	Thịnh	20/09/1998	3.5	4.0		2.0		3.0	3.0			3.0	2.5	18	2.97	100	3.09		
36	1811011748	Phạm Thị Thu	Xuyến	03/01/2000	3.5	4.0		3.0		4.0	4.0			3.5	3.5	18	3.64	100	3.18		

Tổng hợp: Tổng số SV: 36 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8KTTN1 **Ngành: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kiến tập 2	Kinh tế tài nguyên 1	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	Kinh tế công cộng	Kinh tế tài nguyên biển	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kinh tế vi mô 1	Kiểm toán môi trường	Kinh tế đầu tư	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	5	3	3	2	3	2	2	3	2	2						
1	1811131050	Mai Thị Lan	Anh	30/11/2000		3.5	3.5	4.0	3.5		4.0			4.0		17	3.71	101	3.02		
2	1811131869	Vũ Nguyễn Duy	Anh	25/05/1999		3.0	3.0	3.0	2.0		3.0			3.5		17	2.94	96	2.07		
3	1811131887	Vương Minh	Anh	26/06/2000	3.0	2.5	2.0	3.0	2.5		2.5			3.5		20	2.68	99	2.25		
4	1811131879	Nguyễn Thị	Bình	25/06/2000		3.5	4.0	4.0	4.0		3.0			3.5		17	3.68	101	2.94		
5	1811131871	Đỗ Chí	Công	03/04/2000		3.0	3.0	3.5	3.0		3.0			3.5		17	3.15	91	2.52		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kiến tập 2	Kinh tế tài nguyên 1	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	Kinh tế công cộng	Kinh tế tài nguyên biển	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kinh tế vi mô 1	Kiểm toán môi trường	Kinh tế đầu tư	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	5	3	3	2	3	2	2	3	2	2						
6	1811130777	Vũ Thành	Đạt	09/04/2000		3.0	3.0	2.5	3.0		3.0	4.0		3.0		19	3.03	99	2.47		
7	1811131870	Khổng Thị Hương	Giang	15/08/2000		3.0	3.5	3.5	3.5		3.0			4.0		17	3.35	101	2.86		
8	1811131562	Nguyễn Hải	Hà	06/03/2000		3.0	3.0	2.5	3.0		3.5			4.0		17	3.09	98	2.37		
9	1811131866	Lê Huy	Hải	12/09/2000		3.0	2.5	2.5	3.0		2.5			3.0		17	2.76	96	2.42		
10	1811130420	Bùi Thị	Hiền	20/12/2000		3.0	3.5	3.5	3.5		3.5			4.0		17	3.41	101	2.78		
11	1811131888	Trần Thúy	Hiền	02/10/1999		3.0	3.0	3.0	2.5		2.0			3.0		17	2.82	101	2.42		
12	1811131663	Nguyễn Ngọc Mai	Hoài	19/10/2000		2.5	3.0	3.0	4.0		3.0			3.0		17	2.97	101	2.79		
13	1811131864	Mai Hữu	Hùng	09/12/2000		3.0	3.0	2.0	3.5		2.0			3.5		17	2.82	86	2.55		
14	1811131650	Cao Thị Thanh	Huyền	23/09/2000	3.0	2.5	3.0	3.0	3.0		2.0			2.5		20	2.73	98	2.71		
15	1811130323	Lưu Tiến	Hưng	22/11/2000		3.5	4.0	4.0	3.0		3.0			3.5		17	3.56	101	3.13		
16	1811131587	Hà Tùng	Lâm	13/11/2000		4.0	4.0	4.0	4.0		3.5			4.0		17	3.94	101	3.30		
17	1811131886	Đặng Thị	Mai	26/02/2000		3.0	3.5	3.0	3.5		3.0			3.5		17	3.21	101	2.50		
18	1811130973	Nguyễn Ngọc	Mai	26/12/2000		3.5	4.0	4.0	3.5		2.5			3.5		17	3.56	99	3.00		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kiến tập 2	Kinh tế tài nguyên 1	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	Kinh tế công cộng	Kinh tế tài nguyên biển	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kinh tế vi mô 1	Kiểm toán môi trường	Kinh tế đầu tư	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	5	3	3	2	3	2	2	3	2	2						
19	1811131140	Nguyễn Thị Thúy	Nga	11/03/2000		3.0	2.0	2.0	2.5		2.0			3.5		17	2.53	87	2.45		
20	1811132038	Ngô Thị Thu	Ngọc	14/11/2000		3.0	3.0	3.5	3.0		2.0			3.5		17	3.03	96	2.65		
21	1811131591	Bùi Thị	Nhung	12/01/2000		2.0	3.5	3.5	3.0		2.0			3.5		17	2.82	96	2.45		
22	1811131878	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	24/12/2000		3.0	3.0	2.5	3.0		2.5			3.5		17	2.91	101	2.55		
23	1811130530	Chu Hoài	Trung	22/12/2000		2.5	3.0	3.5	3.0		3.0			3.5		17	3.00	93	2.53		
24	1811131872	Trần Thanh	Tùng	20/02/2000		2.0	2.0	1.0	2.0	1.5	2.0		3.0	3.0	1.5	25	1.98	96	1.71		
25	1811131548	Phạm Thị	Tươi	21/08/2000		3.0	3.5	4.0	4.0		3.0			3.5		17	3.44	101	3.26		
26	1811131880	Lê Thị Thu	Vân	16/07/2000		3.0	3.5	3.0	3.0		3.0			3.5		17	3.15	93	2.37		
27	1811130610	Đỗ Huyền	Vy	12/11/2000	0.0	1.0	1.0	2.0	2.5		1.5			2.0		20	1.30	74	1.76		

Tổng hợp: Tổng số SV: 27 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QTDL1 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Tiếng Anh 3	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2						
1	1811140178	Bùi Việt	Anh	01/11/2000	3.5		3.0	4.0							3.5	4.0	3.0	3.0				16	3.41	102	2.49		
2	1811141619	Khổng Lưu Hoàng	Anh	14/04/2000	3.0		2.0	3.0							2.0	1.5	1.5	3.0				16	2.31	79	2.25		
3	1811141814	Nguyễn Phương	Anh	10/08/2000	3.5		4.0	3.0							4.0	3.0	3.5	3.0	3.0			19	3.39	100	2.83		
4	1811140071	Nguyễn Thị Hồng	Anh	08/03/2000	3.0		3.5	3.5							3.5	3.5	3.5	4.0				16	3.47	107	2.97		
5	1811140279	Nguyễn Thị Lan	Anh	23/07/2000	4.0		4.0	3.5	3.0						4.0	4.0	4.0	3.5				18	3.78	102	2.82		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Tiếng Anh 3	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2						
6	1811141615	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/10/2000	0		1.0	3.0							4.0	2.0	2.0	3.0				16	1.94	72	2.55		
7	1811141613	Phan Hoàng	Anh	19/12/2000	3.0		0	2.0							2.0	2.0	2.0	2.5				16	1.88	96	2.17		
8	1811140064	Lê Ngọc	Ánh	11/02/2000	3.5		4.0	3.0							4.0	3.5	3.0	3.0		3.0		18	3.42	99	2.57		
9	1811140269	Nguyễn Thị Thùy	Dương	26/11/2000	3.0		4.0	4.0							4.0	4.0	3.5	3.0				16	3.63	107	3.08		
10	1811141672	Phạm Thị Thùy	Dương	01/04/2000	3.5		4.0	3.0							3.0	3.5	2.5	3.0				16	3.28	102	2.98		
11	1811140339	Đỗ Duy	Đức	11/10/2000	3.0	3.0	4.0	3.0					3.0		4.0	3.0	3.0	2.0		4.0		24	3.21	102	2.50		
12	1811140234	Nguyễn Minh	Đức	09/11/2000	4.0		4.0	4.0							4.0	4.0	3.5	3.0				16	3.81	107	3.49		
13	1811140308	Đặng Thị Thu	Hà	31/05/2000	3.0		4.0	3.0							4.0	3.5	3.5	3.0				16	3.44	99	2.76		
14	1811140240	Hoàng Thu	Hà	21/09/2000	3.0		4.0	4.0							3.5	3.0	3.0	3.0				16	3.38	102	2.55		
15	1811141751	Nguyễn Khánh	Hà	24/12/2000	3.0		1.0	2.0							3.5	3.0	2.0	3.0				16	2.44	67	2.42		
16	1811140225	Nguyễn Văn	Hà	19/06/2000	3.0		3.5	4.0		3.0					3.0	3.5	2.0	2.5				18	3.08	102	2.57		
17	1811140207	Trịnh Thanh	Hảo	13/03/2000	3.5		4.0	3.5							3.5	4.0	3.5	3.0		4.0		18	3.64	102	2.70		
18	1811140179	Nguyễn Thúy	Hằng	06/04/2000	3.5		3.5	3.0							4.0	3.0	3.0	3.0		4.0		18	3.39	102	2.78		
19	1811140311	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/03/2000	3.0		3.0	2.0							3.5	2.5	3.5	3.0				16	2.94	102	2.27		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Tiếng Anh 3	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2						
20	1811140261	Đào Trung	Hiếu	25/09/2000	3.5		4.0	4.0	2.0						4.0	3.5	3.0	3.0		3.5		20	3.43	102	2.60		
21	1811140197	Vũ Minh	Hiếu	09/03/2000	4.0		4.0	3.0							3.5	3.0	3.5	3.0				16	3.50	100	2.50		
22	1811140099	Khổng Việt	Hoàng	04/11/2000	3.5		4.0	4.0							3.0	3.5	3.5	3.5				16	3.59	102	2.86		
23	1811141769	Lê Minh	Hoàng	05/10/2000	3.5		1.5	2.0							2.5	2.0	3.0	3.0				16	2.50	102	2.18		
24	1811140172	Hà Thị Thanh	Huyền	06/11/2000	4.0		3.5	3.0							4.0	3.0	3.0	2.5				16	3.34	107	2.96		
25	1811140329	Lưu Thị Thanh	Huyền	12/01/2000	3.5		4.0	4.0							4.0	4.0	3.5	3.5				16	3.78	107	3.44		
26	1811140124	Cấn Thị Lan	Hương	16/06/2000	3.0		4.0	3.0							3.0	4.0	3.5	3.0				16	3.38	102	2.84		
27	1811140088	Hoàng Thị Lan	Hương	19/02/2000	3.5		3.0	3.0							3.0	3.0	3.0	3.0				16	3.09	102	2.63		
28	1811140196	Nguyễn Hoài	Hương	19/10/2000	3.5		3.0	2.5							3.0	3.0	3.0	3.0		2.0		18	2.92	88	2.43		
29	1811140012	Chu Đức	Khánh	13/04/2000	3.0		4.0	4.0							4.0	3.0	3.0	3.0		2.0		18	3.28	102	2.64		
30	1811141705	Nguyễn Trương Quốc	Khánh	01/01/2000	3.5		0	3.0							2.5	3.0	3.5	2.5				16	2.47	83	2.28		
31	1811140087	Nguyễn Mạnh	Kiên	02/11/2000	3.5		2.5	3.0							4.0	3.0	2.5	3.0				16	3.06	102	2.57		
32	1811140198	Dương Tùng	Lâm	05/11/2000	4.0		4.0	4.0							4.0	3.5	3.0	3.5		1.0		18	3.44	102	2.69		
33	1811141819	Nguyễn Thị	Linh	20/02/2000	3.5		3.5	3.0							4.0	3.5	1.0	3.0		3.0		18	3.11	102	2.51		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Tiếng Anh 3	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2						
34	1811140194	Nguyễn Thùy	Linh	30/12/2000	3.0		2.5	2.5							3.5	3.5	3.0	2.5				16	2.91	102	2.40		
35	1811140303	Bùi Phạm Thành	Long	16/02/2000	3.0		3.5	3.0							4.0	2.5	3.0	3.0				16	3.16	97	2.09		
36	1811140047	Trần Thị Thanh	Mai	18/06/2000	3.0		4.0	4.0							4.0	4.0	3.0	3.0				16	3.56	102	2.89		
37	1811140201	Trịnh Nhật	Minh	25/02/2000	4.0		4.0	4.0							4.0	4.0	3.5	4.0				16	3.94	102	2.65		
38	1811140007	Bạch Thị Thảo	My	02/12/2000	3.0		2.0	2.0							2.0	2.5	2.0	2.0				16	2.25	93	2.02		
39	1811140250	Lê Thúy	Ngọc	02/06/2000	3.5		4.0	3.0							4.0	3.0	3.0	3.0				16	3.41	102	2.43		
40	1811140181	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02/06/2000	3.5		4.0	3.0							3.5	4.0	3.0	3.0				16	3.47	100	2.68		
41	1811141648	Nguyễn Thảo	Nhi	19/11/2000	3.5		1.0	3.0					3.5	3.0	3.5	3.0	2.0	3.5				21	2.86	86	2.39		
42	1811140062	Cù Thị Hà	Phương	11/09/2000	3.5		3.5	4.0							4.0	4.0	3.5	3.0				16	3.63	102	2.70		
43	1811141604	Nguyễn Huyền	Phương	17/10/2000	3.0		2.5	3.0							3.5	3.5	3.0	3.0				16	3.03	92	2.54		
44	1811140218	Nguyễn Minh	Phương	17/03/2000	3.5	3.0	4.0	3.5							3.0	3.0	3.0	2.5				19	3.24	102	2.48		
45	1811140180	Nguyễn Hồng	Sơn	28/06/2000	3.5		4.0	3.5							3.0	3.5	2.5	3.0	2.0			19	3.13	98	2.54		
46	1811140070	Đỗ Đức	Thắng	20/06/2000	3.5		3.5	4.0							3.5	4.0	3.5	3.0				16	3.56	102	2.56		
47	1811140096	Đinh Thu	Trang	05/07/2000	3.5		4.0	3.5							3.0	4.0	3.0	3.0				16	3.47	107	3.14		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Tiếng Anh 3	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2						
48	1811141640	Lê Thu	Trang	06/05/2000	3.5		2.0	3.0							3.5	2.5	1.0	3.0				16	2.66	99	2.44		
49	1811140270	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trang	23/08/2000	3.5		4.0	3.5							3.0	3.0	3.0	2.0				16	3.22	102	2.71		
50	1811141826	Võ Thị Mai	Trâm	01/04/2000	3.5		4.0	4.0	3.5						3.5	4.0	3.5	3.5		2.0		20	3.53	102	3.01		
51	1811140221	Đỗ Minh	Tuấn	14/01/2000	3.5		4.0	4.0							3.0	3.5	3.0	2.5				16	3.41	102	2.98		
52	1811140282	Lê Thị Thảo	Vân	21/11/2000	3.0		3.5	3.0	3.0	2.5	1.0	4.0			3.0	4.0	3.0	2.5			2.5	26	2.94	94	2.62		
53	1811140148	Khuất Thị	Yến	14/12/2000	4.0		3.5	3.0							3.0	3.0	3.0	2.5			2.0	18	3.08	102	2.58		

Tổng hợp: Tổng số SV:53 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QTDL2 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Hướng dẫn du lịch	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Toán cao cấp	Tài chính - Tiền tệ	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thực tập dã ngoại 1	Xác suất thống kê	Marketing căn bản	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	2	2	2	2	4	2	2	2	3	2	2	2						
1	1811140460	Trần Đức	Anh	20/10/2000	2.5	3.0		2.5		2.0		2.0	1.5		3.0	1.5	3.0					20	2.38	102	2.40		
2	1811140493	Mai Nguyệt	Ánh	08/11/2000	4.0	4.0		3.5				4.0	4.0			3.5	3.5					16	3.81	102	3.53		
3	1811140550	Phạm Thị Ngọc	Ánh	17/12/2000	3.5	4.0	4.0	4.0				3.5	3.5			3.0	3.5					18	3.64	101	2.75		
4	1811140548	Vũ Nguyệt	Ánh	11/04/2000	4.0	4.0		3.0				4.0	4.0			4.0	4.0					16	3.88	102	3.40		
5	1811140541	Vũ Minh	Châu	11/07/2000	3.0	3.5		3.0				3.0	3.0			2.0	3.0	0				19	2.50	99	2.15		
6	1811141843	Lê Mậu	Cương	08/09/1999	3.0	4.0		3.0				3.0	3.0			2.0	3.5					16	3.13	96	2.57		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Hướng dẫn du lịch	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Toán cao cấp	Tài chính - Tiền tệ	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thực tập dã ngoại 1	Xác suất thống kê	Marketing căn bản	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	2	2	2	2	4	2	2	2	3	2	2	2						
7	1811140566	Phạm Tuấn	Dũng	02/08/1998	3.0	3.0		3.0				2.0	2.0			2.0	3.5					16	2.69	92	2.41		
8	1811140390	Nguyễn Tiến	Đạt	26/10/2000	3.0	3.0		3.0				3.0	3.0			3.0	3.5					16	3.06	102	2.54		
9	1811140519	Nguyễn Minh	Đức	22/01/2000	4.0	3.5		3.5				3.5	3.0			3.0	3.5					16	3.47	102	2.86		
10	1811141834	Đào Trường	Giang	03/10/2000	2.5	3.0		3.0				2.5	2.5			3.0	3.0					16	2.78	102	2.66		
11	1811140391	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22/03/2000	3.5	4.0		3.0				3.0	3.5			2.5	3.5					16	3.34	102	2.71		
12	1811140579	Bùi Thu	Hằng	15/05/2000	4.0	4.0		4.0				4.0	4.0			3.5	4.0					16	3.94	102	3.06		
13	1811140547	Hoàng Thị	Hiếu	06/06/2000	3.5	4.0		3.5				3.5	3.5			3.5	4.0					16	3.66	99	2.94		
14	1811140512	Nguyễn Đình	Hiệu	20/11/2000	3.5	4.0		3.0				4.0	3.0			3.0	3.0					16	3.41	102	2.67		
15	1811140503	Bùi Quốc	Huy	19/05/2000	3.0	3.5		3.0				3.0	3.0			2.0	3.0					16	2.97	102	2.23		
16	1811140468	Đào Thanh	Huyền	05/02/2000	4.0	4.0		4.0				4.0	4.0			3.5	3.5					16	3.88	102	3.30		
17	1811140558	Nguyễn Bảo	Huyền	15/11/2000	3.5	4.0		4.0				4.0	3.5			2.5	4.0					16	3.66	102	3.31		
18	1811140482	Trần Thị Thu	Huyền	30/09/2000	4.0	4.0		4.0				4.0	3.5			3.5	4.0					16	3.88	102	3.50		
19	1811140404	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/10/2000	3.0	2.5		3.0				3.0	1.5	3.5		2.0	3.0			3.0		22	2.80	100	2.22		
20	1811140480	Nguyễn Thị Ánh	Khuyên	10/03/2000	3.5	4.0		4.0				3.5	3.0			3.0	3.5					16	3.53	102	3.14		
21	1811140494	Phạm Trung	Kiên	16/01/2000	2.5	3.5		2.5				3.0	2.5			2.0	3.5					16	2.81	99	2.28		
22	1811140400	Bùi Mai	Liên	12/08/2000	2.5	2.0		2.5				3.0	3.0			2.5	4.0					16	2.72	97	2.60		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Hướng dẫn du lịch	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Toán cao cấp	Tài chính - Tiền tệ	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thực tập dã ngoại 1	Xác suất thống kê	Marketing căn bản	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	2	2	2	2	4	2	2	2	3	2	2	2						
23	1811140432	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	14/07/2000	3.5	4.0		3.5				4.0	2.5			3.0	3.0					16	3.41	102	3.01		
24	1811140413	Nguyễn Diệu	Linh	27/08/2000	3.5	4.0		3.0				4.0	3.5			3.0	3.5					16	3.53	102	2.86		
25	1811140551	Nguyễn Thị Diệu	Linh	03/03/2000	3.5	4.0		4.0				4.0	4.0			3.5	3.0					16	3.72	102	2.96		
26	1811140478	Hoàng Thị Bích	Loan	09/08/2000	3.5	3.0		3.5				3.5	3.0			3.0	4.0					16	3.34	102	2.61		
27	1811140461	Phan Thị Hương	Ly	23/01/2000	4.0	4.0		4.0				4.0	3.0			2.0	4.0					16	3.63	99	2.84		
28	1811141840	Đoàn Thị	Mai	29/04/2000	3.5	3.5		3.0				4.0	3.5			3.0	3.5					16	3.44	99	2.39		
29	1811140481	Đỗ Thị Bích	Mỹ	20/03/2000	3.5	4.0		3.0				4.0	4.0			4.0	4.0					16	3.78	99	3.30		
30	1811140517	Lê Hoàng	Nam	11/12/2000	3.0	3.0		3.0				3.0	2.5			2.0	2.0					16	2.69	97	2.35		
31	1811140573	Nông Hoàng Mai	Nga	11/11/2000	3.5	4.0		3.5				3.5	3.0			3.0	3.0					16	3.41	102	2.75		
32	1811140376	Phạm Minh	Nguyệt	22/07/2000	3.5	3.5		4.0				4.0	3.0			3.0	4.0					16	3.56	102	2.76		
33	1811140446	Tạ Thị Minh	Oanh	30/01/2000	4.0	3.5		3.5				3.0	3.5			3.0	3.5					16	3.47	102	2.79		
34	1811140552	Trương Hoàng	Qúy	03/12/2000	3.5	3.5		3.0				3.0	2.0			3.0	3.0					16	3.06	100	2.48		
35	1811140535	Trần Ngọc	Sơn	22/10/2000	3.5	4.0		2.5				3.0	2.5			3.0	3.0					16	3.16	99	2.33		
36	1811140534	Ngô Tiến	Thành	26/06/2000	0	3.5		0				1.5	1.0			2.0	2.5					16	1.53	72	1.97	Cảnh báo học tập mức 1	
37	1811140528	Nguyễn Phương	Thảo	16/03/2000	3.0	3.0		2.5				4.0	3.0			2.0	3.0				2.5	18	2.89	99	2.24		
38	1811140532	Trịnh Phương	Thảo	26/07/2000	3.0	3.0		3.0			2.0	3.5	3.0			2.5	3.0					18	2.89	102	2.44		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Hướng dẫn du lịch	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Toán cao cấp	Tài chính - Tiền tệ	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thực tập dã ngoại 1	Xác suất thống kê	Marketing căn bản	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	2	2	2	2	4	2	2	2	3	2	2	2						
39	1811141682	Phạm Thị	Thắm	04/10/2000	3.0	2.0		3.0				3.5	3.0			2.0	2.5					16	2.69	88	2.24		
40	1811140486	Nguyễn Văn	Thắng	17/05/2000	3.0	4.0		4.0				3.5	3.0			3.0	4.0					16	3.50	102	2.87		
41	1811141711	Phùng Thị Thanh	Thủy	09/08/2000	4.0	4.0		3.5				3.5	3.5			3.0	3.5					16	3.63	100	2.57		
42	1811140427	Nguyễn Thu	Thương	17/06/2000	4.0	4.0		3.5				4.0	4.0			3.5	4.0					16	3.88	102	3.04		
43	1811141637	Nguyễn Cảnh	Tiến	10/10/2000	3.5	3.0		3.5	2.5			3.0	3.0			2.5	3.0		3.0			20	3.03	93	2.13		
44	1811141622	Lê Thị	Trang	18/10/2000	3.0	4.0		3.5				2.5	3.0			2.0	3.5					16	3.13	89	2.51		
45	1811141745	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/02/2000	3.5	4.0		4.0				3.0	3.0			3.5	3.5					16	3.53	102	2.53		
46	1811140410	Trần Thị Thu	Trang	03/03/2000	3.5	4.0		3.0				4.0	3.5			3.5	3.5					16	3.59	102	3.08		
47	1811140383	Phạm Minh	Trí	10/09/2000	3.0	3.5		3.0	3.0			3.5	3.0			3.0	3.0					18	3.14	91	2.28		
48	1811140417	Nguyễn Thị	Tú	30/04/2000	3.0	3.5		3.0				4.0	3.5			2.0	3.0					16	3.16	99	2.58		
49	1811140487	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	20/06/2000	3.0	3.0		3.5				2.5	2.5			3.0	2.5					16	2.88	102	2.42		
50	1811140431	Nguyễn Phương	Uyên	22/01/2000	3.5	4.0		3.0				4.0	2.5			3.0	3.0					16	3.34	102	2.81		
51	1811140373	Trần Thị Hải	Yến	25/11/1999	3.5	3.5		4.0				3.5	3.0			2.5	3.0					16	3.31	102	3.03		

Tổng hợp: Tổng số SV: 51 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QTDL3 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Quản trị chất lượng du lịch	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thực tập dã ngoại 1	Thương mại điện tử	Tiếng anh 2	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	2						
1	1811140806	Ngô Thu An	23/09/2000	3.5		2.5	3.0				3.0	3.5	3.0		3.5			16	3.13	102	2.37		
2	1811140816	Nguyễn Thị An	04/05/2000	3.5		3.0	3.5				3.0	3.5	3.0		3.0			16	3.22	99	2.61		
3	1811140714	Chu Đức Anh	25/05/2000	3.5		4.0	4.0				4.0	2.0	3.0		3.0			16	3.41	102	2.75		
4	1811140819	Công Nghĩa Việt Anh	11/09/2000	3.0		3.0	2.5				3.0	3.0	1.5	0	2.5			19	2.26	91	2.32		
5	1811140706	Hoàng Thị Tuyết Anh	19/09/2000	3.5		4.0	3.0				3.0	3.0	3.0		3.5			16	3.34	102	2.86		
6	1811140621	Nguyễn Thị Vân Anh	09/06/2000	4.0		3.0	3.0				4.0	4.0	3.0		3.0			16	3.44	102	2.61		
7	1811140661	Trần Thị Quỳnh Anh	04/04/2000	3.5		4.0	3.0				3.5	3.0	3.0		3.0		3.0	18	3.31	102	2.50		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Quản trị chất lượng du lịch	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thực tập dã ngoại 1	Thương mại điện tử	Tiếng anh 2	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	2						
8	1811140826	Hoàng Thị Thanh	Bình	07/10/2000	3.5		3.0	4.0				3.5	3.0	3.0		3.0			16	3.28	102	2.56		
9	1811140637	Điền Văn	Cảnh	18/05/2000	3.5		4.0	4.0				3.5	2.0	2.5		3.0			16	3.28	102	2.57		
10	1811140811	Nguyễn Minh	Chính	28/08/2000	3.5		3.5	2.5				4.0	3.0	3.0		3.5			16	3.31	102	2.52		
11	1811140646	Nguyễn Đức	Cường	16/08/2000	3.0		3.0	3.0		3.5		2.0	3.0	2.5		2.5	2.5		19	2.71	94	2.35		
12	1811141742	Trịnh Thị Phi	Diệp	14/03/2000	3.0		3.0	3.5				3.5	3.0	2.5		3.0			16	3.06	102	2.75		
13	1811141566	Mai Thị	Dung	15/08/2000	3.5		4.0	4.0				4.0	3.5	3.0		3.5			16	3.66	102	3.32		
14	1811140703	Trần Tiến	Dũng	02/12/2000	3.0		2.0	2.5			3.0	4.0	2.5	2.0		3.0			18	2.72	82	2.43		
15	1811141676	Triệu Ánh	Đào	15/09/2000	3.0		2.5	2.5				2.0	3.0	2.0		3.0			16	2.59	100	2.22		
16	1811140815	Nguyễn Xuân	Đăng	16/10/2000	3.0		4.0	2.5				4.0	3.0	0		2.5			16	2.81	100	2.33		
17	1811140800	Đinh Thị Hương	Giang	17/11/2000	3.5		4.0	2.5				3.0	3.5	2.0		3.0			16	3.16	102	2.72		
18	1811140845	Khuất Thị Thu	Hà	08/04/2000	3.0		3.5	2.0				3.0	3.0	3.0		3.0			16	2.97	99	2.53		
19	1811140814	Nguyễn Thị	Hạnh	21/04/2000	3.5		4.0	4.0				4.0	4.0	3.0		3.5			16	3.72	99	3.14		
20	1811141649	Vũ Thị	Hoàn	20/07/2000	3.0	3.0	3.5	3.0	2.5			2.5	3.0	3.0		3.0			21	2.98	102	2.43		
21	1811141734	Trần Hữu	Hùng	21/12/2000	2.5		3.5	3.0				2.5	3.0	3.0		3.0			16	2.94	100	2.22		
22	1811140759	Đinh Thị Minh	Huyền	08/02/2000	3.5		3.5	3.0				3.5	3.0	3.0		3.5			16	3.31	102	2.70		
23	1811140641	Nguyễn Thị	Huyền	16/10/2000	3.5		4.0	4.0				4.0	3.0	3.5		4.0			16	3.72	102	3.43		
24	1811140823	Nguyễn Thị Minh	Huyền	23/11/2000	3.0		4.0	3.0				3.0	3.0	1.0		3.0			16	2.94	102	2.55		
25	1811140720	Nguyễn Lan	Hương	26/11/2000	3.0		4.0	3.5				4.0	3.0	3.0		3.0			16	3.38	102	2.52		
26	1811140748	Đào Thị	Hường	06/11/2000	3.0		3.5	2.5				3.5	3.0	2.5		3.0			16	3.03	102	2.61		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Quản trị chất lượng du lịch	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thực tập dã ngoại 1	Thương mại điện tử	Tiếng anh 2	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	2						
27	1811141678	Nguyễn Thị Thu	Hường	22/09/2000	3.0		4.0	3.0	2.0			3.5	3.5	3.0		3.0			18	3.17	102	2.75		
28	1811141689	Vũ Thị	Lan	24/08/2000	3.5		4.0	3.0				4.0	3.5	3.5		3.5			16	3.59	102	3.14		
29	1811141693	Vũ Thúy	Liễu	15/01/2000	2.0		3.0	2.5				3.5	2.0	2.0		2.5			16	2.50	89	2.51		
30	1811140782	Lê Thị Diệu	Linh	11/01/2000	3.5		2.0	3.0				4.0	3.5	3.0		3.0			16	3.09	102	2.70		
31	1811141698	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	05/11/2000	3.0		4.0	4.0				4.0	3.5	3.0		4.0			16	3.63	102	3.00		
32	1811140768	Nguyễn Thị	Loan	19/11/2000	3.5		4.0	4.0				4.0	3.0	3.0		3.0			16	3.53	102	3.01		
33	1811141763	Phạm Thị Mai	Ly	15/08/2000	3.0		3.5	3.0				3.5	2.5	2.0		3.5			16	3.03	98	2.32		
34	1811140591	Đỗ Thu	Mai	17/12/2000	3.0		2.5	3.0				4.0	3.0	2.0		3.0			16	2.91	100	2.31		
35	1811140590	Bùi Ngọc	Minh	10/09/2000	2.0		0	1.0				1.5	2.0	0		2.0			16	1.19	65	1.88		
36	1811140597	Nguyễn Thị	Nga	21/07/2000	4.0		4.0	4.0				4.0	3.5	3.0		3.5			16	3.75	102	3.17		
37	1811141550	Nguyễn Thị Hằng	Nga	05/09/2000	3.5		4.0	4.0				3.5	3.5	3.0		3.5			16	3.59	102	2.84		
38	1811140710	Trần Viết	Phong	26/01/2000	3.0		3.5	2.5				3.5	3.0	3.0		3.0			16	3.09	97	2.63		
39	1811140699	Lê Anh	Quân	28/06/2000	3.5		4.0	3.0				3.0	3.0	2.5		3.0			16	3.22	100	2.67		
40	1811141735	Tô Thị	Tâm	28/10/2000	4.0		4.0	3.5				4.0	4.0	3.0		3.0			16	3.69	102	2.90		
41	1811140795	Lê Duy	Thái	25/10/2000	3.0		2.0	2.5				3.5	3.0	2.0		2.0			16	2.56	68	2.20		
42	1811141557	Phạm Bá	Thái	25/06/2000	3.5		4.0	3.0				3.0	2.5	2.5		3.0			16	3.16	102	2.54		
43	1811140626	Lê Thị Thanh	Thanh	18/07/2000	3.0		3.5	3.0				3.5	4.0	3.0	3.0	3.0			19	3.24	100	2.59		
44	1811140619	Nguyễn Phương	Thảo	30/08/2000	3.5		3.5	3.5				3.5	3.0	2.5		3.0			16	3.25	102	2.49		
45	1811141635	Nguyễn Thu	Thảo	22/12/2000	3.5		4.0	4.0				3.5	3.0	3.0		3.5			16	3.53	102	2.93		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Quản trị chất lượng du lịch	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kế toán tài chính	Quản trị lễ tân	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thực tập dã ngoại 1	Thương mại điện tử	Tiếng anh 2	Nguyên lý thống kê kinh tế	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	2						
46	1811140654	Nguyễn Thị	Thơm	07/06/2000	3.5		4.0	2.0				3.5	3.5	2.0		3.0			16	3.16	100	2.56		
47	1811140754	Trịnh Thị Bích	Thùy	24/12/2000	0		0	0				0	0	0		0			16	0.00	82	2.67		Cảnh báo học tập mức 2
48	1811140827	Lê Thị Hà	Thương	02/05/2000	4.0		4.0	3.5				4.0	3.0	3.5		3.5			16	3.69	102	2.89		
49	1811140833	Bùi Thị Huyền	Trang	16/10/2000	3.5		3.5	4.0				4.0	3.5	3.0		3.5			16	3.56	102	2.81		
50	1811140841	Dương Thu	Trang	26/07/2000	3.5		2.5	3.5				3.5	3.0	2.5		3.0			16	3.06	102	2.70		
51	1811140702	Hoàng Thị	Truyền	23/12/2000	4.0		4.0	3.0				3.5	3.0	2.5		3.5			16	3.44	99	2.66		
52	1811141631	Nguyễn Ngọc	Tuấn	05/11/1999	2.0		3.5	2.5				2.0	2.5	1.5		3.0			16	2.47	102	2.27		
53	1811140603	Chu Thị	Tuyết	22/10/2000	4.0		4.0	4.0				4.0	4.0	3.5		3.5			16	3.88	102	3.41		
54	1811141653	Nguyễn Thị	Uyên	03/07/2000	3.5		3.5	3.0				4.0	3.5	2.5		3.5			16	3.38	102	2.86		
55	1811140785	Đỗ Thị Hải	Yến	16/10/2000	3.5		4.0	3.5				4.0	3.5	2.5		3.5			16	3.53	102	2.85		
56	1811140755	Nguyễn Thị	Yến	05/09/2000	3.0		3.5	3.0				3.0	2.5	2.0		2.0			16	2.78	99	2.74		
57	1811141632	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/06/2000	3.5		3.5	3.0			3.0	4.0	2.0	2.0		2.0			18	2.94	102	2.38		

Tổng hợp: Tổng số SV:57 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QTDL4 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính - Tiền tệ	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Thương mại điện tử	Marketing căn bản	Thực tập dã ngoại 1	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2						
1	1811141730	Lê Trọng	An	10/02/2000	3.0	3.0	4.0	3.5	4.0			3.0	3.0			3.5		3.5				22	3.39	90	2.65		
2	1811140909	Bùi Vân	Anh	19/12/2000	3.0		3.5		2.5			2.5	3.0			3.0		2.5				16	2.91	102	2.55		
3	1811140946	Đào Thị Ngọc	Anh	09/06/2000	3.0		3.0		2.5			2.0	3.0			3.0		2.0				16	2.69	102	2.52		
4	1811140868	Lê Thị Vân	Anh	29/11/2000	2.0		3.0		2.5			3.0	3.5			3.0		3.0				16	2.81	102	2.75		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính - Tiền tệ	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Thương mại điện tử	Marketing căn bản	Thực tập dã ngoại 1	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2						
5	1811140942	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/01/2000	3.5		4.0		3.0			4.0	3.0	3.0		3.0		3.0				18	3.36	100	2.67		
6	1811141068	Nguyễn Tuấn	Anh	04/09/1998	3.0		3.0		2.0			3.0	3.5			3.0	2.5	2.0				19	2.76	97	2.46		
7	1811141086	Phạm Minh	Anh	24/12/2000	3.5		3.5	3.5	3.0			3.0	4.0		3.0	3.0		3.5				21	3.36	98	2.42		
8	1811141056	Phạm Thị Tú	Anh	18/08/2000	3.5		4.0		2.5			3.0	4.0			3.0		3.0				16	3.34	102	2.87		
9	1811141699	Trần Thị Phương	Anh	10/12/2000	3.5		4.0		2.5			3.0	4.0			3.5		4.0				16	3.53	102	2.75		
10	1811140970	Dương Thị Ngọc	Dung	10/01/2000	3.0		3.5	3.5	2.0			3.5	3.5			3.5		3.5				19	3.26	102	2.50		
11	1811141733	Hà Thị Thùy	Dung	14/11/2000	3.5		4.0		3.0			3.0	4.0			3.5		3.5				16	3.53	102	2.87		
12	1811141559	Trịnh Thị Thùy	Dương	26/10/2000	3.0		4.0		3.0			3.0	3.5			3.5		3.0				16	3.31	102	2.75		
13	1811141677	Nguyễn Thu	Hà	13/09/2000	3.0		3.5		3.5			3.0	3.5			3.0		3.0				16	3.22	102	2.65		
14	1811141060	Phạm Thanh	Hà	24/04/2000	3.0		3.0		2.0			2.0	3.5			3.0		3.0				16	2.81	99	2.66		
15	1811140853	Lê Thị	Hạnh	02/08/2000	3.0		3.0		3.0			3.0	3.5			3.5		3.0				16	3.13	102	2.64		
16	1811140904	Nguyễn Hồng	Hạnh	06/07/2000	3.0		4.0		2.5			2.0	3.5			3.0		3.0				16	3.06	102	2.63		
17	1811140924	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	08/08/2000	3.0		4.0		3.0			3.0	3.5			4.0		1.0				16	3.13	98	2.61		
18	1811140943	Nguyễn Thị Nguyên	Hạnh	16/10/2000	3.5		4.0		3.5			3.0	4.0			3.5		3.0				16	3.53	102	3.23		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính - Tiền tệ	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Thương mại điện tử	Marketing căn bản	Thực tập dã ngoại 1	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2						
19	1811140850	Trịnh Minh	Hiếu	30/03/2000	3.0		4.0		3.5			3.0	4.0			3.0		3.0				16	3.38	102	2.77		
20	1811141089	Nguyễn Quang	Huy	15/04/2000	2.5		3.5		2.0			3.0	3.0			3.0		3.0				16	2.88	102	2.12		
21	1811140914	Lê Thị	Huyền	23/04/2000	3.5		3.5		3.0			4.0	4.0			3.0		3.0				16	3.44	102	2.86		
22	1711141609	Phạm Khánh	Huyền	02/09/1998	2.0		1.5		2.5		3.0	2.0	3.5		3.0	3.5		3.0	4.0	3.0	2.0	28	2.70	88	2.18		
23	1811140931	Phạm Thị Mai	Hương	14/12/2000	3.0		3.0		2.5			3.5	3.5			3.5		2.5				16	3.06	92	2.44		
24	1811141750	Tô Thanh	Hương	03/11/2000	3.0		4.0		2.5			3.0	3.5			3.0		3.5				16	3.25	102	2.50		
25	1811140927	Bùi Công	Kiên	16/08/2000	2.5		3.5		3.0	3.0		3.0	2.5			3.5		2.5				18	2.94	102	2.40		
26	1811140875	Nguyễn Thị Phương	Linh	07/07/2000	3.0		3.0		2.0			3.0	3.0			3.0		2.0				16	2.75	102	2.43		
27	1811140987	Nguyễn Thùy	Linh	02/08/2000	3.0		3.0		3.0			1.5	3.0			3.0		2.5				16	2.75	100	2.54		
28	1811140977	Phạm Yến	Linh	13/08/2000	3.5		3.5		3.0			3.0	4.0			3.0		3.5				16	3.38	102	2.53		
29	1811141007	Trần Khánh	Linh	02/12/2000	4.0		3.0		3.0			3.5	3.0			3.5		3.0				16	3.31	99	2.52		
30	1811141076	Trần Khánh	Linh	05/02/2000	3.0		4.0		4.0			4.0	4.0			4.0		3.0				16	3.69	102	2.89		
31	1811141018	Trần Thị Thùy	Linh	12/08/2000	2.5		2.0		3.5			3.0	3.0			3.0		2.5				16	2.72	102	2.39		
32	1811141644	Vũ Thị	Linh	01/02/2000	3.0		4.0		2.0			2.0	3.5			3.0		2.5				16	2.94	95	2.24		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính - Tiền tệ	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Thương mại điện tử	Marketing căn bản	Thực tập dã ngoại 1	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2						
33	1811140957	Ngô Hải	Long	03/09/2000	3.0		3.0	3.0	3.0			3.0	2.5			3.0		2.0				19	2.84	102	2.34		
34	1811141019	Đinh Thị	Lộc	23/05/2000	3.0		3.5		2.0			2.5	3.0			3.0		2.5				16	2.84	102	2.91		
35	1811141662	Trịnh Thị	Luyến	16/09/2000	3.5		4.0		3.5			3.0	4.0			3.5		3.0				16	3.53	102	2.89		
36	1811141660	Lê Thị Phương	Mai	14/09/2000	3.5		4.0		3.5			3.5	3.5			3.0		3.0				16	3.47	99	2.49		
37	1811140929	Chu Thị Hằng	Nga	20/03/2000	2.5		4.0		4.0			3.5	3.0			3.5		3.0				16	3.34	102	2.74		
38	1811141035	Phí Thị Kim	Ngân	30/09/2000	2.5		3.5		3.0			3.0	3.5			3.5		3.0				16	3.13	102	2.82		
39	1811141080	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	15/07/2000	3.5		4.0		4.0			3.5	3.5			3.5		4.0				16	3.72	102	2.97		
40	1811140972	Nguyễn Quốc	Phương	13/09/2000	2.0		2.5		2.0	2.5		3.0	3.0			2.5		3.0				18	2.53	102	2.48		
41	1811140900	Phạm Thị	Quỳnh	08/03/2000	3.0		3.5		3.0			3.0	3.5			3.0		3.0				16	3.16	102	2.69		
42	1811141628	Bùi Phương	Thảo	12/09/2000	3.5		3.0		3.5			3.5	3.5			3.0		3.0				16	3.28	100	2.63		
43	1811140948	Hồ Quang	Thắng	25/08/1999	3.5		3.0		3.0			3.0	3.5			3.0		2.5				16	3.09	102	2.59		
44	1811140882	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	10/05/2000	4.0		4.0		3.0			3.0	4.0			3.0		3.5				16	3.56	102	3.09		
45	1811140940	Nguyễn Thị Thu	Thủy	26/08/2000	3.5		3.0		3.0			3.0	4.0			3.0		3.0				16	3.22	102	2.68		
46	1811140867	Trần Thu	Thủy	26/06/2000	3.5		4.0		3.5			4.0	4.0			3.5		3.5				16	3.72	102	2.89		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Tài chính - Tiền tệ	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Tiếng anh 2	Thương mại điện tử	Marketing căn bản	Thực tập dã ngoại 1	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2						
47	1811140984	Bùi Duy	Tiến	27/11/2000	3.5		4.0		3.0			3.5	3.5			3.0		2.5				16	3.34	102	2.71		
48	1811141054	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/12/2000	3.5		3.5		3.0			3.5	3.5			3.0		3.0				16	3.31	102	2.81		
49	1811140907	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/03/2000	3.5		4.0		3.0			3.0	3.0			3.0		3.5				16	3.34	102	2.65		
50	1811140846	Tạ Huyền	Trang	15/11/2000	3.5		3.0		3.5			3.0	3.5			3.0		3.0				16	3.22	102	2.89		
51	1811141043	Bùi Trắc	Tú	30/01/2000	3.0		3.5		2.0			3.0	3.5			2.0		1.5				16	2.72	95	2.36		
52	1811140906	Trần Minh	Tú	22/07/2000	3.0		2.0		3.0			2.0	3.0			2.5		2.5				16	2.56	102	2.56		
53	1811141079	Khuất Thu	Uyên	18/12/2000	4.0		4.0		4.0			3.5	4.0			3.5		4.0		3.0		19	3.74	99	2.81		
54	1811140892	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/11/2000	3.0		4.0		4.0			3.5	3.0			3.0		3.0				16	3.38	102	2.52		
55	1811140922	Xa Thị Thu	Yến	29/02/2000	3.5		4.0		3.0			3.0	3.5			3.5		3.0				16	3.41	102	2.58		

Tổng hợp: Tổng số SV: 55 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QTDL5 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng anh 1	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thương mại điện tử	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
1	1811141164	Trần Trung	An	10/04/2000	3.5		3.5		3.0				2.5	3.5		2.0	3.0		16	3.06	102	2.77		
2	1811141210	Đinh Hoàng	Anh	01/11/2000	3.5		3.5		3.0				2.0	3.5		2.5	3.0		16	3.06	94	2.56		
3	1811141246	Lê Hải	Anh	05/11/2000	4.0		4.0		4.0				3.5	4.0		3.0	3.5		16	3.75	102	3.04		
4	1811141235	Nguyễn Hoàng	Anh	16/11/2000	4.0		3.5		3.0				2.5	3.5		3.0	3.0		16	3.28	100	2.64		
5	1811141117	Nguyễn Văn Đức	Anh	02/12/2000	3.5		4.0		3.0				3.5	3.0		2.0	3.0		16	3.22	102	2.41		
6	1811141263	Trần Thị Mai	Anh	20/10/2000	4.0		4.0		4.0				4.0	4.0		3.0	4.0		16	3.88	102	3.19		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng anh 1	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thương mại điện tử	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
7	1811141190	Trần Thị Quỳnh	Chi	28/01/1999	3.5		3.5		3.0	3.0		2.5	2.0	3.0		3.0	3.5		21	3.02	82	2.55		
8	1811141104	Nguyễn Văn	Cường	25/04/2000	4.0		3.5		4.0				3.0	4.0		3.0	4.0		16	3.66	102	3.17		
9	1811141212	Phan Thị Bích	Diệp	22/10/2000	4.0		4.0		3.0				3.5	4.0		3.0	4.0		16	3.69	102	3.10		
10	1811141187	Nguyễn Thành	Đạt	01/09/2000	3.5		3.5		3.5				3.0	3.5		2.5	3.5		16	3.31	99	2.52		
11	1811141287	Vũ Ngọc	Đức	15/06/2000	4.0		4.0		3.0				3.0	3.0		3.0	3.0		16	3.38	102	2.94		
12	1811141123	Đinh Thị Hương	Giang	08/10/2000	4.0		4.0		3.5		3.5		3.0	4.0		3.0	3.5		18	3.61	102	2.63		
13	1811141247	Trần Thị Hương	Giang	13/01/2000	3.5		3.0		3.0				3.0	3.0		2.0	3.0		16	2.97	102	2.61		
14	1811141097	Bùi Thị Thu	Hà	21/08/1999	4.0		4.0		3.5				3.5	4.0		3.0	3.0		16	3.63	102	3.02		
15	1811141303	Phạm Thị Hồng	Hà	23/04/2000	4.0		4.0		3.0				2.5	3.5		3.0	3.0		16	3.38	102	2.62		
16	1811141150	Nguyễn Thị	Hằng	08/01/2000	4.0		3.5		3.5				3.5	3.5		3.0	4.0		16	3.59	102	3.37		
17	1811141179	Chu Ngân	Huệ	05/10/2000	3.5		4.0		2.5				2.0	2.5		3.0	3.0		16	3.03	87	2.08		
18	1811141151	Đỗ Quốc	Huy	05/09/2000	4.0		4.0		3.5				4.0	4.0		3.0	3.5		16	3.75	102	2.98		
19	1811141273	Đỗ Khánh	Huyền	27/10/2000	4.0		4.0	3.5	4.0				3.0	3.5		2.5	3.5		19	3.55	102	2.77		
20	1811141136	Nguyễn Thu	Huyền	18/10/2000	3.0		3.0		3.0				3.0	3.5		3.0	3.0		16	3.06	102	2.71		
21	1811141232	Phùng Thu	Huyền	10/09/2000	3.5		2.5		3.0				3.0	3.5		3.0	2.0		16	2.94	102	2.76		
22	1811141623	Nguyễn Huy	Khang	16/12/2000	3.0		3.0		2.5				2.0	3.0		2.0	3.5		16	2.75	102	2.50		
23	1811141120	Vũ Chí	Khang	22/06/2000	3.0		4.0		3.0				2.5	3.0		2.5	2.0		16	2.94	89	2.43		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng anh 1	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thương mại điện tử	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
24	1811141168	Nguyễn Thị	Linh	23/09/2000	3.0		4.0		3.0				3.0	3.5		3.0	3.0		16	3.25	100	2.65		
25	1811141795	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	02/01/2000	3.5		3.0		3.0				3.0	3.0		3.0	3.5		16	3.16	102	2.92		
26	1811141131	Lê Hải	Long	07/11/2000	3.5		3.0		3.0				3.0	4.0		3.0	3.0		16	3.22	102	2.87		
27	1811141225	Phạm Đức	Mạnh	09/05/1998	3.5		4.0		3.5				3.0	3.0		2.5	3.0		16	3.28	99	2.81		
28	1811141254	Đào Ngọc	Minh	15/03/1997	4.0		3.5		4.0				3.5	3.0		3.0	3.5		16	3.53	102	3.29		
29	1811141311	Ngô Thị Hoàng	Minh	23/09/2000	3.0		3.0		3.0				3.0	3.5		3.0	3.0		16	3.06	102	2.64		
30	1811141272	Dương Thị Kiều	My	30/10/2000	3.0		4.0		3.0				3.0	3.0	2.5	3.0	3.0		18	3.11	102	2.56		
31	1811141129	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	20/11/2000	3.5		3.5		3.0				3.0	3.5		3.5	3.0		16	3.31	102	2.62		
32	1811141310	Đoàn Thị	Ngoan	24/11/2000	3.5		4.0		3.5				3.0	3.5		2.5	3.0		16	3.34	102	2.54		
33	1811141177	Nguyễn Kim	Oanh	06/07/2000	3.5		3.5		3.0				3.0	3.0		3.0	3.0		16	3.19	102	2.55		
34	1811141252	Đinh Hoàng	Phong	09/04/2000	3.0	3.5	3.0		2.5	3.5			2.5	3.5		2.5	3.0		21	2.98	95	2.32		
35	1811141261	Nguyễn Thúy	Quỳnh	07/09/2000	3.5		4.0		3.5				3.0	4.0		3.5	3.5		16	3.59	102	2.87		
36	1811141268	Dương Thu	Thảo	11/08/2000	3.5		4.0		3.5				3.5	4.0		3.0	4.0		16	3.66	102	3.27		
37	1811141251	Vũ Phương	Thảo	05/01/2000	4.0		4.0		4.0				3.0	4.0		3.0	3.0		16	3.63	102	2.78		
38	1811141230	Trần Thị	Thúy	20/11/2000	4.0		4.0		4.0				3.0	4.0		3.0	4.0		16	3.75	102	3.32		
39	1811141159	Nguyễn Thủy	Tiên	15/12/2000	4.0		4.0		4.0				3.5	4.0		3.0	3.0		16	3.69	102	2.80		
40	1811141192	Nguyễn Công	Toàn	20/02/2000	3.5		3.0	3.5	3.5				3.0	3.5		2.0	3.0		19	3.16	99	2.63		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng anh 1	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Thương mại điện tử	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
41	1811141294	Nguyễn Minh	Trang	10/05/2000	3.5		4.0		3.5				3.5	4.0		3.0	3.0		16	3.53	102	2.90		
42	1811141199	Nguyễn Thu	Trang	05/01/2000	4.0	3.0	4.0		3.0				3.5	4.0		3.0	3.0		19	3.47	100	2.69		
43	1811141471	Nguyễn Thu	Trang	13/09/2000	3.5		4.0		3.5				3.5	4.0		3.0	3.5		16	3.59	102	2.85		
44	1811141304	Phan Thị Kiều	Trang	24/12/2000	4.0		4.0		3.5				3.5	4.0		3.0	3.5		16	3.69	102	2.98		
45	1811141195	Nguyễn Văn	Tuấn	22/09/1998	3.5		4.0		3.0				3.0	4.0		3.0	2.5		16	3.34	93	2.47		
46	1811141107	Đinh Thị Thu	Uyên	29/09/2000	4.0		4.0		3.0	3.0			3.0	3.5		3.0	3.0	3.0	20	3.35	96	2.59		
47	1811141208	Nguyễn Thị Thu	Uyên	05/02/2000	3.5		4.0		3.0				4.0	3.0		2.5	3.0		16	3.34	102	2.74		
48	1811141141	Trần Thùy	Vân	06/11/2000	4.0		4.0		3.0				3.0	3.5		3.0	4.0		16	3.56	102	3.24		
49	1811141283	Trần Thị	Xuyến	06/11/2000	3.0		3.5		3.0				3.0	3.5		2.0	3.0		16	3.03	102	2.57		
50	1811141511	Nguyễn Thị Hải	Yến	17/05/2000	4.0		4.0		3.5				3.0	3.5		3.0	3.5		16	3.56	102	2.89		

Tổng hợp: Tổng số SV: 50 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QTDL6 **Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Pháp luật đại cương	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
1	1811141484	Đỗ Thị Vân	Anh	20/08/1997	4.0		3.0	4.0		3.5				4.0	4.0		4.0	3.0		19	3.68	91	3.18		
2	1811141393	Nguyễn Hoài	Anh	24/09/2000	3.0	2.5		3.0		2.5			2.5	2.5	4.0		2.5	3.5		21	2.88	99	2.19		
3	1811141485	Nguyễn Quỳnh	Anh	12/12/2000	4.0			3.5		1.5				3.5	3.5	3.0	3.5	3.5		18	3.31	102	2.89		
4	1811141315	Nguyễn Thị Lan	Anh	07/08/2000	3.0			3.0		2.0			3.0	2.5	3.0		2.0	2.5	2.5	21	2.67	72	2.17		
5	1811141462	Phạm Thị Vân	Anh	10/08/2000	3.5			4.0		2.5				4.0	3.5		3.0	3.0		16	3.41	83	2.73		
6	1811141331	Trần Hà	Anh	11/09/2000	4.0			4.0		3.0				3.5	4.0		3.0	3.5		16	3.63	102	2.65		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Pháp luật đại cương	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
7	1811141545	Lê Thị Ngọc	Ánh	14/02/2000	4.0			4.0		3.0				4.0	4.0		3.5	4.0		16	3.81	102	3.33		
8	1811141364	Phạm Thị Kiều	Diễm	26/03/2000	3.5			4.0		2.5				3.0	3.5		3.5	3.5		16	3.41	102	2.61		
9	1811141778	Nguyễn Thị Thu	Giang	26/01/2000	3.5			4.0		3.0				3.0	4.0		3.0	3.5		16	3.47	102	2.77		
10	1811141391	Phan Thu	Giang	09/06/2000	4.0			4.0		3.5				3.5	4.0		3.0	4.0		16	3.75	107	3.30		
11	1811141378	Bùi Nguyệt	Hằng	07/04/2000	3.5			4.0		3.5				4.0	4.0		3.5	4.0		16	3.78	102	2.60		
12	1811141398	Đỗ Thị Thu	Hằng	13/08/2000	3.5			4.0		3.5				4.0	4.0		3.0	3.5		16	3.66	102	3.25		
13	1811141534	Đỗ Thị Thuý	Hậu	01/08/2000	3.5			4.0		3.0				4.0	3.5		3.0	4.0		16	3.59	102	2.84		
14	1811141413	Vũ Thúy	Hiền	07/12/2000	4.0			4.0		3.5				3.5	4.0		3.5	3.5		16	3.75	102	3.05		
15	1811141465	Trần Thị	Hoa	28/11/2000	4.0			4.0		3.5				3.5	4.0		3.5	3.5		16	3.75	107	3.29		
16	1811141352	Nguyễn Xuân	Huy	30/12/1999	4.0			4.0		3.5				3.0	4.0		3.0	4.0		16	3.69	102	3.13		
17	1811141376	Vũ Đình Dương	Huy	05/09/2000	4.0			4.0		3.0		3.0		3.5	3.0		3.0	3.0		18	3.39	99	2.62		
18	1811141356	Nguyễn Thị Thu	Huyền	27/03/2000	3.5			4.0		2.5				3.5	4.0		3.0	3.5		16	3.47	102	2.97		
19	1811141385	Phan Thị	Huyền	28/12/2000	3.5			4.0		3.0				4.0	4.0		3.0	3.0		16	3.53	102	2.82		
20	1811141687	Lê Bá	Kiêm	09/11/1999	3.5			3.5		3.0				2.0	3.5		2.5	3.0		16	3.06	94	2.82		
21	1811141394	Nguyễn Trúc	Linh	27/09/2000	3.5			3.0		3.0				3.5	3.5		3.0	3.0		16	3.22	102	2.51		
22	1811141470	Phạm Thị Hà	Linh	10/01/2000	4.0			2.0		3.0				3.0	2.0		3.0	3.0		16	2.88	102	2.47		
23	1811141313	Lê Thị Hải	Lý	14/08/2000	4.0			3.0	4.0	3.0				4.0	3.0		3.0	3.0		19	3.42	102	2.46		
24	1811141440	Đinh Thanh	Mai	30/11/2000	3.5			4.0		3.0	2.0			3.5	3.0		3.0	3.5		18	3.25	102	2.82		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Pháp luật đại cương	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
25	1811141466	Bùi Trà	My	20/10/2000	4.0			4.0		3.0				3.5	4.0		3.0	3.5		16	3.63	102	3.31		
26	1811141365	Lương Trường	Nam	17/01/2000	3.5			3.0		3.0				3.0	4.0		3.0	3.0		16	3.22	102	2.82		
27	1811141411	Đặng Thị	Nga	26/08/2000	3.5			4.0		3.0				4.0	4.0		3.0	3.0		16	3.53	102	2.89		
28	1811141423	Nguyễn Thị	Nhung	24/09/2000	3.0			4.0		3.0				2.5	2.5		3.0	2.5		16	3.00	99	2.44		
29	1811141785	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/03/2000	3.0			3.0		3.0				3.0	3.0	3.0	3.0	3.0		18	3.00	99	2.41		
30	1811141429	Vũ Thị Hồng	Niên	16/11/2000	4.0			4.0		2.5				3.5	4.0		3.0	3.0		16	3.50	102	2.89		
31	1811141707	Nguyễn Văn	Ninh	23/06/2000	3.0			3.0		2.0				2.5	3.0		2.0	3.0		16	2.69	82	2.38		
32	1811141509	Khổng Hồng	Phi	31/07/2000	3.0			4.0		3.0		3.0		3.0	4.0	3.5	3.0	3.5		20	3.35	102	2.67		
33	1811141324	Trịnh Phương	Thảo	30/08/2000	3.0			3.0		3.0				3.5	3.5		3.0	3.0		16	3.13	102	2.82		
34	1811141504	Vũ Thị	Thảo	22/09/2000	4.0			4.0		3.0				3.0	4.0		3.0	4.0		16	3.63	102	2.58		
35	1811141505	Nguyễn Thị	Thu	29/08/2000	4.0			4.0		3.0				4.0	4.0		3.5	3.0		16	3.69	102	2.89		
36	1811141780	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2000	3.5			4.0		2.5		3.0		3.5	4.0		2.5	3.0		18	3.31	95	2.43		
37	1811141414	Nguyễn Thị Thu	Trang	07/07/2000	3.5			4.0		2.5				3.0	3.5		3.0	3.5		16	3.34	102	2.73		
38	1811141515	Nguyễn Thiên	Trang	09/10/2000	4.0			3.5		3.0				3.0	3.0		3.0	3.0		16	3.28	102	2.64		
39	1811141477	Phạm Thị Thiên	Trang	15/03/2000	3.5			4.0		2.5				3.0	3.5		3.0	3.0		16	3.28	102	2.72		
40	1811141420	Nguyễn Thị	Tươi	15/01/2000	4.0			4.0		2.5				3.0	4.0		3.0	3.5		16	3.50	102	2.94		
41	1811141665	Nguyễn Thị Thu	Uyên	01/09/2000	4.0			4.0		3.0				3.0	4.0		3.0	3.0		16	3.50	102	2.86		
42	1811141425	Phạm Thị Tố	Uyên	14/09/1999	4.0			4.0		3.0				3.0	4.0		3.0	4.0		16	3.63	102	2.72		

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Quản trị nguồn nhân lực	Pháp luật đại cương	Kinh tế vĩ mô	Hướng dẫn du lịch	Kinh tế vi mô	Quản trị chất lượng du lịch	Tin học đại cương	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Quản trị lễ tân	Kế toán tài chính	Kinh tế tài nguyên biển	Thương mại điện tử	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
				3	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
43	1811141406	Trần Khánh Vân	28/07/2000	4.0			4.0		3.0				3.5	4.0		3.0	3.5		16	3.63	102	3.00		
44	1811141540	Trịnh Thanh Vân	11/07/2000	4.0			4.0		3.0				3.0	4.0		3.0	3.5		16	3.56	102	3.07		
45	1811141544	Nguyễn Trọng Vinh	26/10/2000	3.5			4.0		3.0				3.0	3.5		3.0	3.0		16	3.34	100	2.72		
46	1811141535	Trương Hải Yến	15/09/2000	3.5			4.0		3.0				3.0	3.0		3.0	3.0		16	3.28	102	2.55		

Tổng hợp: Tổng số SV: 46 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QTKD1 **Ngành: Quản trị kinh doanh** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị văn phòng	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vi mô	Định giá bất động sản	Thương mại điện tử	Thống kê doanh nghiệp	Hệ thống thông tin quản lý	Tiếng anh 1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Quản trị Marketing	Tài chính - Tiền tệ	Quản trị tài chính	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Marketing căn bản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3						
1	1811180058	Đỗ Quỳnh	Anh	03/11/2000	3.5	3.0						3.0			1.5	2.0		4.0					16	2.97	97	2.41		
2	1811011561	Lê Đức	Anh	03/03/2000	3.0	3.0						2.0			2.0	3.0		3.0					16	2.69	63	2.42		
3	1811181042	Lưu Mai	Anh	30/10/2000	3.0	4.0						3.5			3.5	3.5		4.0					16	3.59	96	2.82		
4	1811180971	Nguyễn Thị Mai	Anh	19/11/2000	3.0	3.0						3.0	0.0		3.0	3.5		4.0					19	2.74	95	2.76		
5	1811180244	Nguyễn Tuấn	Anh	02/09/2000	2.0	2.0						0.0			3.0	3.5		3.5					16	2.22	66	2.18		
6	1811181015	Trần Thị Lan	Anh	27/03/2000	4.0	3.5		4.0			3.0	4.0			3.0	3.0		4.0					21	3.64	100	2.96		
7	1811181771	Triệu Thị Quỳnh	Anh	07/05/2000	4.0	3.5						3.5			3.0	3.0		4.0					16	3.56	87	2.36		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị văn phòng	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vi mô	Định giá bất động sản	Thương mại điện tử	Thống kê doanh nghiệp	Hệ thống thông tin quản lý	Tiếng anh 1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Quản trị Marketing	Tài chính - Tiền tệ	Quản trị tài chính	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Marketing căn bản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3						
8	1811180989	Dương Thùy	Dương	01/06/2000	3.0	3.0						3.5			3.0	4.0		4.0					16	3.41	100	2.74		
9	1811180159	Trần Anh	Đào	18/09/2000	3.5	3.5	3.5					3.5			3.0	3.5		3.5					19	3.45	100	2.72		
10	1811180229	Phạm Ngọc	Hà	25/10/2000	4.0	4.0						3.5			2.5	4.0		3.5					16	3.63	100	2.76		
11	1811181017	Phạm Thu	Hà	17/02/2000	4.0	4.0						4.0			3.0	3.5		3.5					16	3.72	100	3.33		
12	1811180186	Nguyễn Ngọc	Hân	04/12/2000	4.0	3.0						3.5			2.0	3.0		4.0	2.5				18	3.25	98	2.44		
13	1811180828	Nguyễn Thị	Hiền	20/06/2000	3.5	3.5						3.5			2.0	3.5		4.0					16	3.41	100	2.84		
14	1811180408	Nguyễn Văn	Hiệp	11/11/2000	3.0	3.5						3.0		2.0	3.0	3.5		4.0					18	3.19	90	2.51		
15	1811180793	Phạm Văn	Hiệp	01/10/2000	4.0	3.0						4.0			3.0	3.5		4.0					16	3.63	97	3.07		
16	1811180807	Nguyễn Minh	Hiếu	18/12/2000	3.5	3.0						3.5			3.0	3.0		4.0					16	3.38	100	2.74		
17	1811180925	Nguyễn Xuân	Hòa	06/11/2000	3.0	3.0						3.0			2.0	3.0		2.5					16	2.78	97	2.54		
18	1811180887	Đỗ Huy	Hoàng	10/10/2000	3.0	3.0						3.0			2.5	4.0		3.5					16	3.16	97	2.49		
19	1811180074	Nguyễn Tiến	Hùng	28/06/2000	4.0	3.5						3.0		2.0	2.0	4.0		3.5					18	3.22	98	2.80		
20	1811180569	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	04/09/2000	3.5	4.0						3.0			3.0	4.0		4.0					16	3.59	100	2.87		
21	1811180705	Hoàng Văn	Khoa	21/07/2000	3.0	2.5						3.0			2.5	3.0		4.0					16	3.03	89	2.65		
22	1811180915	Trần Thị	Liên	05/11/2000	3.0	4.0						3.0			3.0	3.5		3.5					16	3.34	98	2.57		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị văn phòng	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vi mô	Định giá bất động sản	Thương mại điện tử	Thống kê doanh nghiệp	Hệ thống thông tin quản lý	Tiếng anh 1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Quản trị Marketing	Tài chính - Tiền tệ	Quản trị tài chính	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Marketing căn bản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3						
23	1811180762	Luân Thùy	Linh	18/11/2000	3.5	3.0						3.5			3.0	3.0		4.0					16	3.38	100	2.61		
24	1811181723	Lương Thúy	Loan	27/08/2000	4.0	4.0	3.5					3.5			4.0	4.0		4.0					19	3.84	100	2.99		
25	1811180988	Đỗ Bùi Hoàng	Long	08/02/2000	3.5	3.0	3.5	4.0	3.0	3.0	2.5	3.0	3.0		3.5	3.0	3.5	4.0	3.0	3.0	4.0	2.0	42	3.21	90	2.72		
26	1811180334	Phạm Thị	Ly	01/01/2000	3.0	3.5						3.0			3.0	3.5		4.0					16	3.34	98	2.82		
27	1811180069	Nguyễn Đình	Nam	09/06/2000	3.5	3.0						2.5			3.0	3.0		4.0					16	3.19	98	2.59		
28	1811180982	Mai Kim	Ngọc	28/05/2000	3.5	4.0						4.0			4.0	3.5		4.0					16	3.84	100	3.22		
29	1811180016	Nguyễn Hoàng	Phúc	06/09/2000	3.5	4.0						3.5			3.0	4.0		4.0					16	3.69	98	2.76		
30	1811180634	Chu Thị Hiền	Phương	10/09/1998	3.0	3.0						3.0			3.0	3.0		4.0					16	3.19	100	2.88		
31	1811180536	Nguyễn Thị	Phương	18/11/2000	3.5	3.0						3.0			2.5	3.0		4.0					16	3.22	96	2.35		
32	1811180865	Nguyễn Thị	Quyên	07/09/2000	3.5	3.5						3.0			3.0	3.0		4.0					16	3.38	100	2.81		
33	1811180059	Bùi Thúy	Quỳnh	25/02/2000	4.0	3.5						4.0			2.5	3.5		4.0					16	3.66	100	2.89		
34	1811180916	Đặng Thị Thanh	Thảo	01/08/2000	3.0	3.0						3.0			3.0	4.0		4.0					16	3.31	100	2.68		
35	1811180192	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/06/2000	4.0	3.0						4.0			3.0	3.5		3.0					16	3.44	100	2.88		
36	1811181508	Đỗ Thị Hương	Thủy	08/01/2000	3.0	3.0						3.0			2.5	3.5		4.0					16	3.19	100	2.84		
37	1811180694	Phạm Thị	Thúy	07/10/2000	3.5	3.5						3.0			3.0	4.0		4.0					16	3.50	100	3.21		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị văn phòng	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vi mô	Định giá bất động sản	Thương mại điện tử	Thống kê doanh nghiệp	Hệ thống thông tin quản lý	Tiếng anh 1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Quản trị Marketing	Tài chính - Tiền tệ	Quản trị tài chính	Xác suất thống kê	Nguyên lý thống kê kinh tế	Marketing căn bản	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	3	2	2	2	3	3	2	2	2	2	3	2	2	2	3						
38	1811180843	Doãn Anh	Thư	09/04/2000	2.5	3.0						0.0			3.0	3.5		4.0					16	2.59	90	2.52		
39	1811060583	Nguyễn Anh	Tiến	28/12/2000	3.0	3.0						2.0			1.5	3.0		3.5					16	2.72	82	2.37		
40	1811181027	Nguyễn Bá	Tiến	10/05/2000	3.0	3.0						2.0			2.5	3.5		4.0					16	3.00	98	2.39		
41	1811180289	Nguyễn Thu	Trang	27/07/2000	4.0	4.0						3.5			3.0	3.0		4.0					16	3.66	98	2.88		
42	1811180149	Hoàng Quốc	Trung	10/08/2000	2.5	3.0						0.0			2.5	3.5		3.5					16	2.44	88	2.31		
43	1811180277	Bùi Xuân	Tùng	13/08/2000	4.0	3.5						3.0			3.0	4.0		4.0					16	3.59	100	2.69		
44	1811180923	Hà Bách	Tuyên	14/07/2000	3.0	3.0						3.5			2.5	3.0		4.0					16	3.22	91	2.62		
45	1811180242	Đỗ Thị	Yến	01/09/2000	4.0	3.0			4.0			4.0			3.0	3.5		4.0					18	3.67	100	2.86		
46	1811181782	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/06/2000	3.5	3.0						3.0			2.0	3.5		4.0					16	3.22	100	2.41		
47	1811180035	Vũ Thị Hải	Yến	28/01/2000	3.5	3.0						2.0			2.5	3.0		4.0					16	3.03	98	2.74		

Tổng hợp: Tổng số SV: 47 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QTKD2 **Ngành: Quản trị kinh doanh** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị văn phòng	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị học	Quản trị Marketing	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Quản trị tài chính	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	3	3	2	2	3	2						
1	1811181616	Lê Thị Quỳnh	Anh	31/01/2000	3.5	3.5	2.5		3.5		3.5	3.0	3.5	3.5	20	3.35	94	2.57		
2	1811181666	Nguyễn Minh	Anh	26/07/2000	4.0	4.0			4.0		4.0	4.0	4.0		16	4.00	100	3.34		
3	1811092049	Phạm Tiến	Anh	22/01/2000	3.0	2.5			2.0		3.0	3.0	3.5		16	2.81	60	2.24		
4	1811181277	Phan Thế	Anh	01/10/1998	4.0	2.5			3.0		3.5	3.5	3.5		16	3.31	95	2.89		
5	1811181710	Tạ Việt	Anh	18/09/1998	3.0	2.5			2.5		4.0	2.5	3.5		16	2.97	87	2.72		
6	1811181193	Trần Thị Lan	Anh	29/02/2000	3.5	2.5			3.0		3.0	3.0	3.5		16	3.09	100	2.74		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị văn phòng	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị học	Quản trị Marketing	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Quản trị tài chính	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	3	3	2	2	3	2						
7	1811181499	Nguyễn Ngọc	Bảo	03/10/2000	3.0	3.0			2.5		1.5	2.0	3.0		16	2.59	83	2.07		
8	1811181223	Nguyễn Minh	Châu	06/12/2000	3.0	3.0			2.5		3.5	3.0	3.0		16	2.97	83	2.12		
9	1811181122	Nguyễn Thị Huyền	Chi	22/02/2000	3.5	3.0			2.5		3.0	2.0	3.0		16	2.88	98	2.43		
10	1811181522	Ngô Thị Thanh	Hà	10/05/2000	4.0	2.5			3.0		4.0	2.0	4.0		16	3.28	100	2.62		
11	1811181265	Hoàng Thị	Hoài	19/03/2000	4.0	3.0			3.5		4.0	4.0	4.0		16	3.72	100	3.05		
12	1811181064	Phan Thị Thu	Hoài	22/04/2000	3.5	3.0			3.5		3.0	3.0	3.5	4.0	18	3.36	94	2.53		
13	1811181188	Khúc Thị	Huyền	19/10/2000	4.0	3.5			3.0		3.5	3.5	4.0		16	3.59	100	2.56		
14	1811181661	Hoàng Đức	Hữu	02/01/2000	3.0	3.0			4.0		4.0	3.5	3.0		16	3.38	100	2.39		
15	1811181350	Trịnh Văn	Kiệt	05/07/2000	3.0	3.0			3.0		3.0	2.0	3.0		16	2.88	86	2.47		
16	1811181624	Nguyễn Tùng	Lâm	28/03/2000	4.0	4.0			3.0		3.5	3.5	3.5		16	3.59	100	3.01		
17	1811181180	Bùi Thị Khánh	Linh	06/08/2000	3.0	3.0			3.0		3.0	2.5	3.0		16	2.94	97	2.34		
18	1811181202	Nguyễn Khánh	Linh	23/11/2000	4.0	4.0			4.0		4.0	3.5	4.0		16	3.94	100	2.90		
19	1811181838	Trần Khánh	Linh	11/07/2000	4.0	4.0			4.0		4.0	4.0	4.0		16	4.00	100	3.04		
20	1811181165	Nguyễn Phi	Long	12/03/2000	3.0	3.5			3.5		3.0	2.0	3.5		16	3.16	87	2.21		
21	1811111908	Nguyễn Văn	Mạnh	29/07/2000	3.0	3.0			3.0		3.0	3.0	0.0		16	2.44	74	2.28		
22	1811181547	Trần Lương Thu	Phương	05/09/2000	4.0	3.5			3.0	2.0	4.0	3.5	4.0		19	3.39	95	2.63		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản trị văn phòng	Khởi sự và tái lập doanh nghiệp	Tiếng Anh 3	Kỹ năng mềm	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị học	Quản trị Marketing	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	Quản trị tài chính	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	3	3	3	2	2	3	2						
23	1811181629	Nguyễn Ngọc	Sơn	21/08/1996	4.0	4.0			3.5		3.5	3.0	4.0		16	3.72	100	2.66		
24	1811181309	Phạm Nguyễn Nhật	Tân	07/01/2000	3.0	2.5			2.0		3.0	1.0	3.5		16	2.56	91	2.31		
25	1811181084	Mai Thị	Thảo	13/02/1999	3.5	3.5			3.5		4.0	3.0	4.0		16	3.59	98	2.63		
26	1811181626	Trần Thị Phương	Thảo	28/04/2000	3.5	3.5			3.5		4.0	3.5	4.0		16	3.66	100	2.74		
27	1811181657	Vũ Thanh	Thảo	06/03/2000	3.5	3.0			4.0		4.0	3.5	4.0		16	3.66	100	3.08		
28	1811181600	Nguyễn Đức	Thiện	17/01/2000	3.0	2.5			2.0		2.0	1.0	3.5		16	2.44	78	2.08		
29	1811181798	Hà Thị	Tình	24/11/1999	3.5	3.5			3.0		4.0	3.5	4.0		16	3.56	100	2.80		
30	1811181271	Phạm Văn	Toàn	14/04/2000	4.0	3.5			3.5		4.0	4.0	4.0		16	3.81	100	3.06		
31	1811181651	Trần Thị Huyền	Trang	27/09/2000	4.0	3.0			3.0		3.0	3.0	3.5		16	3.28	100	2.67		
32	1811181137	Đinh Thị Lan	Trinh	26/12/2000	3.5	3.5		3.0	3.0		3.5	3.5	4.0		19	3.42	100	2.33		
33	1811181219	Lê Thị	Trinh	12/02/2000	3.5	4.0			3.0		3.5	3.0	3.5		16	3.44	98	2.77		
34	1811181494	Trịnh Kim	Tuyến	19/10/2000	3.0	3.0		2.0	2.5		3.0	3.0	2.5		19	2.68	100	2.11		
35	1811181058	Nguyễn Thị Hồng	Yến	12/07/2000	3.0	3.0			3.0		4.0	3.0	3.0		16	3.13	98	2.52		

Tổng hợp: Tổng số SV: 35 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QĐ1 **Ngành: Quản lý đất đai** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Đăng ký đất đai	Toán cao cấp 2	Quy hoạch đô thị	Định giá đất	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Toán cao cấp 1	Hóa học đất	Pháp luật đại cương	Hóa học đại cương	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỹ năng mềm	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trắc địa cơ sở	Thống kê đất đai	Đánh giá đất	Tiếng anh 2	Sử dụng đất và kinh tế đất	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	3	2	2	3	2						
1	1811110106	Trần Tuấn	An	06/12/2000	3.5	4.0			3.5	3.0									3.5	4.0	4.0			4.0			17	3.71	97	2.70		
2	1811110157	Mai Phương	Anh	15/01/2000	3.5	2.5			3.0	3.0		4.0				3.5			4.0	3.0	3.5				3.0		24	3.33	95	2.51		
3	1811110110	Nguyễn Phương	Anh	25/09/1999	3.5				3.5	3.0									3.0	3.5	4.0	3.0					16	3.38	97	2.77		
4	1811110100	Nguyễn Thị Minh	Anh	09/04/2000	3.5				3.5	3.0									3.0	3.5	4.0						13	3.46	95	2.28		
5	1811110272	Nguyễn Việt	Anh	16/12/2000	3.0				4.0	3.0									3.5	3.5	3.5						13	3.42	94	2.49		
6	1811110079	Hoàng Thanh	Bình	23/01/2000	3.5				4.0	4.0			3.5						4.0	3.5	4.0						15	3.80	97	2.30		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Đăng ký đất đai	Toán cao cấp 2	Quy hoạch đô thị	Định giá đất	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Toán cao cấp 1	Hóa học đất	Pháp luật đại cương	Hóa học đại cương	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỹ năng mềm	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trắc địa cơ sở	Thống kê đất đai	Đánh giá đất	Tiếng anh 2	Sử dụng đất và kinh tế đất	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	3	2	2	3	2						
7	1811110327	Nguyễn Thanh	Bình	18/04/2000	3.5				3.0	3.0				2.0					1.0	3.0	3.0						15	2.67	75	2.13		
8	1811110005	Đoàn Hải	Đăng	09/07/2000	2.5				3.0	3.0									2.0	3.0	3.0	3.0					16	2.81	95	2.02		
9	1811110312	Nguyễn Đăng	Độ	09/06/2000	3.5				3.0	3.0									3.0	4.0	4.0						13	3.46	97	2.97		
10	1811110121	Vũ Thành	Hải	07/10/2000	3.5	3.0			3.0	4.0									3.0	3.5	4.0						15	3.47	97	2.50		
11	1811110293	Trịnh Ngọc Bảo	Hân	15/06/2000	4.0				4.0	3.0			3.5						3.0	4.0	4.0						15	3.67	97	2.69		
12	1811110013	Nguyễn Hoàng	Hiệp	06/09/2000	3.0				3.0	3.0								3.5	3.0	3.0	3.0						15	3.07	95	2.35		
13	1811110344	Đào Trọng	Hiếu	12/10/2000	4.0				4.0	3.0		4.0							3.0	4.0	3.5	3.5					19	3.63	97	2.57		
14	1811111940	Lê Mạnh	Hùng	06/02/2000	3.0				3.0	3.0									3.0	3.5	3.0						13	3.08	97	2.44		
15	1811111939	Vũ Quang	Huy	08/07/2000	4.0				4.0	3.5									3.5	3.5	3.5						13	3.65	97	2.93		
16	1811110193	Tạ Duy	Hưng	24/12/2000	3.5				3.0	3.0									3.0	4.0	4.0	4.0					16	3.56	97	2.53		
17	1811110324	Nguyễn Nam	Khánh	14/08/2000	3.0				3.0	3.0									3.0	3.0	3.0						13	3.00	75	2.11		
18	1811110342	Trần Duy	Khánh	05/12/2000	3.0				3.0	3.0									2.5	3.0	3.0						13	2.92	95	2.21		
19	1811110267	Trần Quốc	Khánh	01/03/2000	3.5	2.0		4.0	3.0	3.0		4.0							2.0	3.5	3.0	3.0					23	3.13	91	2.47		
20	1811110294	Nguyễn Trung	Kiên	18/08/2000	2.5				2.5	2.0									3.0	2.0	2.0						13	2.31	74	2.06		
21	1811111950	Hoàng Văn	Lâm	02/07/1999	3.5				3.0	3.0									2.0	3.0	3.5						13	3.04	97	2.75		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Đăng ký đất đai	Toán cao cấp 2	Quy hoạch đô thị	Định giá đất	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Toán cao cấp 1	Hóa học đất	Pháp luật đại cương	Hóa học đại cương	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỹ năng mềm	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trắc địa cơ sở	Thống kê đất đai	Đánh giá đất	Tiếng anh 2	Sử dụng đất và kinh tế đất	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	3	2	2	3	2						
22	1811110085	Cao Xuân	Lân	20/10/2000	3.5				3.0	3.0									2.5	3.5	3.5	4.0					16	3.34	97	2.49		
23	1811110130	Đỗ Gia	Linh	14/11/2000	3.0	2.0			3.0	2.5									2.0	3.0	3.0						15	2.67	79	1.97		
24	1811110008	Vũ Ngọc	Long	22/11/2000	3.5				3.0	3.0		3.0				3.0			2.0	3.5	3.5	2.0			3.0		25	2.94	94	2.17		
25	1811110139	Trần Thị Hương	Mai	12/06/2000	3.0	2.0			3.0	3.5	3.5								3.0	4.0	4.0	2.5					21	3.19	97	2.32		
26	1811110113	Nguyễn Văn	Nam	04/05/1999	4.0				4.0	3.0									3.5	3.5	4.0						13	3.69	97	2.72		
27	1811110006	Đặng Thị	Ngọc	21/03/2000	3.5	2.0		3.5	3.5	3.0		4.0				3.0			3.0	3.0	4.0	2.0					26	3.15	95	2.43		
28	1811110228	Nghiêm Bích	Ngọc	17/02/2000	4.0			4.0	3.5	2.5									3.0	4.0	3.5	2.5					18	3.33	95	2.24		
29	1811110103	Sái Công	Nguyên	06/11/2000	3.5	2.0		3.0	3.0	3.5		3.0				2.5			2.0	3.0	3.0		3.0		2.5		28	2.82	92	2.30		
30	1811110206	Thành Gia	Nhi	22/02/2000	3.5	2.0			3.0	3.0						3.0			2.5	3.5	3.0	3.0					21	2.95	87	2.39		
31	1811110231	Nguyễn Thị Trang	Nhung	04/01/2000	3.0	3.5			3.0	3.0							3.0		2.5	3.5	3.5						17	3.15	97	2.36		
32	1811110046	Đỗ Trí	Phong	03/07/2000	2.5				2.5	3.0									2.0	2.5	2.0						13	2.38	72	2.11		
33	1811110370	Nguyễn Thạch	Quang	06/03/2000	3.0	2.0		2.0	3.0	3.0									2.0	3.0	3.5	2.0					20	2.63	90	2.13		
34	1811110230	Lê Văn	Quảng	04/01/2000	3.5				3.0	3.0		4.0				3.0			2.5	3.0	4.0	3.0					22	3.27	97	2.53		
35	1811110296	Mai Quang	Sang	05/09/2000	3.0	2.5	3.5		2.5	3.0						3.0			2.0	3.0	3.0						21	2.88	89	1.89	Cảnh báo học tập mức 1	
36	1811110015	Ngô Văn	Thái	10/04/2000	3.0			0.0	3.0	3.0									2.5	3.0	3.0	2.0					18	2.44	89	2.17		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Đăng ký đất đai	Toán cao cấp 2	Quy hoạch đô thị	Định giá đất	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Toán cao cấp 1	Hóa học đất	Pháp luật đại cương	Hóa học đại cương	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỹ năng mềm	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trắc địa cơ sở	Thống kê đất đai	Đánh giá đất	Tiếng anh 2	Sử dụng đất và kinh tế đất	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	3	2	2	3	2						
37	1811110224	Bùi Công	Thành	12/04/2000	3.0	0.0			3.0	3.0									3.0	3.0	3.0	3.0					18	2.67	88	2.07		
38	1811110325	Nguyễn Thị	Thơm	06/09/2000	4.0				3.5	3.0									3.0	4.0	4.0						13	3.62	97	2.85		
39	1811111929	Ngô Thị Hà	Trang	23/12/2000	3.5	3.5			3.0	3.0									3.0	3.0	3.5	3.0					18	3.19	97	2.29		
40	1811110166	Nguyễn Cao	Trường	14/08/2000	2.5	2.0		4.0	2.5	2.5									1.5	3.0	3.0	2.5					20	2.63	97	2.09		
41	1811110349	Nguyễn Văn	Tú	19/05/2000	3.0				3.5	3.5									2.5	3.5	3.5						13	3.27	97	2.56		
42	1811110049	Đặng Anh	Tuấn	21/10/2000	2.0			2.0	2.5	2.5	2.0				0.0				1.5	2.0	3.0	0.0		2.0			25	1.76	90	1.69	Cảnh báo học tập mức 1	
43	1811110014	Vũ Thu	Uyên	07/06/2000	3.0				3.0	3.5									4.0	3.0	4.0					3.5	15	3.47	97	2.50		
44	1811110917	Bạch Đăng	Vũ	27/06/2000	3.5	2.0			3.0	3.0							3.0		3.0	3.5	3.5	3.0					20	3.08	92	2.24		
45	1811110053	Nguyễn Văn	Vũ	07/11/2000	3.0	3.0			2.0	3.0									2.0	3.0	3.0						15	2.73	89	2.14		

Tổng hợp: Tổng số SV:45 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QĐ2 **Ngành: Quản lý đất đai** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Giao đất	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Cơ sở dữ liệu đất đai	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản lý nhà nước về đất đai	Quản lý tài nguyên môi trường	Hóa học đại cương	Bản đồ học	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Khoa học đất	Trắc địa cơ sở	Xác suất thống kê	Sử dụng đất và kinh tế đất	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	3	3	2	2						
1	1811110545	Bùi Thị Vân	Anh	08/06/2000	4.0						3.0	3.0						4.0	4.0	3.5					13	3.62	97	2.62		
2	1811110837	Hoàng Đức	Anh	26/08/2000	3.0					4.0	3.0	3.0		3.5		3.0		3.5	3.0	2.0			0.0		21	2.81	85	2.22		
3	1811110465	Hoàng Ngọc	Anh	24/11/2000	4.0			4.0			3.5	3.5						4.0	4.0	3.0		3.5			18	3.69	94	2.46		
4	1811110781	Phạm Phương	Anh	17/08/2000	2.5		3.0	4.0			3.0	3.5					4.0	3.5	3.5	3.0					19	3.34	88	2.64		
5	1811110788	Lâm Tuấn	Cương	02/11/2000	3.0						3.0	3.5						4.0	3.5	3.0					13	3.35	97	2.84		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Giao đất	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Cơ sở dữ liệu đất đai	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản lý nhà nước về đất đai	Quản lý tài nguyên môi trường	Hóa học đại cương	Bản đồ học	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Khoa học đất	Trắc địa cơ sở	Xác suất thống kê	Sử dụng đất và kinh tế đất	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	3	3	2	2						
6	1811110805	Phạm Tuấn	Dũng	05/01/2000	3.5			4.0			3.5	3.5						4.0	4.0	2.5					15	3.60	97	2.81		
7	1811111957	Phan Đình	Đa	23/08/2000	3.5			4.0			3.0	3.0						4.0	3.5	2.0					15	3.30	97	2.44		
8	1811110648	Lê Anh	Đức	30/10/1999	3.0						3.0	3.0						3.5	3.5	2.5					13	3.12	92	2.38		
9	1811110598	Lê Quang	Đức	09/07/2000	2.5			3.0			3.0	3.0						3.0	3.5	1.0					15	2.77	94	2.19		
10	1811111931	Lý Hoàng	Hải	15/09/1999	3.0						3.0	3.0						4.0	3.5	2.5					13	3.19	94	2.36		
11	1811110910	Đinh Thúy	Hằng	02/05/2000	3.5						3.5	3.5			3.5			4.0	4.0	3.5					15	3.67	97	2.68		
12	1811110848	Phạm Thị Minh	Hậu	28/04/2000	3.5						3.0	3.5						3.0	4.0	3.5		3.5			16	3.47	97	2.30		
13	1811110761	Đinh Thị	Hiền	01/07/2000	4.0						3.0	3.0					2.0	3.5	4.0	3.0					15	3.27	94	2.30		
14	1811110434	Doãn Trung	Hiếu	05/10/2000	3.0		0.0				3.0	3.0						2.5	3.5	2.5			3.0		17	2.62	94	2.19		
15	1811110640	Lê Văn	Hiếu	19/06/2000	3.0						3.5	3.5						4.0	4.0	3.0					13	3.54	97	2.57		
16	1811110509	Đinh Thị Thu	Hoài	17/12/2000	3.0						3.0	3.5						3.0	3.0	3.5					13	3.15	97	2.37		
17	1811110804	Nguyễn Thị Thu	Hoài	27/11/2000	4.0						3.0	4.0						3.0	4.0	4.0					13	3.69	97	2.70		
18	1811110852	Tăng Hữu	Hùng	15/05/2000	3.0						4.0	4.0						4.0	4.0	3.5					13	3.77	97	3.11		
19	1811110737	Lê Đức	Huy	25/06/2000	3.5			3.5			3.0	3.0						3.5	4.0	2.5		3.0			18	3.28	97	2.57		
20	1811110578	Hà Thu	Huyền	07/10/2000	3.0						3.0	3.0						4.0	3.5	3.0					13	3.27	97	2.78		
21	1711111445	Trịnh Lan	Hương	11/05/1999	2.0	0.0			0.0		1.0	0.0						0.0	3.0	0.0					18	0.83	46	2.05	Cảnh báo học tập mức 1	Cảnh báo học tập mức 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Giao đất	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Cơ sở dữ liệu đất đai	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản lý nhà nước về đất đai	Quản lý tài nguyên môi trường	Hóa học đại cương	Bản đồ học	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Khoa học đất	Trắc địa cơ sở	Xác suất thống kê	Sử dụng đất và kinh tế đất	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	3	3	2	2						
22	1811110588	Trần Ngọc	Lệ	29/12/2000	3.5						3.0	4.0						4.0	4.0	3.0	4.0				16	3.69	97	2.45		
23	1811110393	Bùi Chí	Linh	06/04/1997	2.5						3.0	3.0			2.0			3.0	3.0	2.0	3.0	2.5	3.5		23	2.76	97	2.38		
24	1811110873	Nguyễn Thị Hương	Linh	19/08/2000	3.5						4.0	4.0						4.0	4.0	3.5					13	3.85	97	3.36		
25	1811110735	Bùi Việt	Long	24/07/2000	3.0		3.0				3.0	3.0						4.0	4.0	3.0					15	3.33	95	2.19		
26	1811110411	Đoàn Ngọc	Long	23/04/2000	2.5						3.0	3.0						4.0	3.5	3.0					13	3.19	94	2.60		
27	1811110719	Nguyễn Thảo	Ly	17/11/2000	3.5		2.5				4.0	4.0						4.0	3.5	4.0	2.0				18	3.36	97	2.45		
28	1811110520	Nguyễn Thế	Mạnh	02/11/2000	3.0						3.5	3.5						3.5	3.0	3.5					13	3.31	97	3.01		
29	1811110712	Lê Thị	Minh	04/12/2000	4.0						3.5	4.0			3.0			4.0	4.0	2.5	3.0				18	3.50	97	2.57		
30	1811110770	Trần Văn	Mười	09/04/2000	4.0						3.0	3.5						3.5	4.0	3.0					13	3.54	97	2.59		
31	1811110831	Nguyễn Thị Thảo	My	30/10/2000	3.0						3.0	3.5						3.5	3.5	2.5	0.0				16	2.59	97	2.37		
32	1811110422	Trương Thành	Nam	17/10/2000	3.0						3.0	3.5						4.0	4.0	2.5					13	3.38	97	2.66		
33	1811110786	Bùi Tuyết	Ngân	15/06/2000	3.5						3.5	4.0						4.0	4.0	3.0					13	3.69	97	2.93		
34	1811110753	Trần Thị Hồng	Nhung	08/10/2000	4.0						4.0	3.0						3.5	4.0	2.0					13	3.46	97	2.72		
35	1811110567	Tô Lan	Phương	25/12/2000	3.5						3.0	3.0						3.0	4.0	2.5	4.0				16	3.38	97	2.46		
36	1811110691	Đào Minh	Phượng	03/12/2000	4.0						3.5	4.0						4.0	4.0	3.0					13	3.77	97	3.21		
37	1811111943	Nguyễn Cao Thái	Sơn	06/08/2000	2.5						3.0	3.0						3.0	3.5	2.0			3.0		15	2.90	94	2.18		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Giao đất	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Cơ sở dữ liệu đất đai	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Quản lý nhà nước về đất đai	Quản lý tài nguyên môi trường	Hóa học đại cương	Bản đồ học	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Khoa học đất	Trắc địa cơ sở	Xác suất thống kê	Sử dụng đất và kinh tế đất	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	3	3	2	2						
38	1811111938	Nguyễn Anh	Tâm	04/09/2000	3.0						3.0	3.0						3.0	3.5	3.0					13	3.12	97	2.27		
39	1811110625	Phạm Hồng	Thái	05/08/2000	3.0			4.0			2.5	3.0						3.0	3.0	2.0					15	2.93	95	2.05		
40	1711110770	Đoàn Phương	Thảo	28/07/1999	4.0						3.0	4.0							4.0	2.5		4.0	2.5	3.5	18	3.50	75	2.65		
41	1811110599	Nguyễn Thị Hương	Thảo	15/06/2000	3.0						3.5	3.0						3.5	4.0	3.0					13	3.38	97	2.63		
42	1811110778	Nguyễn Lương	Thủy	14/10/2000	3.0						3.5	3.0	3.0					3.0	4.0	3.0					16	3.25	97	2.55		
43	1811110870	Lâm Thu	Trang	23/06/2000	3.5						3.5	4.0						3.0	4.0	3.0					13	3.54	97	2.59		
44	1811110436	Nguyễn Đức	Trọng	06/08/2000	3.5						3.5	3.0						3.5	4.0	2.0					13	3.31	97	2.45		
45	1811110380	Bùi Thanh	Tùng	07/05/2000	3.0			3.0			3.5	3.0						3.5	3.5	2.0					15	3.10	97	2.32		
46	1811110855	Lã Duy	Tùng	15/11/2000	3.5			4.0			3.0	3.0						3.5	4.0	2.0					15	3.33	97	2.44		
47	1811111936	Đỗ Thị	Uyên	03/03/2000	3.0						3.0	4.0						4.0	4.0	3.5					13	3.62	97	2.83		
48	1811110483	Trịnh Quốc	Việt	12/12/2000	3.5						4.0	3.5						4.0	4.0	4.0					13	3.85	97	3.15		

Tổng hợp: Tổng số SV:48 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QĐ3 **Ngành: Quản lý đất đai** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Pháp luật đại cương	Hóa học đại cương	Tiếng Anh 3	Quản lý tài nguyên môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Trắc địa cơ sở	Thống kê đất đai	Xác suất thống kê	Hệ thống thông tin địa lý	Sử dụng đất và kinh tế đất	Đánh giá đất	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3						
1	1811111942	Bạc Cầm Quốc	An	10/10/2000	3.0				3.0	2.0							3.0	3.5	2.5	2.0							16	2.72	87	1.85		
2	1811111955	Bùi Phương	Anh	02/05/1998	3.5				3.0	3.0							3.5	4.0	3.5								13	3.46	97	3.16		
3	1811111439	Hoàng Thị Hồng	Anh	15/08/2000	4.0				4.0	3.5							3.5	4.0	4.0								13	3.85	97	3.30		
4	1811111335	Trần Tiến	Anh	02/12/2000	4.0				3.5	3.5							3.5	4.0	3.0								13	3.62	97	2.65		
5	1811111138	Nguyễn Ngọc	Ánh	10/04/2000	3.5		4.0		3.0	2.5		3.0					3.0	3.0	3.0			3.0	2.5				21	3.05	87	2.32		
6	1811111191	Đặng Ngọc	Bình	01/11/2000	3.5				3.0	3.0							3.0	3.5	3.0								13	3.19	97	2.42		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Pháp luật đại cương	Hóa học đại cương	Tiếng Anh 3	Quản lý tài nguyên môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Trắc địa cơ sở	Thống kê đất đai	Xác suất thống kê	Hệ thống thông tin địa lý	Sử dụng đất và kinh tế đất	Đánh giá đất	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3						
7	1811111088	Nguyễn Văn	Chung	19/04/2000	3.5	3.5		3.0	2.5	3.0						2.0	3.0	3.0	3.0								20	2.90	80	2.26		
8	1811110953	Nguyễn Trọng	Dũng	19/12/2000	3.0	2.5			3.0	3.5							3.0	3.0	3.0			3.0			2.5		19	2.95	80	2.10	Cảnh báo học tập mức 1	
9	1811111358	Chu Thế	Đại	10/09/1998	2.5				2.0	3.0							3.0	3.0	2.0	2.5							16	2.59	81	2.23		
10	1811111200	Ngô Thành	Đạt	15/07/1999	3.0				2.5	3.0							3.0	3.5	2.0								13	2.88	87	2.32		
11	1811111099	Vũ Đình	Đạt	26/11/2000	3.0				3.5	3.0							3.5	4.0	3.5								13	3.46	97	2.92		
12	1811111276	Bùi Thị Minh	Hằng	01/12/2000	3.5				3.0	3.5							3.5	4.0	3.0								13	3.46	97	2.96		
13	1811111049	Quản Thu	Hiền	26/06/2000	4.0				4.0	3.5	3.0						3.5	4.0	3.5								15	3.67	97	2.90		
14	1811111933	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	02/04/1999	3.0				3.5	3.0							3.0	4.0	2.0								13	3.15	97	2.66		
15	1811111437	Nguyễn Chí Thị Thu	Hoài	10/01/2000	3.5				3.0	3.0							3.0	3.5	3.0								13	3.19	92	2.38		
16	1811111334	Nguyễn Việt	Hoàng	19/10/2000	3.5				3.5	3.0							3.0	3.5	3.0								13	3.27	97	2.55		
17	1811111256	Nguyễn Quang	Huân	20/10/2000	3.5				3.5	2.5							3.0	4.0	2.0								13	3.15	94	2.65		
18	1811111285	Đỗ Hoàng	Huy	22/07/2000	3.0				3.0	3.0							3.0	3.5	2.0								13	2.96	92	2.29		
19	1811110934	Phạm Hoàng Quang	Huy	23/11/2000	2.5				3.0	3.0							3.0	3.5	2.5								13	2.96	93	2.38		
20	1811111228	Tô Vũ Khánh	Huy	20/09/2000	3.0				3.0	3.0							3.0	3.0	2.0								13	2.85	93	1.94		
21	1811111039	Đào Mai	Hương	16/08/2000	3.0				3.0	3.0							3.0	3.5	3.5								13	3.19	95	2.46		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Pháp luật đại cương	Hóa học đại cương	Tiếng Anh 3	Quản lý tài nguyên môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Trắc địa cơ sở	Thống kê đất đai	Xác suất thống kê	Hệ thống thông tin địa lý	Sử dụng đất và kinh tế đất	Đánh giá đất	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3						
22	1811110913	Vi Văn	Khải	01/07/2000	3.5				2.5	4.0							3.0	3.5	3.0								13	3.27	92	2.64		
23	1811111206	Hà An	Khánh	11/11/2000	3.5				3.0	4.0							3.5	3.5	3.0								13	3.42	97	2.65		
24	1811110935	Trần Quốc	Khiêm	11/10/2000	2.5		3.5		2.0	3.5							3.0	3.5	2.5							2.5	18	2.89	79	2.29	Cảnh báo học tập mức 1	
25	1811111061	Hứa Khánh	Linh	30/11/2000	4.0				3.5	4.0							3.0	4.0	3.0								13	3.62	97	3.28		
26	1811110995	Lê Đặng Tuấn	Linh	06/08/2000	3.0	2.5			3.0	3.0			3.5				3.5	3.5	2.5								17	3.09	79	2.23		
27	1811111417	Ngụy Quang	Linh	10/01/2000	3.0	2.0			3.5	2.0							3.0	3.5	2.5		3.5	3.0					19	2.92	83	2.05		
28	1811111905	Lò Bảo	Long	01/01/2000	3.0	2.5			4.0	3.0							3.0	3.5	2.5								15	3.10	85	2.13		
29	1811111143	Nguyễn Thành	Long	11/12/2000	3.0				3.0	3.0			3.5				3.0	3.0	2.0								15	2.93	79	2.22		
30	1811110985	Phạm Đức	Long	23/04/2000	3.0	3.0			3.5	3.0							3.0	4.0	3.5								15	3.33	97	2.26		
31	1811111935	Phạm Hải	Long	08/10/2000	3.0				3.0	3.5							3.0	3.5	3.0								13	3.19	97	2.54		
32	1811111934	Trần Việt	Long	08/10/2000	2.0				2.5	3.0							3.0	3.5	2.0								13	2.73	77	1.91		
33	1811111384	Nguyễn Thái	Minh	23/11/2000	3.0				2.5	3.0							3.0	3.0	4.0								13	3.08	92	2.32		
34	1811111262	Nông Ngọc	Minh	30/08/2000	3.0				3.5	3.5							3.0	3.5	3.0								13	3.27	97	2.23		
35	1811110956	Nguyễn Cẩm	Ngọc	13/05/1999	3.0				3.0	3.5					4.0		3.0	4.0	3.0								15	3.40	91	2.53		
36	1811110986	Lê Thị	Nhẫn	29/11/1999	4.0				3.5	4.0							3.5	4.0	3.5								13	3.77	97	3.10		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Pháp luật đại cương	Hóa học đại cương	Tiếng Anh 3	Quản lý tài nguyên môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Trắc địa cơ sở	Thống kê đất đai	Xác suất thống kê	Hệ thống thông tin địa lý	Sử dụng đất và kinh tế đất	Đánh giá đất	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3						
37	1811111952	Dương Nguyễn Hải	Ninh	25/01/2000	3.5				3.5	3.5							3.0	4.0	3.0								13	3.46	97	2.96		
38	1811110950	Phạm Thị Thu	Phương	11/04/2000	2.5				3.0	3.0							3.5	4.0	3.0								13	3.23	97	2.96		
39	1811060425	Đoàn Thị Ngọc	Phượng	09/10/2000	3.0				3.0	3.5		4.0		3.0			3.0	4.0	3.0	3.0							20	3.30	92	2.72		
40	1811111258	Đinh Anh	Quân	05/03/2000	0.0				0.0	2.0		0.0					3.0	0.0	0.0			0.0		0.0			19	0.53	69	1.96		Cảnh báo học tập mức 1
41	1811111345	Phạm Văn	Sáng	01/01/2000	3.0				2.5	2.0							3.0	3.0	2.0								13	2.62	90	2.33		
42	1811111075	Vũ Thị	Sinh	18/05/1999	3.0				3.0	2.5							3.0	3.0	2.0								13	2.77	97	2.48		
43	1811111003	Nguyễn Ngọc	Sơn	19/10/2000	3.0				3.0	3.5							3.0	3.5	3.0								13	3.19	95	2.98		
44	1811111932	Hồ Trọng	Tài	01/09/2000	3.0				2.5	3.0							3.0	3.5	3.0	3.0							16	3.03	97	2.48		
45	1811111291	Phạm Hồng	Thuý	16/10/2000	4.0				3.0	3.5							3.0	4.0	3.5								13	3.54	97	3.14		
46	1811111020	Lê Thị Huyền	Trang	17/11/1997	3.0				3.0	3.0							3.0	3.5	3.0								13	3.12	97	2.66		
47	1811111154	Lê Anh	Văn	10/04/2000	2.0				2.5	3.0							3.0	2.0	2.5								13	2.46	94	2.23		
48	1811111201	Nguyễn Hải	Yến	03/01/2000	3.0				3.0	3.0							3.0	3.0	2.0								13	2.85	97	2.19		

Tổng hợp: Tổng số SV:48 Số SV bị cảnh báo mức 1:1 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QĐ4 **Ngành: Quản lý đất đai** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Giao đất	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Toán cao cấp 1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Quản lý tài nguyên môi trường	Hóa học đại cương	Tiếng anh 1	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trắc địa cơ sở	Khoa học đất	Tiếng anh 2	Hệ thống thông tin địa lý	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2	2	3	2	2	3	3	3	3	2	2						
1	1811111444	Bùi Tiến	Anh	01/09/2000	2.5					3.0	3.0							3.0	2.0	4.0	2.5					16	2.91	93	2.38		
2	1811111530	Đinh Vân	Anh	29/12/2000	4.0					4.0	3.0							3.5	4.0	4.0	4.0					16	3.81	97	2.79		
3	1811111930	Phạm Thị Minh	Anh	18/08/2000	3.0			3.0		3.0	3.5							3.0	3.5	4.0	2.0					18	3.11	76	2.49		
4	1811111949	Bùi Doanh	Chính	28/03/2000	4.0					3.0	4.0							3.5	3.0	4.0	4.0					16	3.69	97	2.80		
5	1811091891	Nguyễn Đỗ	Chính	07/08/2000	4.0					3.5	3.0			3.0	3.5			3.0	3.0	4.0	4.0					20	3.50	92	2.92		
6	1811111794	Hoàng	Duy	13/09/2000	4.0			3.0		4.0	3.5							4.0	3.5	4.0	4.0					18	3.78	97	3.01		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Giao đất	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Toán cao cấp 1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Quản lý tài nguyên môi trường	Hóa học đại cương	Tiếng anh 1	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trắc địa cơ sở	Khoa học đất	Tiếng anh 2	Hệ thống thông tin địa lý	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2	2	3	2	2	3	3	3	3	2	2						
7	1811111697	Nguyễn Thị Thùy	Dương	06/08/2000	4.0					4.0	4.0							4.0	4.0	4.0						13	4.00	97	3.39		
8	1811111926	Đặng Quốc	Đại	17/10/1999	3.0					3.0	3.5							3.0	3.0	3.0	4.0					16	3.25	97	2.76		
9	1811071965	Nguyễn Thành	Đạt	16/08/2000	3.0					3.0	2.5		3.0	3.5	3.5			3.0	2.5	3.0			2.5			23	2.93	90	2.35		
10	1811111923	Trần Minh	Đức	14/09/2000	3.0	3.0				3.0	2.5							3.0	2.5	3.0						15	2.87	84	2.15		
11	1811111521	Bùi Trường	Hải	11/12/2000	3.5					3.0	2.5							3.0	3.0	3.5	3.0					16	3.09	97	2.57		
12	1811111815	Trần Thị	Hiền	01/03/1999	3.0					3.0	3.0							3.0	3.5	3.5	4.0					16	3.34	83	2.58		
13	1811111953	Dương Minh	Hiếu	10/11/2000	3.0					3.0	3.5							3.0	3.0	3.5	4.0					16	3.34	97	2.55		
14	1811111924	Nguyễn Đăng	Hiếu	10/10/2000	4.0					3.5	4.0	4.0						3.5	3.5	3.5						16	3.72	97	2.87		
15	1811112026	Trần Trung	Hiếu	26/11/2000	3.0	3.0				3.5	2.5		3.0					3.0	3.0	3.0						18	3.00	97	2.42		
16	1811111810	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	10/09/2000	3.0					3.0	3.5							3.0	2.0	4.0	4.0					16	3.31	81	2.41		
17	1811111792	Lò Văn	Hoàng	09/11/2000	3.0					3.0	3.0							3.5	3.0	3.0						13	3.08	97	2.59		
18	1811111937	Phạm Lê Minh	Hoàng	17/09/1999	3.0			4.0		3.5	3.0							3.0	3.0	3.5			3.0	2.5		20	3.18	72	2.49		
19	1811111526	Trần Văn	Hợp	15/12/1998	3.0					3.0	3.0							3.0	2.5	3.5						13	3.04	97	2.48		
20	1811111704	Nguyễn Đức	Huy	19/04/2000	3.0					3.0	3.0							3.0	3.0	3.5						13	3.12	95	2.27		
21	1811111498	Nguyễn Ngọc	Hưng	26/12/2000	3.0					3.0	3.0	4.0			2.5			3.0	2.5	3.0	3.0				3.0	23	3.04	97	2.36		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Giao đất	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Toán cao cấp 1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Quản lý tài nguyên môi trường	Hóa học đại cương	Tiếng anh 1	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trắc địa cơ sở	Khoa học đất	Tiếng anh 2	Hệ thống thông tin địa lý	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2	2	3	2	2	3	3	3	3	2	2						
22	1811111786	Hà Minh	Khánh	02/12/1997	3.0					3.0	2.5					2.0		3.0	2.0	3.0			3.0			18	2.72	93	2.24		
23	1811111911	Nguyễn Trung	Kiên	16/09/2000	3.0			4.0		3.0	3.0							3.0	2.5	3.5	2.0					18	2.97	83	2.27		
24	1811111917	Nguyễn Thị	Lan	21/01/2000	3.5					3.5	3.0							3.5	3.0	4.0						13	3.46	97	3.02		
25	1811111920	Nguyễn Thị Linh	Linh	09/09/2000	3.0					3.0	3.0							3.0	3.5	4.0	3.0					16	3.25	97	2.34		
26	1811111455	Ngô Phi	Long	14/11/2000	3.5					3.0	3.5							3.0	3.0	3.5						13	3.27	97	2.73		
27	1811111907	Thịnh Phan	Long	02/10/2000	2.5					3.0	2.0							3.0	3.0	2.5						13	2.65	77	2.07		
28	1811111915	Nguyễn Văn	Lộc	25/06/1999	3.5					3.0	3.0							3.0	3.5	3.5						13	3.27	94	2.29		
29	1811070651	Kiều Đức	Mạnh	18/10/2000	3.0					3.0	2.0						2.5	3.0	3.0	3.0			2.5		3.5	21	2.81	72	2.21		
30	1811111927	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	28/09/2000	4.0					3.0	3.0							3.0	3.5	4.0	2.5					16	3.28	97	2.67		
31	1811111847	Nguyễn Thị	Mừng	19/05/2000	4.0					3.5	3.5							3.5	4.0	4.0						13	3.77	97	3.14		
32	1811111913	Đinh Thúy	Nga	28/06/2000	4.0					3.0	3.0							3.0	3.5	3.5	2.0					16	3.09	97	2.62		
33	1811111743	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	10/05/2000	3.5					3.0	3.5						2.5	3.0	3.5	4.0	2.0					19	3.08	97	2.44		
34	1811111585	Cổ Tấn	Phát	02/02/2000	3.0					3.0	3.5							3.5	3.0	4.0						13	3.38	97	2.89		
35	1811111921	Ngô Thị Minh	Phương	18/02/2000	3.5					3.0	3.5							3.5	4.0	4.0						13	3.62	97	2.98		
36	1711110206	Nguyễn Hoàng	Sơn	03/07/1999	3.0				4.0	4.0	3.0					4.0		3.0	4.0	3.5	4.0				4.0	22	3.66	87	3.27		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tài chính đất đai	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Giao đất	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Định giá đất	Quy hoạch đô thị	Toán cao cấp 1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Quản lý tài nguyên môi trường	Hóa học đại cương	Tiếng anh 1	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trắc địa cơ sở	Khoa học đất	Tiếng anh 2	Hệ thống thông tin địa lý	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	2	2	3	2	2	3	3	3	3	2	2						
37	1811111514	Tăng Hữu	Sơn	22/09/2000	3.0	3.0		0.0		3.0	3.0					3.0		3.0	3.0	3.0	2.5			2.5		24	2.65	92	2.12		
38	1811111944	Hoàng Quang	Thắng	02/08/2000	0.0					0.0								0.0	0.0	0.0	2.5					14	0.54	82	2.10		Cảnh báo học tập mức 1
39	1811111802	Vũ Công	Thắng	02/11/1999	3.0	3.0				3.0	3.0	4.0						3.0	3.5	3.0	2.5		3.0			24	3.10	97	2.59		
40	1811111928	Lê Trung	Toàn	24/08/2000	3.5			3.0		3.0	3.0							3.0	3.0	3.5	3.0					18	3.14	97	2.81		
41	1811070817	Nguyễn Thu	Trà	24/10/2000	3.0		2.0			3.0	2.5							3.0	3.0	2.5		3.0				18	2.75	92	2.64		
42	1811150492	Lê Thị Hà	Trang	29/03/2000	3.0			3.5		3.0	3.0							3.0	3.0	3.5	2.0					18	2.97	92	2.18		
43	1811111916	Trần Bảo	Trung	17/12/2000	3.0	3.0				2.5	2.5							3.0	3.0	3.0						15	2.87	97	2.25		
44	1811111524	Phan Thị Tố	Uyên	19/03/2000	3.0					3.0	3.0						2.5	3.5	3.0	4.0			2.5			19	3.05	97	2.53		
45	1811111669	Đỗ Thị Hải	Yến	27/04/2000	4.0					3.5	3.5							3.0	3.0	4.0						13	3.54	97	2.90		

Tổng hợp: Tổng số SV:45 Số SV bị cảnh báo mức 1:1 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8M1 **Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	An toàn vệ sinh lao động	Hình họa - vẽ kỹ thuật	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	Hóa kỹ thuật môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Hóa học đại cương	Tin học ứng dụng trong môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2	3	2	2	2	2	3						
1	1811070747	Hoàng Việt	An	10/04/2000	3.0				3.0	4.0			4.0	4.0		4.0			4.0	4.0		19	3.74	108	2.89		
2	1811071100	Phạm Thanh	Bách	18/02/2000	3.5				2.5	3.5				4.0		4.0			3.0	3.5		17	3.50	106	2.67		
3	1811071011	Nguyễn Phạm Minh	Châu	29/08/2000	3.0				3.0	3.5				4.0		4.0			3.0	3.0		17	3.41	106	2.65		
4	1811071096	Nguyễn Thảo Minh	Châu	14/11/2000	3.0	4.0			4.0	4.0				4.0		4.0			4.0	3.5		19	3.79	108	3.14		
5	1811071220	Nguyễn Kim	Chi	06/10/2000	4.0				4.0	3.5				4.0		4.0			4.0	4.0		17	3.94	108	3.26		
6	1811070864	Nguyễn Thị Linh	Chi	15/10/2000	4.0				3.5	2.5				3.5		3.0			3.5	3.0		17	3.32	105	2.71		
7	1811071057	Dương Công	Chính	08/05/2000	3.0				2.5	3.0				4.0		2.5			1.5	2.0		17	2.74	84	2.10		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	An toàn vệ sinh lao động	Hình họa - vẽ kỹ thuật	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	Hóa kỹ thuật môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Hóa học đại cương	Tin học ứng dụng trong môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2	3	2	2	2	2	3						
8	1811070347	Nguyễn Xuân	Dũng	11/08/2000	3.0				3.5	4.0				3.0		4.0			3.0	3.5		17	3.41	108	2.37		
9	1811070170	Nguyễn Thành	Duy	17/11/2000	3.0				3.0	3.0				4.0		4.0			3.0	3.5		17	3.41	108	2.66		
10	1811071984	Đỗ Văn	Điệp	10/11/2000	4.0				4.0	4.0				4.0		4.0			3.5	3.0		17	3.82	108	3.23		
11	1811070524	Hoàng Lê	Giang	29/09/2000	4.0				3.5	4.0				4.0		4.0			4.0	4.0		17	3.94	108	3.38		
12	1811070983	Nguyễn Như	Hằng	20/09/2000	4.0				4.0	4.0				4.0		4.0			4.0	4.0		17	4.00	108	3.34		
13	1811070593	Vũ Lê Nguyệt	Hằng	13/04/2000	4.0				4.0	4.0				4.0		4.0			4.0	4.0		17	4.00	108	3.22		
14	1811070275	Trần Công	Huynh	13/10/2000	3.0				3.5	2.5				3.5		3.5			2.5	4.0		17	3.24	108	2.54		
15	1811070372	Nguyễn Đức	Hưng	22/10/1999	3.0	3.5			3.0	3.5		2.0		3.0		2.0			3.0	3.0		21	2.86	98	2.30		
16	1811071002	Trần Quang	Hưng	15/10/2000	3.0	3.0			3.0	3.5	3.0			4.0	3.0	3.0			2.5	3.5		24	3.17	108	2.22		
17	1811070749	Phạm Đức	Khang	25/10/2000	2.0				2.5	1.5				3.0		3.0			2.0	2.5		17	2.41	67	1.93		
18	1811070962	Ngô Thế Hoàng	Kiên	07/08/1996	3.0				4.0	3.0				3.5		2.5			3.5	4.0		17	3.29	108	2.65		
19	1811101453	Phạm Trung	Kiên	10/05/2000	2.5				3.0	3.5				3.5		4.0		2.0	3.0	3.0	2.5	22	3.02	102	2.48		
20	1811070616	Lê Diệu	Linh	22/08/2000	3.0		0.0	3.0	2.5	3.0				3.5	3.0	1.5			2.0	2.5		23	2.43	106	1.86		
21	1811070623	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	28/05/2000	4.0				3.0	3.0				4.0		4.0			3.5	3.5		17	3.65	108	2.97		
22	1811070959	Nguyễn Bá	Long	01/10/2000	3.5				4.0	4.0				4.0		3.5			3.5	3.5		17	3.71	108	3.01		
23	1811071975	Nguyễn Thị Châu	Long	01/10/2000	4.0				4.0	3.5				4.0		3.5			4.0	3.0		17	3.74	108	3.15		
24	1811070713	Tăng Đình	Long	23/02/2000	3.0				3.5	3.0				2.5		2.0			3.5	2.0		17	2.74	101	2.14		
25	1811070141	Phí Thị Quỳnh	Nga	15/05/2000	4.0				3.5	3.5				2.5		4.0			4.0	3.5		17	3.56	108	3.00		
26	1811070981	Vũ Công	Nguyên	12/05/1998	3.0				3.0	3.0				3.5		3.0			3.5	3.0		17	3.15	103	2.31		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	An toàn vệ sinh lao động	Hình họa - vẽ kỹ thuật	Toán cao cấp 2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	Hóa kỹ thuật môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Hóa học đại cương	Tin học ứng dụng trong môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2	3	2	2	2	2	3						
27	1811070052	Trần Phương	Thảo	25/06/2000	3.0				4.0	4.0	3.0		4.0	3.5		3.0			3.0	3.0		22	3.34	103	2.42		
28	1811070456	Trần Thị Phương	Thảo	06/04/2000	3.5				4.0	4.0				4.0		4.0			3.5	4.0		17	3.85	108	3.33		
29	1811070216	Hà Tất	Thắng	31/07/1998	3.0				3.0	3.0	1.0			4.0		4.0			3.5	3.0		20	3.05	94	2.47		
30	1811070469	Hoàng Ngọc	Thế	11/10/2000	4.0				4.0	4.0				4.0		4.0			4.0	3.5		17	3.94	108	3.54		
31	1811070791	Phan Văn	Tín	22/07/2000	3.0				3.5	3.0				3.5		3.0			3.0	3.0		17	3.15	92	2.23		
32	1811071153	Nguyễn Thu	Trang	06/03/2000	3.5				4.0	3.5				3.0		3.5			4.0	3.5		17	3.53	108	2.88		
33	1811070607	Hoàng Đức	Trung	27/07/2000	3.5				4.0	3.5				3.0		4.0			3.5	3.5		17	3.56	108	2.82		
34	1811070595	Nguyễn Xuân	Tú	29/04/2000	4.0				3.0	3.5				3.0		3.5			3.0	3.0		17	3.32	108	2.66		
35	1811070880	Vũ Anh	Tú	03/12/2000	3.5				4.0	3.5				3.0		3.5			3.0	4.0		17	3.47	108	2.75		
36	1811070119	Bùi Phan Minh	Tuấn	10/10/1998	2.5				2.0	1.5			0.0	2.0		2.0			1.5	2.0		19	1.76	98	2.10		
37	1811070704	Đinh Khánh	Tùng	25/12/2000	3.0				3.0	3.0				3.0		2.0			2.0	2.5		17	2.65	97	2.07		
38	1811070564	Nguyễn Đình	Tường	16/11/2000	3.0	4.0			3.5	3.5			2.0	3.0		3.0			3.5	3.0		21	3.14	105	2.20		
39	1811070622	Đặng Đức	Ý	26/11/2000	3.0				3.0	3.0				3.0		4.0	3.5		3.0	3.0		19	3.21	108	2.61		

Tổng hợp: Tổng số SV:39 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8M2 **Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	An toàn vệ sinh lao động	Hình họa - vẽ kỹ thuật	Độc học môi trường	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Toán cao cấp 1	Tin học đại cương	Hóa kỹ thuật môi trường	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Tin học ứng dụng trong môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	Tiếng anh 1	Sinh thái học	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	3						
1	1811071833	Trần Ngọc	Anh	03/12/2000	3.0			3.0	3.5					4.0	4.0		4.0			2.0			17	3.41	103	2.42		
2	1811072035	Phạm Văn	Dũng	05/11/2000	3.0			3.0	3.5		3.0			3.5	4.0		2.0			3.0			19	3.18	108	2.32		
3	1811071636	Ngô Đăng	Dương	06/04/2000	3.0			3.5	3.5					4.0	4.0		3.0			3.0			17	3.47	103	2.42		
4	1811071803	Lê Minh	Đức	05/12/1999	1.0			3.5	3.0					3.5	1.0		2.0			1.5			17	2.15	85	1.97		
5	1811072047	Nguyễn Việt	Đức	02/11/2000	3.5			3.0	3.5					4.0	3.0		3.0			3.0			17	3.32	108	2.63		
6	1811071974	Ngô Ngọc	Giang	07/10/2000	2.0			2.5	2.0					3.0	1.0		2.5			2.5			17	2.18	93	2.23		
7	1811071966	Nguyễn Thu	Hà	23/11/2000	3.0			3.0	3.0					4.0	4.0		4.0			2.5			17	3.41	108	2.83		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	An toàn vệ sinh lao động	Hình họa - vẽ kỹ thuật	Độc học môi trường	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Toán cao cấp 1	Tin học đại cương	Hóa kỹ thuật môi trường	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Tin học ứng dụng trong môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	Tiếng anh 1	Sinh thái học	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	3						
8	1811071979	Ngô Thanh	Hằng	07/08/2000	3.5	2.5		4.0	4.0					4.0	4.0		3.5			3.5			19	3.66	105	3.04		
9	1811071679	Trần Duy	Hậu	06/05/1998	3.0			4.0	4.0					4.0	4.0		4.0			4.0			17	3.82	108	3.05		
10	1811071278	Nguyễn Đức	Hiếu	07/09/2000	3.0			4.0	3.5					3.5	4.0		4.0			3.0			17	3.56	108	2.67		
11	1811071981	Trần Minh	Hiếu	16/10/1999	2.0			3.5	3.0					3.0	3.0		2.0	3.0		2.5	2.0		22	2.68	90	2.16		
12	1811071967	Lê Kim	Hoàn	28/07/1995	1.5	1.0		4.0	3.5					3.0	2.0		4.0			2.5			19	2.61	106	2.11		
13	1811071977	Nguyễn Văn	Hoàn	19/09/2000	3.0			4.0	3.0				3.0	3.5	4.0		4.0	3.0		3.0			22	3.39	106	2.86		
14	1811071962	Phạm Quang	Huấn	16/06/2000	3.0			3.5	3.0					4.0	4.0	4.0	3.5			2.5			19	3.47	108	2.72		
15	1811071402	Hoàng Quốc	Huy	05/08/2000	2.5			3.5	3.0					4.0	4.0		4.0			2.5			17	3.38	105	2.61		
16	1811062059	Phạm Đức	Huy	10/09/1998	3.0	4.0		4.0	4.0					4.0	4.0	4.0	4.0			3.0			21	3.76	94	3.68		
17	1811071654	Trần Văn	Huy	02/08/2000	3.0		2.0	3.0	3.5					3.0	3.5		2.0			2.0			19	2.82	108	2.38		
18	1811071369	Vũ Thị Khánh	Huyền	26/01/2000	3.0			4.0	4.0					4.0	4.0		4.0			3.0			17	3.71	108	3.11		
19	1811071958	Nguyễn Công	Khang	10/01/2000	3.0			3.0	2.5					3.0	3.5		3.0			2.5			17	2.97	108	2.62		
20	1811071463	Lê Bảo	Linh	28/09/2000	2.0			3.0	3.0					3.0	3.0		3.0			3.0			17	2.82	98	2.35		
21	1811071970	Vũ Thảo	Linh	03/03/2000	3.0			4.0	3.5					4.0	4.0		4.0			3.5			17	3.71	108	2.85		
22	1811071412	Trịnh Thăng	Long	13/05/2000	2.0	3.0		3.0	3.0					3.0	4.0		4.0			3.0			19	3.11	104	2.37		
23	1811071982	Phạm Văn	Lộc	06/10/2000	3.5			4.0	3.0					4.0	3.0	4.0	3.5			3.0			19	3.50	108	2.58		
24	1811071490	Vũ Đức	Mạnh	02/12/1999	0.0			0.0	0.0					1.5	0.0		0.0			0.0			17	0.26	52	1.91	Cảnh báo học tập mức 1	Cảnh báo học tập mức 2
25	1811071969	Vũ Đức	Mạnh	26/10/2000	3.5			3.0	3.0					4.0	3.5		4.0			3.0			17	3.47	108	2.82		
26	1811110820	Đoàn Tuấn	Minh	08/12/2000	3.0	3.0		4.0	3.5					4.0	4.0	4.0	4.0			4.0			21	3.71	103	2.99		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	An toàn vệ sinh lao động	Hình họa - vẽ kỹ thuật	Độc học môi trường	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Toán cao cấp 1	Tin học đại cương	Hóa kỹ thuật môi trường	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Tin học ứng dụng trong môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	Tiếng anh 1	Sinh thái học	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	2	3	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	3						
27	1811071973	Đậu Văn	Quang	28/09/2000	3.0			4.0	3.0					4.0	4.0		3.5			3.5			17	3.59	108	2.54		
28	1811071362	Phạm Việt	Quang	06/06/2000	3.0			4.0	3.0					4.0	4.0		3.5			3.0			17	3.53	105	2.21		
29	1811071284	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	12/05/2000	3.5			4.0	3.5					4.0	3.5		4.0			3.0			17	3.65	108	2.96		
30	1811071617	Bùi Thị	Sim	30/04/2000	2.5			4.0	3.0					3.0	2.0		4.0			4.0			17	3.09	108	2.42		
31	1811071980	Nguyễn Thanh	Sơn	22/02/2000	3.5			3.0	3.0					4.0	3.0		3.0			3.0			17	3.26	108	2.52		
32	1811071244	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/10/2000	3.0			4.0	4.0					4.0	4.0		4.0			3.5			17	3.76	108	3.05		
33	1811071450	Nguyễn Hà Thanh	Thúy	10/10/2000	3.5			4.0	3.5					4.0	4.0		4.0			4.0			17	3.85	108	3.28		
34	1811071520	Nguyễn Đức	Thụy	14/12/2000	1.5			3.5	3.0					2.0	0.0		2.5			2.0			17	1.91	71	2.11		
35	1811071578	Đoàn Văn	Toàn	12/08/2000	2.5			4.0	3.0					4.0	4.0		4.0			3.0			17	3.50	108	2.64		
36	1811071236	Phạm Kiều	Trang	15/02/2000	4.0			4.0	4.0					4.0	4.0		4.0			4.0			17	4.00	108	3.45		
37	1811071978	Phạm Minh	Trí	09/05/2000	2.5			3.5	3.5					3.5	4.0		3.0			3.0			17	3.29	108	2.43		
38	1811071976	Lê Anh	Tuấn	13/03/2000	2.5			4.0	3.0	3.0		3.0		3.0	2.5		3.5		3.0	1.5	3.0	1.5	29	2.74	89	2.13		
39	1811071395	Nguyễn Xuân	Việt	26/09/2000	3.5			2.5	3.0					3.5	4.0		3.5			3.0			17	3.35	108	2.31		

Tổng hợp: Tổng số SV:39 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QM1 **Ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Đánh giá tác động môi trường	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Toán cao cấp 1	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Hóa học đại cương	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thông tin môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Quy hoạch môi trường	Quản lý môi trường	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Quản lý các vùng sinh thái đặc thù	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	4	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	3	3	2	3	2						
1	1811100281	Lê Quang	An	10/04/1999				3.5	3.0	3.5	3.5		3.0	3.0						3.0			4.0	3.5						22	3.39	102	2.55		
2	1811100540	Nguyễn Hồng	Ánh	18/06/2000					0.0	0.0			0.0							0.0			1.5							13	0.35	52	2.17	Cảnh báo học tập mức 1	Cảnh báo học tập mức 2
3	1811100318	Nguyễn Phúc Linh	Chi	19/02/2000					3.5	3.0			3.5		3.0					3.5			4.0							15	3.40	102	2.45		
4	1811102037	Hoàng Văn	Đoàn	06/12/1997					4.0	3.5			4.0							4.0		3.0	4.0					2.5		19	3.50	100	3.07		
5	1811100526	Phạm Văn	Hà	30/09/2000					3.5	3.0			3.5							3.5			3.5							13	3.35	102	2.65		
6	1811100518	Trần Thị Thu	Hà	13/11/2000					3.5	3.0			3.5			2.0				4.0			4.0							15	3.33	102	2.77		
7	1811100278	Trương Minh	Hải	07/10/2000					3.5	3.0			3.5			2.5				3.0			4.0							15	3.27	100	2.38		
8	1811100471	Nguyễn Thị	Hạnh	16/03/2000					3.5	3.5			4.0	3.5						4.0			4.0				4.0			17	3.76	102	3.24		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Đánh giá tác động môi trường	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Toán cao cấp 1	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Hóa học đại cương	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thông tin môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Quy hoạch môi trường	Quản lý môi trường	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Quản lý các vùng sinh thái đặc thù	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	4	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	2	3	2			
9	1811100313	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/02/2000					4.0	4.0			4.0							4.0			4.0							13	4.00	102	3.30		
10	1811102024	Đàm Trung	Hiếu	17/09/2000	3.0				3.0	3.0			3.0	2.0			0.0	3.5		3.0			3.5				3.5	2.5		26	2.77	84	2.42		
11	1811100514	Đỗ Đức	Hiếu	01/02/2000					3.0	2.5		2.0	3.5			1.0				3.0			2.0							18	2.39	95	1.99		
12	1811100204	Đỗ Hoàng	Hiếu	24/10/2000					3.0	2.0			3.0			1.0				0.0			2.0	3.0			0.0			19	1.79	83	1.86		
13	1811100505	Tạ Quốc	Hiếu	02/03/2000					3.0	3.0			3.0							3.0			3.5							13	3.12	102	2.55		
14	1811100169	Mai Huy	Hoàng	19/01/2000	4.0				3.0	3.0			3.0							3.5			3.0		3.5			2.5	3.0	23	3.13	99	2.64		
15	1811102006	Nông Tiến	Hùng	08/02/2000			2.5		0.0	3.0			3.0							3.0			2.0		3.0			2.5		21	2.45	93	2.15		
16	1811100223	Đỗ Ngọc	Huyền	23/07/2000					3.5	3.0			3.5							4.0			3.5							13	3.42	102	2.57		
17	1811100346	Tô Thị Lê	Huyền	05/01/2000					3.0	3.5			3.5							4.0			3.0				4.0			15	3.47	102	2.61		
18	1811102016	Đoàn Thị Hoàng	Hương	25/08/2000					3.5	3.5			4.0							4.0			4.0							13	3.77	102	2.88		
19	1811100587	Nguyễn Phan	Khải	26/08/2000					4.0	3.0			3.5			2.0		4.0		4.0			3.0							17	3.29	99	2.45		
20	1811100025	Bàn Thị	Lan	03/04/2000					3.5	3.0			4.0							4.0			3.5							13	3.50	102	2.60		
21	1811100022	Đỗ Thị Thảo	Linh	08/01/2000					4.0	4.0			4.0			3.0				4.0			4.0							15	3.87	102	3.00		
22	1811100415	Lục Văn	Linh	12/09/2000	4.0				4.0	4.0			4.0							4.0			4.0							15	4.00	102	3.20		
23	1811100020	Nguyễn Ngọc	Linh	10/02/2000					3.0	3.0			3.0							3.5			4.0							13	3.31	102	2.60		
24	1811100111	Nguyễn Thùy	Linh	07/11/1999					3.5	3.0			3.0							3.5			2.5							13	3.04	102	2.45		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Đánh giá tác động môi trường	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Toán cao cấp 1	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Hóa học đại cương	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thông tin môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Quy hoạch môi trường	Quản lý môi trường	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Quản lý các vùng sinh thái đặc thù	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	4	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	3	3	2	3	2						
25	1811100276	Tống Khánh	Linh	07/01/2000					3.5	3.0			3.0						4.0			4.0							13	3.46	102	3.21		
26	1811102013	Bùi Thành	Long	22/09/2000					4.0	3.0			3.5	3.0		3.0		3.5	4.0			4.0							19	3.47	102	2.56		
27	1811100252	Đỗ Nhật	Long	22/11/2000					4.0	3.5			3.5						4.0			4.0							13	3.77	102	3.09		
28	1811100083	Phạm Đức	Long	18/04/2000					3.0	2.0			3.0						2.5			3.0							13	2.62	89	2.06		
29	1811100463	Vũ Văn	Long	21/03/2000					4.0	3.5			4.0						4.0			4.0			4.0				16	3.88	102	3.12		
30	1811100549	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	26/10/2000					2.0	2.5			3.0						3.0			3.0				4.0			15	2.87	102	2.72		
31	1811100447	Ngô Văn	Nam	23/12/2000					3.5	3.0	3.0		3.5						4.0	3.0		4.0							18	3.39	102	2.44		
32	1811102017	Nguyễn Duy	Nam	21/04/2000					3.0	3.0			3.0						4.0			3.0							13	3.15	102	2.64		
33	1811100462	Đặng Hồng	Ngọc	17/03/2000				3.5	3.0	2.5			3.0						4.0			3.0							15	3.07	102	2.65		
34	1811102023	Nguyễn Anh	Phương	12/10/1995					1.5	0.0			0.0						1.0			2.5							13	0.96	94	1.99		Cảnh báo học tập mức 1
35	1811100316	Nguyễn Thị	Phượng	19/07/2000					4.0	4.0			4.0						3.5			4.0							13	3.92	102	2.99		
36	1811100387	Phạm Hồng	Phượng	21/03/2000					3.5	3.0			3.5			3.0			4.0			3.5				3.5			17	3.38	99	2.41		
37	1811102011	Nguyễn Đức	Tân	02/09/2000					1.0	2.0			3.0						1.0			2.0							13	1.85	89	1.87		
38	1811100135	Vương Thanh	Thảo	19/07/2000					3.5	3.0			3.5				4.0		4.0			3.5							15	3.50	102	2.69		
39	1811100185	Nguyễn Xuân	Thu	04/12/2000					3.0	2.0			3.0						3.5			3.0							13	2.77	102	2.39		
40	1811100529	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	28/12/2000					3.5	3.5			4.0						4.0			3.5							13	3.65	102	3.21		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Đánh giá tác động môi trường	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Toán cao cấp 1	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Hóa học đại cương	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thông tin môi trường	Kỹ năng mềm	Tiếng anh 1	Quy hoạch môi trường	Quản lý môi trường	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Xác suất thống kê	Tiếng anh 2	Quản lý các vùng sinh thái đặc thù	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	2	4	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2	3	3	2	3	2						
41	1811100050	Nguyễn Thị	Thùy	31/07/2000					3.0	3.0			3.0							3.5			3.0				3.0			15	3.07	102	2.70		
42	1811100531	Lý Thu	Thủy	08/04/2000					4.0	3.0			4.0							3.5			4.0							13	3.62	102	3.27		
43	1811100217	Đỗ Anh	Thư	28/09/2000					3.0	2.5			3.0					4.0		4.0			3.0							15	3.13	102	2.23		
44	1811100371	Lê Huyền	Trang	23/05/2000					3.5	3.0			4.0							4.0			4.0							13	3.62	102	3.19		
45	1811100332	Nguyễn Ngọc	Trang	30/12/2000					3.0	3.0			3.5			2.0				3.0			3.0							15	2.93	102	2.60		
46	1811100575	Nguyễn Thị Thu	Trang	11/04/2000					3.5	3.0			3.5							4.0			3.5							13	3.42	102	2.79		
47	1811100585	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/04/2000					3.0	3.0			3.0							4.0			3.0				4.0			15	3.27	102	2.89		
48	1811100568	Nguyễn Hữu Việt	Trường	09/04/2000	3.5				2.0	3.0			3.0		4.0		3.0			3.0			3.0	2.0					3.0	23	2.96	102	2.39		
49	1811100543	Nguyễn Long	Trường	12/12/2000					4.0	3.5			3.5							3.5			4.0							13	3.69	102	2.60		
50	1811100421	Ngô Cẩm	Tú	12/06/2000					4.0	4.0			4.0							4.0			4.0							13	4.00	102	3.59		
51	1811100361	Quản Lê Minh	Vũ	28/10/2000		3.5			3.0	3.0			3.0							4.0			3.5							15	3.30	100	2.56		

Tổng hợp: Tổng số SV:51 Số SV bị cảnh báo mức 1:1 Số SV bị cảnh báo mức 2:1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QM2 **Ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Đánh giá tác động môi trường	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Toán cao cấp 1	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Hóa học đại cương	Thông tin môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Quy hoạch môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Quản lý môi trường	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Xác suất thống kê	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	4	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	3	2	3	2	3						
1	1811101226	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/02/2000				3.5	3.5		3.0		4.0				3.5			3.0						16	3.44	102	2.76		
2	1811100792	Phạm Thị Ngọc	Ánh	08/11/2000				3.5	3.0		3.5						3.0			3.5						13	3.27	102	2.82		
3	1811101249	Trần Ngọc	Ánh	04/09/2000				4.0	4.0		4.0						3.5			3.5	3.5					16	3.75	102	2.65		
4	1811102014	Bùi Thanh	Bình	16/12/1999				4.0	3.0		4.0	3.0	3.0			2.0	3.0	4.0		3.5				0.0		25	3.02	94	2.63		
5	1811100888	Nguyễn Thuỳ	Dung	10/01/2000				4.0	3.5		4.0						4.0			4.0					2.0	16	3.50	102	3.12		
6	1811101082	Đỗ Việt	Dũng	17/07/1999	3.0		4.0	4.0	2.5		3.0	0.0		1.5	3.0		2.0			3.0						23	2.61	83	2.27		
7	1811100589	Đỗ Bình	Dương	06/03/2000				3.0	2.0		3.0			2.0			1.5			2.0						15	2.20	97	2.03		
8	1811101993	Nguyễn Vũ	Đang	04/09/2000				0.0	0.0		3.0						0.0			0.0						13	0.46	87	2.52		Cảnh báo học tập mức 1
9	1811100620	Nguyễn Trọng	Đạt	03/10/2000				4.0	2.5		3.5						3.0	3.5	3.0	3.5						18	3.22	99	2.29		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Đánh giá tác động môi trường	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Toán cao cấp 1	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Hóa học đại cương	Thông tin môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Quy hoạch môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Quản lý môi trường	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Xác suất thống kê	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	4	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	3	2	3	2	3						
10	1811101130	Nguyễn Văn	Đạt	25/11/2000	3.0			3.5	3.0		3.5			3.0			2.0			3.5						17	3.09	100	2.29		
11	1811100920	Hoàng Minh	Đức	19/12/2000	3.5	3.0		3.0	3.0		3.0			3.0			2.5			4.0						19	3.16	98	2.48		
12	1811101178	Phan Trung	Hiếu	20/12/2000				3.5	3.0		3.5					2.0	2.5			3.0						15	2.93	100	2.27		
13	1811101173	Trần Thị Thúy	Huyền	17/08/2000				4.0	3.5		4.0						4.0			4.0						13	3.85	102	3.39		
14	1811101055	Ngô Minh	Hương	21/09/2000				4.0	3.5		3.5						4.0			4.0						13	3.77	102	3.01		
15	1811101106	Nguyễn Duy	Khôi	04/11/1997				4.0	3.5		4.0						4.0			4.0						13	3.85	102	3.41		
16	1811111197	Hoàng Thị Thanh	Lan	26/10/2000				2.5	2.5		3.5						3.0			3.5						13	2.96	96	2.65		
17	1811100635	Trịnh Thị Ngọc	Liễu	15/11/2000				4.0	4.0		4.0						4.0			4.0						13	4.00	102	3.48		
18	1811100600	Lại Thị	Linh	23/04/2000				4.0	3.0		4.0						3.5			4.0						13	3.62	102	2.97		
19	1811100878	Nguyễn Hoàng	Long	10/08/2000	4.0		3.0	3.0	2.0		3.0			3.0			2.0			3.5	3.0		3.0	4.0		27	2.98	99	2.44		
20	1811100859	Nguyễn Ngọc	Long	18/11/2000				3.0	2.5		3.0			1.5			2.0	3.0		2.5	3.0					21	2.60	96	2.42		
21	1811100615	Nguyễn Văn	Long	18/03/2000			2.0	3.0	3.0		3.0			1.5			2.0			3.0	3.0	3.0				22	2.68	102	2.50		
22	1811101166	Vũ	Long	04/05/2000				4.0	4.0		4.0						4.0			4.0						13	4.00	102	3.48		
23	1811102031	Nguyễn Thanh	Mơ	20/06/2000				4.0	3.0		3.5						4.0			4.0						13	3.62	102	2.75		
24	1811100790	Vũ Hồng	Nga	27/01/2000				4.0	3.0		3.5						3.0			4.0						13	3.46	102	2.88		
25	1811100601	Phan Thị Thúy	Ngân	11/12/2000				4.0	3.5		4.0						4.0			4.0						13	3.85	102	3.52		
26	1811162052	Trần Trọng	Nghĩa	26/12/1999				3.5	3.0		3.0		3.5	2.0			2.5			2.5						18	2.89	93	2.48		
27	1811102000	Lê Bích	Ngọc	21/12/2000				4.0	3.5		4.0						4.0			4.0						13	3.85	102	3.20		
28	1811100772	Lê Phương	Nhung	12/10/2000				4.0	3.0		3.5						3.0			3.5	3.0					16	3.28	102	2.59		
29	1811100728	Lê Thị Hồng	Nhung	16/09/2000				4.0	3.5		3.0						4.0			4.0						13	3.69	102	2.61		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Đánh giá tác động môi trường	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Toán cao cấp 1	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Hóa học đại cương	Thông tin môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Quy hoạch môi trường	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	Quản lý môi trường	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Xác suất thống kê	Tiếng Anh chuyên ngành	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	2	4	3	2	2	3	2	2	2	2	3	2	3	3	2	3	2	3						
30	1811102009	Nguyễn Thị Thu	Nhung	15/02/2000				2.0	3.0		3.0						0.0			1.5						13	2.04	87	2.22		
31	1811100627	Trịnh Thị	Nhung	17/11/2000				3.5	3.5		3.5						3.5			3.5						13	3.50	102	2.84		
32	1811100901	Vũ Thị	Quỳnh	28/11/2000	3.0			3.0	2.5		3.0						1.5			4.0	0.0			3.5		20	2.50	100	2.35		
33	1811100707	Ngô Đức	Thành	29/06/1997		3.0		4.0	2.5	2.5	3.5						2.0	2.0		3.5	2.0		2.5	3.5		29	2.74	91	2.47		
34	1811130860	Ngô Phương	Thảo	08/11/2000				3.0	3.0		3.5						2.0			4.0				3.5		15	3.20	83	2.88		
35	1811100653	Hoàng Thị Hà	Thu	03/03/2000				3.5	3.0		3.5						3.5			3.5						13	3.35	102	2.69		
36	1811101991	Nguyễn Thị	Thúy	29/12/2000				4.0	4.0		3.5						3.5			4.0						13	3.85	100	2.98		
37	1811100784	Nguyễn Hoài	Thương	15/09/2000				4.0	3.5		4.0						4.0			4.0	3.0					16	3.69	102	2.65		
38	1811101010	Đặng Thu	Trang	25/11/2000	4.0	3.0		3.0	3.0		4.0						3.0			4.0				4.0		19	3.47	102	3.02		
39	1811101227	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	08/11/2000				3.5	3.0		3.5						1.5			3.0						13	2.92	82	2.23		
40	1811100673	Trần Thế Phương	Trinh	01/08/2000				3.0	3.0		3.0		3.5				2.0			4.0						16	3.16	91	2.34		
41	1811100729	Trần Thị Lan	Trinh	17/06/2000			3.0	2.5	3.5		3.0						3.0			4.0				3.5		17	3.29	102	2.63		
42	1811100891	Trần Anh	Tuấn	04/11/2000	4.0			3.0	2.5		3.5						3.0			4.0				3.5		17	3.29	100	2.61		

Tổng hợp: Tổng số SV:42 Số SV bị cảnh báo mức 1:1 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8QM3 **Ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Toán cao cấp 1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Hóa học đại cương	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thông tin môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Quy hoạch môi trường	Quản lý môi trường	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	4	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	2	2	3	2						
1	1811101366	Lê Duy Đức	Anh	15/03/2000				3.0	3.5			4.0						4.0			4.0				13	3.62	102	2.89		
2	1811101645	Lê Tuấn	Anh	10/08/2000				3.0	3.5			3.0		1.0		1.0		2.0	2.0		3.0				20	2.40	82	2.20		
3	1811101625	Nguyễn Hoàng	Anh	22/11/2000				3.0	4.0			4.0						4.0			4.0				13	3.69	100	2.74		
4	1811102001	Lê Đức	Cảnh	14/08/2000				2.5	3.0			3.5		2.0				3.0			3.5				15	2.90	93	2.32		
5	1811101986	Đinh Thảo	Chi	18/07/2000				3.0	4.0			3.5						3.0			4.0				13	3.46	102	2.60		
6	1811101519	Nguyễn Đình	Cường	31/07/1999				2.0	2.0			3.0						1.0			3.0				13	2.23	92	2.09		
7	1811102025	Quan Văn	Cường	15/09/1998	3.0			3.0	3.0			3.0						2.0			3.5				15	2.97	102	2.48		
8	1811101822	Lê Thị Huyền	Diễm	18/08/2000			4.0	3.0	3.0			3.0		3.0			3.0	3.0			4.0	4.0		3.0	23	3.30	96	2.46		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Toán cao cấp 1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Hóa học đại cương	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thông tin môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Quy hoạch môi trường	Quản lý môi trường	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	4	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	2	3	2						
9	1811102030	Trần Thị	Dịu	06/12/2000	3.5			3.0	4.0			4.0						3.5			3.5				15	3.50	102	2.77		
10	1811101529	Phạm Trần Khương	Duy	18/11/2000				3.5	3.5			3.0						4.0			4.0				13	3.62	102	2.82		
11	1811101754	Nguyễn Thị	Duyên	13/02/2000				3.5	4.0			4.0						4.0			4.0				13	3.85	102	3.27		
12	1811101459	Nguyễn Quốc	Đại	21/02/2000				3.0	4.0			4.0						3.0			4.0				13	3.54	102	2.73		
13	1811101779	Vũ Thành	Đạt	05/11/2000				2.5	3.0		3.0	3.5						3.0			3.5				16	3.03	100	2.33		
14	1811101542	Nguyễn Văn	Đức	03/11/2000	3.5			3.0	3.5			3.0						3.0			3.5		2.5		18	3.11	102	2.42		
15	1811101476	Nguyễn Văn	Gia	21/08/2000				3.0	3.5		3.0	3.5						4.0			4.0				16	3.44	102	2.62		
16	1811101349	Lê Tuấn	Hiệp	14/05/2000	2.5			3.0	3.0			4.0						3.0			3.5				15	3.17	102	2.47		
17	1811101690	Nguyễn Quốc	Hiếu	29/05/2000				2.5	3.5			4.0						3.0			3.0				13	3.08	96	2.25		
18	1811101956	Trần Trung	Hiếu	14/02/2000				3.0	3.5			3.0		2.0				3.0			3.0				15	2.93	96	2.61		
19	1811101467	Chử Đức	Hoàng	24/12/1997	3.0			3.0	3.5			3.0						3.0			3.0				15	3.07	100	2.46		
20	1811102002	Tòng Thị Kim	Huế	25/07/2000	3.0			3.5	4.0			3.0	3.0					4.0	3.0		4.0				20	3.45	95	3.17		
21	1811101549	Nguyễn An	Huy	03/08/2000				3.0	3.0			3.5						2.0			4.0				13	3.15	98	2.28		
22	1811101323	Nguyễn Đức	Huy	17/05/2000				4.0	4.0			4.0						4.0			4.0				13	4.00	102	3.54		
23	1811101431	Vũ Thanh	Huyền	10/06/2000	3.0			3.0	3.0			4.0						3.0			3.5				15	3.23	102	2.49		
24	1811101987	Trần Quốc	Hưng	04/07/2000				0.0	0.0			3.0						0.0			0.0				13	0.46	60	1.95		Cảnh báo học tập mức 1
25	1811101685	Nguyễn Thị Lan	Hương	14/02/2000				4.0	4.0			4.0						4.0			4.0				13	4.00	102	3.47		
26	1811101999	Nguyễn Thu	Hường	21/12/2000				4.0	4.0			4.0						4.0			4.0				13	4.00	102	3.46		
27	1811101482	Lê Quang	Khánh	12/01/2000	2.5	2.0		3.0	3.5			4.0						2.0			3.5				17	2.97	102	2.42		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Toán cao cấp 1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Hóa học đại cương	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thông tin môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Quy hoạch môi trường	Quản lý môi trường	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	4	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	2	3	2						
28	1811102004	Nguyễn Bỉnh	Khiêm	30/09/2000				0.0	0.0			3.0						0.0			0.0				13	0.46	59	1.86		Cảnh báo học tập mức 1
29	1811101527	Nguyễn Trung	Kiên	30/06/1998				3.0	3.0			3.5		1.5				1.5			4.0				15	2.87	93	2.24		
30	1811101560	Hoàng Tú	Linh	20/02/2000				4.0	4.0			4.0						4.0			4.0				13	4.00	102	3.14		
31	1811101517	Lưu Mỹ	Linh	28/12/2000				3.0	3.5			4.0		3.0				2.0			3.5				15	3.17	102	2.43		
32	1811102005	Nguyễn Vương	Linh	16/03/2000	3.0			3.0	3.5			4.0						3.0			4.0				15	3.40	96	2.22		
33	1811101416	Lê Thị Khánh	Ly	15/01/2000				3.0	3.5			3.0						3.5			4.0				13	3.38	100	2.62		
34	1811070017	Nguyễn Thị	Ly	31/10/2000	4.0			4.0	4.0			4.0						4.0			4.0				15	4.00	102	3.36		
35	1811101817	Nguyễn Thị	Mỹ	24/02/2000				4.0	4.0			4.0						4.0			4.0				13	4.00	102	3.00		
36	1811101998	Lê Hoài	Nam	25/12/2000				3.0	4.0			4.0		3.0				3.5			3.5				15	3.43	100	2.46		
37	1811101500	Trương Thị Bình	Nguyên	29/03/2000				3.0	3.0			4.0		3.0				3.0			3.0		2.5		18	3.03	102	2.15		
38	1811101850	Lùng A	No	22/04/1996	3.0			3.0	3.0			3.0				4.0		3.0			3.5				17	3.21	95	2.37		
39	1811101854	Trần Thị	Phượng	17/06/2000				3.0	3.5			3.0	2.0	3.0				3.5			4.0				17	3.18	100	2.14		
40	1811101539	Hồ Thúy	Quỳnh	08/03/2000				4.0	3.5			4.0						4.0			4.0				13	3.92	102	2.82		
41	1811101721	Nguyễn Thị	Quỳnh	10/01/2000				3.0	3.5			3.5		3.0				3.5			4.0				15	3.40	102	2.60		
42	1811101985	Nguyễn Thúy	Quỳnh	13/04/2000				3.5	3.5			3.0		2.0		1.5		3.0			3.0				17	2.88	99	2.25		
43	1811101839	Hà Nguyễn Phương	Thanh	02/12/2000				2.0	3.5			3.0		3.0				1.5			3.0				15	2.60	91	1.92		
44	1811101700	Nguyễn Tiến	Thành	06/07/2000	2.0			3.0	3.5			3.0						3.5			3.5				15	3.10	96	2.63		
45	1811101997	Hà Thị Phương	Thảo	30/10/2000				3.0	3.5			4.0		3.0				3.0			4.0				15	3.40	102	2.48		
46	1811101612	Hoàng Thị Thùy	Trang	04/09/1999				3.5	3.5			4.0		3.5	4.0			3.5			4.0				17	3.71	100	2.86		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Biến đổi khí hậu	Toán cao cấp 2	Đa dạng sinh học	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	Đánh giá tác động môi trường	Toán cao cấp 1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Đồ án đánh giá tác động môi trường	Pháp luật đại cương	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Hóa học đại cương	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh 3	Thông tin môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Quy hoạch môi trường	Quản lý môi trường	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	4	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	3	2	3	2						
47	1811102008	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/09/2000				2.0	2.0			3.0						1.0			3.0		3.0		16	2.38	86	2.25		
48	1811101302	Nguyễn Trọng	Tú	15/05/2000				2.5	3.0			3.5		2.0				3.0			3.5				15	2.90	102	2.31		
49	1811101400	Nguyễn Tuấn	Tú	10/10/1997	2.0			3.0	3.0	4.0		3.0		3.0				3.5		3.0	3.5				22	3.16	99	2.20		
50	1811101790	Cáp Trọng	Tuấn	27/11/2000	2.0			3.0	4.0			4.0						3.0			4.0				15	3.33	96	2.19		
51	1811102003	Nguyễn Thanh	Tùng	06/12/2000				3.0	3.0			3.0		3.0		1.0		3.0			3.5				17	2.85	84	2.27		
52	1811101988	Bùi Khắc	Vũ	29/01/2000				3.0	3.0	4.0		3.0		2.0				3.0			4.0				18	3.22	95	2.32		
53	1811101755	Nguyễn Thị	Yến	03/03/2000				3.0	3.5			4.0		2.5				3.5			3.5				15	3.30	102	2.36		

Tổng hợp: Tổng số SV:53 Số SV bị cảnh báo mức 1:2 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8TĐ **Ngành: Kỹ thuật Trắc địa bản đồ** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Cơ sở dữ liệu địa lý	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Giải tích 2	Pháp luật đại cương	Trắc địa công trình giao thông - thủy lợi	Ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Lý thuyết sai số	Giải tích 1	Đại số	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	3	4	2	3	3	2	3	2	2							
1	1811091216	Lưu Tuấn	Chiến	12/08/2000	4.0			3.5	3.0	4.0			2.5			4.0		17	3.50	98	2.61		
2	1811091005	Nguyễn Văn	Hà	20/09/2000	4.0		3.0	3.5	3.0	4.0					3.0	4.0		19	3.53	94	2.95		
3	1811091501	Dương Minh	Hiếu	02/11/2000	4.0		3.0	3.5	2.5	3.0						3.0		16	3.16	95	2.39		
4	1811091533	Đào Minh	Hiếu	27/07/2000	4.0			3.0	3.0	4.0		2.0				3.5		17	3.29	98	2.63		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Cơ sở dữ liệu địa lý	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Giải tích 2	Pháp luật đại cương	Trắc địa công trình giao thông - thủy lợi	Ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường	Tiếng Anh 3	Tiếng anh 1	Lý thuyết sai số	Giải tích 1	Đại số	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	3	4	2	3	3	2	3	2	2							
5	1811091893	Vũ Minh	Hiếu	01/04/2000	4.0			3.5	3.0	4.0						4.0		14	3.71	98	3.06		
6	1811091599	Vũ Ngọc	Hưng	17/08/2000	4.0			3.5	3.0	3.5	2.5		3.5			4.0	2.5	21	3.36	92	2.60		
7	1811092034	Nguyễn Hữu	Quang	19/06/1997	4.0	3.0		3.0	3.0	4.0					2.5	4.0		19	3.39	98	2.76		
8	1811091890	Lê Tuấn	San	27/10/2000	3.5			3.0	3.0	4.0						4.0		14	3.54	98	2.69		
9	1811090657	Bàng Chấn	Sỹ	06/09/2000	4.0			3.0	3.5	4.0		2.0		3.0		4.0		19	3.39	98	2.63		
10	1811092046	Cao Mạnh	Thìn	03/12/2000	4.0			3.0	3.5	4.0						4.0		14	3.75	98	3.09		

Tổng hợp: Tổng số SV:10 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8TNN **Ngành: Quản lý tài nguyên nước** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	Tiếng anh chuyên ngành Tài nguyên nước	Quản lý chất lượng nước	Điều tra tài nguyên nước	Vật lý đại cương	Mô hình toán trong tài nguyên nước dưới đất	Đánh giá tác động môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	3	3	2	2	3	2						
1	1711161153	Hoàng Đình Minh	Đức	05/03/1999	0	0	0	0		0	0			14	**0**	49	**1.90**		Cảnh báo học tập mức 2
2	1811161899	Nguyễn Văn	Hiển	19/09/2000	3.0	3.5	3.0	4.0	4.0	4.0	2.5	3.0	3.5	22	**3.43**	96	**3.01**		
3	1711160994	Mai Thị Phương	Linh	01/10/1999	3.0	4.0	3.0	4.0		4.0	3.5			14	**3.64**	85	**3.03**		
4	1711161271	Nguyễn Hoàng	Linh	11/09/1999	3.0	4.0	2.0	3.0		2.5	2.5			14	**2.93**	85	**2.47**		
5	1811162048	Bùi Văn	Nguyên	06/02/1997	2.0	3.0	2.0	3.0		0	0			14	**1.86**	58	**2.18**	Cảnh báo học tập mức 1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	Tiếng anh chuyên ngành Tài nguyên nước	Quản lý chất lượng nước	Điều tra tài nguyên nước	Vật lý đại cương	Mô hình toán trong tài nguyên nước dưới đất	Đánh giá tác động môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	3	2	3	3	2	2	3	2						
6	1811161170	Nguyễn Văn	Phong	26/07/2000	3.5	4.0	3.0	4.0		4.0	2.0			14	**3.50**	98	**2.87**		
7	1811161900	Nguyễn Thiện	Quang	25/05/2000	3.5	4.0	3.5	4.0		4.0	3.0			14	**3.71**	98	**3.01**		
8	1811161896	Phan Thúy	Quỳnh	14/08/2000	4.0	4.0	4.0	4.0		4.0	4.0			14	**4.00**	98	**3.25**		
9	1811160664	Lê Tuấn	Tú	08/09/2000	2.0	2.5	2.0	3.5		3.0	2.0			14	**2.57**	98	**2.02**		

Tổng hợp: Tổng số SV:9 Số SV bị cảnh báo mức 1:0 Số SV bị cảnh báo mức 2:1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8LA **Ngành: Luật** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Luật Tố tụng hành chính	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	Luật Khoáng sản	Luật Tố tụng dân sự	Luật Tố tụng hình sự	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Tin học đại cương	Luật pháp và chính sách biển	Luật Xây dựng và nhà ở	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỹ năng mềm	Lịch sử nhà nước và pháp luật Thế giới	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Luật Tài chính ngân hàng	Tiếng anh 2	Luật Hình sự 1	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2						
1	1811111830	Bạch Phương	Anh	09/12/2000		3.0	2.5	2.0	3.5			3.0	3.0				3.5	3.0	2.0			21	2.83	89	2.23		
2	1811170212	Lương Ngọc Thảo	Anh	07/03/2000		3.0	3.0	3.0	3.5			2.0	2.0						2.5			17	2.74	100	2.51		
3	1811170122	Nguyễn Tuấn	Anh	13/12/2000		2.5	3.5	3.0	3.5			2.0	3.0						3.0			17	2.91	100	2.58		
4	1811170775	Lê Thị Ngọc	Ánh	20/07/2000		3.5	3.5	3.5	4.0			2.5	3.0						3.0			17	3.29	100	2.81		
5	1811171525	Nguyễn Đức	Bình	06/11/2000		3.0	4.0	3.0	3.0			3.5	3.0						3.0			17	3.21	100	3.05		
6	1811170029	Dương Tuấn	Công	21/07/2000		2.5	4.0	3.5	3.5			3.0	3.5						3.0			17	3.29	100	2.96		
7	1811171275	Vũ Thị Mai	Dung	04/12/2000		3.0	3.0	3.0	3.5			3.5	3.0						3.0			17	3.18	100	2.91		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Luật Tố tụng hành chính	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	Luật Khoáng sản	Luật Tố tụng dân sự	Luật Tố tụng hình sự	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Tin học đại cương	Luật pháp và chính sách biển	Luật Xây dựng và nhà ở	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỹ năng mềm	Lịch sử nhà nước và pháp luật Thế giới	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Luật Tài chính ngân hàng	Tiếng anh 2	Luật Hình sự 1	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2						
8	1811131868	Đỗ Đại	Dương	23/01/2000		2.5	2.0	2.0	3.0			1.5	2.5					2.0	1.0			19	2.08	96	2.29		
9	1811170378	Mầu Tiến	Đạt	08/11/2000		0.0	2.0	1.5	2.5			1.0	2.0						0.0			17	1.35	93	2.29		
10	1811170424	Nguyễn Ngọc	Đạt	01/05/2000		2.0	2.5	2.0	2.0			2.0	3.0						2.0	2.0		20	2.15	97	2.12		
11	1811171551	Hoàng Minh	Đức	30/07/2000		2.0	3.0	2.5	3.0			2.5	3.0	3.5					2.5	3.0		20	2.70	87	2.25		
12	1811171553	Kiều Hương	Giang	23/09/2000		2.0	3.0	3.0	2.0			2.5	2.0						2.5			17	2.44	100	2.58		
13	1811171495	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	22/01/1998		2.0	3.0	3.5	3.5			3.0	3.0						3.0			17	3.06	100	2.70		
14	1811170302	Hoàng Tuấn	Hải	09/04/2000		2.0	2.0	3.0	3.0		1.0	2.0	3.0		3.0				2.5			21	2.43	97	2.44		
15	1811171781	Đoàn Thị Thu	Hằng	19/01/2000		3.0	3.0	3.0	3.0			2.0	3.0						2.0			17	2.71	100	2.70		
16	1811170405	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	22/04/2000	3.0	3.5	4.0	3.5	3.5			3.5	3.0						3.0		3.5	21	3.40	100	2.69		
17	1811170125	Nguyễn Thu	Hằng	03/03/2000		2.0	3.5	3.0	3.0			2.0	2.0						3.0			17	2.65	100	2.71		
18	1811170286	Đoàn Đức	Hiếu	10/03/2000		1.5	3.5	3.0	3.0			2.0	2.0		3.0				3.0			19	2.63	88	2.28		
19	1811171299	Trần Trung	Hiếu	26/10/1999		2.0	3.0	3.0	3.0	3.5		3.0	3.0						3.0			20	2.98	100	2.60		
20	1811170501	Khuất Quang	Hòa	21/09/1992		4.0	4.0	4.0	4.0			4.0	4.0						4.0			17	4.00	100	3.62		
21	1811171712	Phạm Quang	Huy	05/07/2000		2.0	3.5	3.5	3.5			2.0	3.5						3.5			17	3.06	100	2.53		
22	1811170341	Nguyễn Duy	Hưng	09/08/2000		2.0	3.5	3.0	3.5			2.5	3.0						3.0			17	2.94	100	2.60		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Luật Tố tụng hành chính	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	Luật Khoáng sản	Luật Tố tụng dân sự	Luật Tố tụng hình sự	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Tin học đại cương	Luật pháp và chính sách biển	Luật Xây dựng và nhà ở	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỹ năng mềm	Lịch sử nhà nước và pháp luật Thế giới	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Luật Tài chính ngân hàng	Tiếng anh 2	Luật Hình sự 1	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2						
23	1811170210	Nguyễn Quỳnh	Hương	29/11/2000		3.0	3.5	3.0	3.0			4.0	3.0						3.0			17	3.24	100	2.71		
24	1811170034	Đỗ Thị Thu	Hường	25/03/2000		3.0	3.5	3.0	3.5			3.0	2.5						3.0			17	3.09	100	2.78		
25	1811170539	Vũ Tiến	Khôi	25/01/2000		3.0	3.5	3.0	2.5			3.0	2.5						3.0			17	2.91	100	2.60		
26	1811170951	Nguyễn Hoài	Lâm	10/05/2000		3.0	3.5	3.5	2.5			3.0	3.0						3.0			17	3.06	98	2.54		
27	1811171759	Đỗ Khánh	Linh	13/01/2001		3.0	3.0	3.0	3.0			1.5	2.5						3.0			17	2.68	97	2.26		
28	1811171242	Nguyễn Thảo	Linh	16/05/2000		2.0	3.0	3.0	3.0			3.5	2.0						2.5			17	2.79	98	2.58		
29	1811170491	Nguyễn Quang	Long	30/06/2000		2.0	2.5	2.5	3.0			2.0	3.0						2.5			17	2.50	100	2.39		
30	1811170504	Nguyễn Tâm	Long	14/09/2000		2.0	3.0	3.0	3.5			1.5	2.5						3.0			17	2.65	100	2.34		
31	1811171842	Bùi Bảo	Lộc	21/03/2000		2.0	3.5	3.0	3.0			2.5	3.0						2.5			17	2.79	98	2.49		
32	1811170039	Dương Văn	Minh	10/08/2000		3.0	4.0	3.5	4.0			4.0	3.0						3.0			17	3.56	100	2.89		
33	1811171403	Ngô Hoàng	Nam	10/10/1994		1.5	3.0	2.5	2.0			1.5	2.0						2.0			17	2.06	97	2.22		
34	1811170527	Trần Hiếu	Ngân	14/09/2000		3.5	3.5	3.0	3.0			2.0	3.0						3.0			17	2.94	100	2.50		
35	1811171658	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/06/2000		1.5	2.5	3.0	2.0			1.5	2.0						2.0			17	2.09	95	2.21		
36	1811171032	Lê Quỳnh	Nhi	29/09/2000		4.0	4.0	4.0	4.0			4.0	4.0						3.0			17	3.88	100	3.41		
37	1811170317	Trần Lan	Nhi	27/08/2000		3.0	3.0	3.0	3.0			2.0	3.0						2.5			17	2.76	100	2.47		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Luật Tố tụng hành chính	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	Luật Khoáng sản	Luật Tố tụng dân sự	Luật Tố tụng hình sự	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Tin học đại cương	Luật pháp và chính sách biển	Luật Xây dựng và nhà ở	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỹ năng mềm	Lịch sử nhà nước và pháp luật Thế giới	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Luật Tài chính ngân hàng	Tiếng anh 2	Luật Hình sự 1	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	2	3	2	3	2	2	2	2	2	3	2						
38	1811171383	Nguyễn Hồng	Phúc	14/07/2000		2.0	3.0	3.0	2.5			1.0	3.0						2.0	1.5		20	2.20	84	2.21		
39	1811021859	Bùi Minh	Quang	18/08/2000		3.0	4.0	3.0	2.5		2.0	2.5	3.0	3.0					2.5			22	2.82	94	2.78		
40	1811171720	Phạm Minh	Quang	28/03/2000		2.0	4.0	3.0	2.0			2.0	3.0						2.0			17	2.53	95	2.51		
41	1811170175	Nguyễn Minh	Thanh	11/11/2000		3.0	3.5	3.0	3.5			3.0	3.0						2.5			17	3.09	100	3.04		
42	1811171238	Đàm Phương	Thảo	28/06/2000		3.0	3.0	3.0	3.5			3.0	3.0						3.0			17	3.09	100	2.70		
43	1811171606	Lại Đức	Thắng	06/09/1997		4.0	4.0	4.0	4.0			4.0	3.5						3.0			17	3.82	100	3.31		
44	1811170544	Nguyễn Quỳnh	Trang	20/05/2000		2.0	2.5	3.0	4.0			2.0	2.0				3.0		2.5			19	2.68	96	2.29		
45	1811170869	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/03/2000		0.0	1.5	2.5	2.0			1.5	1.5			0.0			0.0	0.0		22	1.09	52	1.63	Cảnh báo học tập mức 2	Cảnh báo học tập mức 1
46	1811171184	Nguyễn Thị Tú	Trinh	06/03/2000		3.5	4.0	4.0	4.0			4.0	3.5						3.5			17	3.82	100	3.04		
47	1811170078	Hoàng Long	Tuệ	11/08/2000		1.5	2.0	3.0	2.0			2.0	2.5						3.0			17	2.29	92	2.25		
48	1811170209	Đồng Đức	Tùng	15/12/2000		1.5	2.5	3.0	1.5			2.0	2.5	2.0	2.0				3.0			22	2.20	97	2.10		
49	1811171655	Ngô Thị Hồng	Vân	13/04/2000		2.5	3.0	3.0	2.5			2.5	3.0						3.0			17	2.76	100	2.71		
50	1811170288	Bùi Văn	Vương	11/10/2000		2.0	3.0	3.0	2.0			2.0	2.5						3.0			17	2.47	94	2.39		

Tổng hợp: Tổng số SV:50 Số SV bị cảnh báo mức 1:1 Số SV bị cảnh báo mức 2:0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8C1 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán rời rạc	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ.Net	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Giải tích 2	Pháp luật đại cương	Vật lý đại cương	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Giải tích 1	Trí tuệ nhân tạo	Xác suất thống kê	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
1	1811060120	Đỗ Văn	Bình	01/01/2000			4.0	3.0	3.5	3.0	4.0					4.0	4.0		4.0						18	**3.69**	103	**2.59**		
2	1811060177	Tạ Đức	Bình	15/02/2000			4.0	3.0	3.5	3.5	4.0					3.5	2.5		3.5						18	**3.47**	101	**2.38**		
3	1811060980	Trần Vũ	Chiến	20/04/2000			3.5	3.5	3.0	3.5	3.5					4.0	4.0		3.5		3.0				20	**3.48**	103	**2.61**		
4	1811061098	Lê Văn	Công	05/11/2000	4.0		3.5	3.5	3.5	3.5	4.0	3.0				3.0	4.0		3.5						24	**3.56**	94	**2.61**		
5	1811060968	Nguyễn Hoàng	Dũng	26/07/2000			4.0	4.0	3.5	3.0	4.0					3.5	3.5		4.0						18	**3.69**	103	**2.84**		
6	1811060105	Nguyễn Quang	Định	03/08/2000			3.0	3.0	4.0	4.0	4.0					4.0	4.0		4.0						18	**3.78**	101	**2.70**		
7	1811061105	Hồ Hồng	Đức	26/09/2000			3.5	3.5	4.0	4.0	4.0					3.0	4.0		3.5						18	**3.72**	103	**2.72**		
8	1811060098	Trần Minh	Đức	06/07/2000		3.5	2.5	3.0	3.0	2.0	3.5					3.0	3.5		3.0						21	**3.05**	98	**2.24**		
9	1811060997	Ngô Thị	Hà	19/10/2000			3.5	4.0	4.0	3.5	4.0	4.0				3.0	4.0		3.5						21	**3.76**	101	**2.87**		
10	1811060145	Nguyễn Phạm Nam	Hải	30/07/2000			3.0	3.0	3.5	3.5	3.0					2.0	3.0		3.0						18	**3.03**	98	**2.38**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán rời rạc	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ.Net	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Giải tích 2	Pháp luật đại cương	Vật lý đại cương	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Giải tích 1	Trí tuệ nhân tạo	Xác suất thống kê	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
11	1811060131	Nguyễn Minh	Hiếu	29/06/2000			3.0	3.0	3.0	2.5	3.5					3.0	2.0		2.0						18	**2.81**	100	**2.17**		
12	1811061135	Nguyễn Minh	Hiếu	25/05/2000			4.0	3.5	3.5	4.0	4.0					3.5	4.0		4.0						18	**3.81**	103	**3.04**		
13	1811061134	Nguyễn Tiến	Hoàn	07/10/2000			3.5	3.0	4.0	4.0	4.0					4.0	4.0		3.5						18	**3.78**	103	**2.84**		
14	1811061390	Nguyễn Đăng	Hoạt	21/08/2000			3.0	3.0	3.0	3.0	3.0					3.0	3.5		2.5						18	**3.00**	99	**2.36**		
15	1811061355	Trần Thị	Hồng	07/08/2000			3.5	3.0	4.0	4.0	4.0					4.0	4.0		3.5						18	**3.78**	103	**3.08**		
16	1811061260	Hà Tuấn	Hùng	05/06/2000			3.0	3.0	3.0	2.0	4.0					4.0	3.5		3.0						18	**3.22**	93	**2.44**		
17	1811061336	Đoàn Nguyễn Anh	Huy	20/02/2000			2.5	2.5	3.0	2.5	3.5					3.0	4.0		4.0						18	**3.14**	97	**2.26**		
18	1811060060	Vũ Ngọc	Huy	25/10/2000			3.5	2.5	3.0	3.0	4.0					3.0	2.0		3.0						18	**3.06**	100	**2.46**		
19	1811060011	Vũ Quang	Huy	28/10/2000		3.5	2.5	3.0	2.5	2.5	3.5				4.0	3.0	4.0		3.0				4.0		26	**3.25**	98	**2.58**		
20	1811060996	Nguyễn Thu	Huyền	05/03/2000			3.5	3.5	4.0	3.5	3.0					4.0	4.0		3.5						18	**3.61**	103	**2.91**		
21	1811060048	Bùi Tuấn	Nghĩa	27/07/2000			3.0	2.5	3.0	2.5	3.5		3.0			2.0	3.0	3.0	3.0						23	**2.89**	89	**2.30**		
22	1811061024	Vũ Hồng	Ngọc	21/02/2000			3.5	3.0	4.0	4.0	4.0					4.0	4.0		3.5						18	**3.78**	103	**2.77**		
23	1811060026	Lê Minh	Nguyên	16/01/2000			3.5	3.0	3.5	3.0	3.5					3.0	3.5		3.0						18	**3.28**	103	**2.71**		
24	1811060095	Nguyễn Hồng	Nhung	30/11/2000			4.0	3.0	4.0	4.0	4.0					4.0	4.0		3.5						18	**3.83**	103	**3.05**		
25	1811061189	Đỗ Tuấn	Phong	25/03/2000			4.0	3.5	4.0	3.5	4.0					4.0	3.0	3.0	4.0						21	**3.67**	101	**3.13**		
26	1811060160	Lê Đức	Phước	07/09/2000			0	3.0	3.0	0	3.0					3.5	3.5		2.0						18	**2.33**	91	**2.42**		
27	1811061783	Nguyễn Thiện	Quang	19/05/2000			3.0	3.0	3.0	3.0	4.0		3.5			3.5	3.5		3.0						20	**3.30**	101	**2.20**		
28	1811061115	Hà Viết	Quân	23/12/2000			3.5	3.0	3.0	2.5	3.0					3.0	3.5		4.0						18	**3.17**	103	**2.75**		
29	1811060235	Kiều Anh	Quân	28/09/2000			4.0	3.0	4.0	4.0	4.0					3.5	3.0		3.5						18	**3.67**	93	**2.78**		
30	1811060031	Tạ Ngọc	Quyết	06/09/2000	3.0		3.5	3.0	4.0	3.0	4.0					2.5	2.0		3.0						21	**3.19**	103	**2.53**		
31	1811061827	Nguyễn Đức	Thắng	24/03/2000			3.0	3.0	2.5	3.0	4.0	3.0				3.0	3.0		2.5		1.0				23	**2.85**	92	**2.19**		
32	1811060165	Lê Thị	Thu	15/08/1998			3.0	2.0	3.0	1.5	3.5					3.0	2.0		3.0			4.0	3.0		22	**2.84**	99	**2.08**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán rời rạc	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ.Net	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Giải tích 2	Pháp luật đại cương	Vật lý đại cương	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Giải tích 1	Trí tuệ nhân tạo	Xác suất thống kê	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2						
33	1811061846	Nguyễn Thị	Thương	31/05/2000			3.5	3.0	4.0	3.5	4.0					4.0	3.5		3.5						18	**3.67**	101	**2.74**		
34	1811061021	Trần Thị Thủy	Tiên	01/11/1996			3.0	3.5	3.5	4.0	3.0					4.0	4.0		3.5						18	**3.53**	103	**3.06**		
35	1811060202	Nguyễn Thị Việt	Trinh	25/02/2000		3.5	3.0	3.0	4.0	4.0	4.0					4.0	4.0		3.0						21	**3.64**	103	**2.98**		
36	1811060214	Nguyễn Văn	Trọng	06/06/2000			4.0	3.0	4.0	4.0	4.0					4.0	3.5		3.0						18	**3.72**	103	**3.22**		
37	1811061288	Nguyễn Mạnh	Trường	09/12/2000			3.5	3.0	3.5	2.0	4.0					3.0	3.0		4.0		3.0				20	**3.28**	103	**2.61**		
38	1811061797	Nguyễn Thành	Trường	08/03/2000			3.0	3.0	3.0	3.0	3.5					3.5	3.0		3.0						18	**3.14**	98	**2.16**		
39	1811060038	Hoàng Anh	Tú	16/11/2000	3.0	3.0	3.5	3.0	4.0	3.0	4.0					4.0	4.0		3.0						24	**3.46**	101	**2.81**		
40	1811061078	Lê Anh	Tuấn	07/11/2000			3.5	3.0	3.0	4.0	4.0					4.0	3.5		3.5						18	**3.56**	103	**2.93**		
41	1711060473	Nguyễn Xuân	Tùng	16/05/1999			0	0	0	0	0					0	0		0						18	**0**	31	**1.74**		Cảnh báo học tập mức 2
42	1711060191	Lê Quang	Tuyền	07/04/1999			0	0	0	0	0			3.0		0	0		0						20	**0.30**	27	**1.80**	Cảnh báo học tập mức 1	Cảnh báo học tập mức 2
43	1811061829	Mai Trung	Văn	24/10/2000			3.0	2.5	2.0	3.0	3.0					3.0	0		2.0				1.0		20	**2.20**	99	**1.90**		
44	1811060072	Đỗ Đức	Vinh	31/12/2000			4.0	2.5	4.0	3.0	4.0					3.0	3.0		3.0						18	**3.39**	100	**2.78**		
45	1811061124	Nguyễn Long	Vũ	14/12/2000			3.5	3.5	3.5	2.5	3.5		3.0			3.5	4.0		3.5	3.5					22	**3.41**	103	**2.40**		
46	1811060054	Nguyễn Văn	Yên	13/03/2000			3.0	3.0	3.0	2.5	3.0					3.0	2.5		3.0						18	**2.89**	98	**2.42**		

Tổng hợp: Tổng số SV:46 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 2

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8C2 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán rời rạc	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ.Net	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giải tích 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tiếng Anh 3	Xử lý tín hiệu số	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Giải tích 1	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2						
1	1811060265	Đỗ Trường	An	15/11/1999			3.0	2.5	1.0	2.5	3.0			3.0			2.0			2.5				18	**2.39**	95	**1.92**		
2	1811061784	Đỗ Văn Tiến	Anh	29/08/1998			3.5	3.5	3.0	2.5	4.0			3.0			4.0			3.0				18	**3.33**	94	**2.57**		
3	1811061774	Hoàng Tuấn	Anh	19/01/2000			3.0	2.0	2.0	3.0	3.0			3.0			1.0			2.0				18	**2.39**	94	**2.09**		
4	1811060340	Lê Tuấn	Anh	07/11/2000			3.5	3.5	3.0	3.5	4.0			4.0			4.0			4.0				18	**3.67**	103	**2.92**		
5	1811061441	Nguyễn Đức	Anh	10/10/2000		2.0	3.0	3.5	3.0	3.0	3.5			3.0			3.0			3.0			2.5	23	**2.93**	98	**2.20**		
6	1811060385	Nguyễn Hoàng	Anh	16/11/2000			3.5	3.0	3.0	3.0	4.0			4.0			4.0			3.5				18	**3.50**	100	**2.34**		
7	1811061298	Nguyễn Hữu Quốc	Anh	24/10/2000			3.0	3.0	2.0	1.0	3.5			2.5			0			2.0				18	**2.19**	76	**2.10**		
8	1811061372	Trương Công	Anh	23/03/2000			3.0	3.0	3.0	2.5	3.5			3.0			3.0			3.0				18	**3.03**	91	**2.19**		
9	1811060459	Vũ Lê	Bình	12/07/2000			3.5	3.0	3.5	3.0	4.0			3.0			4.0			4.0				18	**3.53**	103	**2.54**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán rời rạc	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ.Net	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giải tích 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tiếng Anh 3	Xử lý tín hiệu số	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Giải tích 1	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2						
10	1811060253	Nguyễn Văn	Cường	07/12/2000			3.0	3.0	3.0	3.0	4.0			3.0			3.0			2.5				18	**3.11**	101	**2.43**		
11	1811061340	Tô Văn	Diệu	20/01/2000			3.5	3.0	2.5	3.5	3.5			3.5			3.5			3.0				18	**3.22**	98	**2.35**		
12	1811061330	Mai Thế	Dũng	05/01/2000			3.0	3.5	4.0	4.0	4.0			4.0			4.0			3.5				18	**3.78**	103	**2.45**		
13	1811060364	Bùi Tất	Dương	13/12/2000	2.0		3.0	3.0	3.5	3.5	3.5			3.0			4.0			3.5	2.5			23	**3.13**	97	**2.19**		
14	1811061359	Đỗ Hoàng	Dương	01/09/2000			3.0	3.0	2.5	3.5	3.0			3.0			3.5			3.0				18	**3.03**	101	**2.45**		
15	1811060322	Phan Khắc Hoàng	Dương	11/05/2000			0	0	0	0	0			0			0			0				18	**0**	63	**1.64**		Cảnh báo học tập mức 2
16	1811061319	Nguyễn Thị	Đào	23/02/2000			3.5	3.0	4.0	4.0	3.5			3.5			4.0			3.0				18	**3.58**	103	**3.07**		
17	1811061139	Đỗ Văn	Đạt	24/05/2000			3.5	3.5	4.0	4.0	4.0			3.5			4.0			3.5				18	**3.78**	103	**2.82**		
18	1811060255	Hoàng Hữu	Đạt	23/09/2000			3.0	3.0	4.0	3.5	4.0			3.5			3.5			3.0				18	**3.50**	103	**2.58**		
19	1811061253	Nguyễn Kim	Đạt	24/06/2000			3.0	2.0	1.0	2.5	3.0			3.5			3.0			3.0				18	**2.56**	103	**2.26**		
20	1811061430	Phạm Hữu	Đạt	20/07/2000			3.0	3.0	3.5	3.0	3.0			3.5			4.0			3.0				18	**3.25**	100	**2.63**		
21	1811060315	Phạm Trung	Đức	07/12/2000			3.0	3.0	3.0	2.0	3.0			3.0			3.5			3.0				18	**2.94**	92	**2.24**		
22	1811061808	Đặng Minh	Hải	07/06/2000			0	0	0	0	0			0			0			0				18	**0**	65	**1.69**		Cảnh báo học tập mức 2
23	1811060441	Lê Hoàng	Hiệp	30/05/2000			3.5	3.5	2.0	3.0	4.0	2.5		2.5			3.5			4.0				21	**3.12**	103	**2.29**		
24	1811060394	Vũ Đình	Hoàng	28/09/2000			3.0	3.0	3.0	3.5	3.5			3.0			4.0			4.0				18	**3.36**	100	**2.19**		
25	1811061344	Nguyễn Dương	Huy	02/12/2000			3.0	3.0	3.0	3.0	3.5			3.0			3.5			4.0		3.0		20	**3.23**	98	**2.05**		
26	1811060355	Nguyễn Tiến	Huy	19/10/2000			3.5	2.5	1.5	1.5	3.0			2.0			2.0			4.0				18	**2.47**	82	**1.98**		
27	1811060314	Nguyễn Văn	Khánh	16/10/2000			4.0	4.0	4.0	4.0	4.0			4.0			3.0			4.0				18	**3.89**	103	**3.04**		
28	1811061346	Trần Đình	Khánh	29/03/2000		1.5	3.0	1.0	0	0	2.0		4.0	0			0			2.5				23	**1.37**	75	**2.00**		
29	1811060367	Bùi Hải	Linh	23/07/2000			3.0	2.0	3.5	3.5	3.5			3.0			3.0			3.5				18	**3.17**	100	**2.29**		
30	1811061321	Chu Đại	Long	16/03/2000			3.0	3.0	4.0	3.5	3.0			2.0		3.0	3.0			3.5		2.5		22	**3.09**	99	**2.29**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán rời rạc	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ.Net	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giải tích 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tiếng Anh 3	Xử lý tín hiệu số	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Kỹ năng mềm	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Giải tích 1	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	3	2	3	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2						
31	1811060256	Nguyễn Hoàng	Long	10/09/2000			3.5	4.0	3.5	3.5	4.0			2.5			4.0			4.0				18	**3.64**	103	**3.00**		
32	1811060337	Ngô Đình	Lộc	11/10/2000			4.0	4.0	4.0	4.0	4.0			4.0			3.0			4.0				18	**3.89**	103	**3.42**		
33	1811060365	Nguyễn Văn	Mạnh	27/04/1999			3.0	3.0	4.0	4.0	3.5			3.0			4.0			3.0				18	**3.47**	98	**2.73**		
34	1811060307	Phạm Hải	Nam	07/07/2000			3.0	3.5	3.0	3.5	3.0			3.0		3.0	4.0			3.0				20	**3.20**	88	**2.18**		
35	1811060377	Phạm Hoàng	Nam	18/10/2000			3.0	3.0	2.5	4.0	3.5			3.0			4.0			3.5	2.0			20	**3.15**	98	**2.13**		
36	1811060435	Lê Nguyên	Ninh	14/09/2000	3.0		3.5	3.0	3.5	3.0	4.0			3.0	2.0		2.5			3.5	3.5	1.0		27	**3.02**	96	**2.31**		
37	1811060467	Đỗ Tấn	Phú	16/08/2000			3.5	3.5	4.0	3.5	3.5			3.0			4.0			4.0				18	**3.64**	103	**2.44**		
38	1811060319	Nguyễn Hồng	Quân	17/05/2000			4.0	3.5	4.0	3.0	4.0			4.0			4.0			4.0				18	**3.83**	103	**2.93**		
39	1811060354	Tạ Nguyễn Chí	Thanh	15/10/2000			3.5	3.0	3.0	2.5	3.0			2.0			1.0			4.0	3.0			20	**2.80**	99	**2.15**		
40	1811060473	Nguyễn Tiến	Toàn	25/03/2000		3.5	4.0	3.0	4.0	3.5	4.0			2.5			0			4.0	2.5			23	**3.20**	95	**2.73**		
41	1811060384	Nguyễn Vinh	Trường	18/08/2000	3.5		3.0	3.0	3.0	3.0	3.5			2.5			4.0			4.0	3.5			23	**3.30**	95	**2.26**		
42	1811060358	Nguyễn Xuân	Trường	31/08/2000			3.0	3.0	1.5	3.0	3.0			2.0			2.5		2.0	3.0		0		22	**2.30**	94	**1.76**	Cảnh báo học tập mức 1	
43	1811060351	Trần Văn	Trường	29/06/2000	3.5		4.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0		2.5			4.0	3.0		4.0	3.0			29	**3.22**	95	**2.15**		
44	1811060328	Nguyễn Duy	Tú	04/09/1999	4.0		3.5	3.5	4.0	3.5	4.0			3.0			4.0			3.5				21	**3.71**	103	**2.54**		
45	1811060379	Ngô Đăng	Tuyên	22/12/2000			3.0	2.5	1.0	3.0	2.5			3.5			2.5			3.0				18	**2.53**	83	**1.89**	Cảnh báo học tập mức 1	
46	1811060336	Phạm Quốc	Việt	05/11/2000			3.0	2.5	1.0	3.0	3.0			4.0			4.0			3.0				18	**2.83**	103	**2.32**		

Tổng hợp: Tổng số SV:46 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 2

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8C3 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Công nghệ phần mềm	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Công nghệ.Net	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Vật lý đại cương	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Đại số	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	3	2	2	3	2	2	3	2						
1	1811060538	Hoàng Nam	Anh	06/02/2000	3.0	4.0	4.0	4.0	4.0			3.5	3.5		4.0				18	**3.78**	103	**2.98**		
2	1811060671	Nguyễn Đức	Anh	28/09/2000	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0			4.0	4.0	3.0	4.0				21	**3.86**	95	**3.15**		
3	1811060624	Nguyễn Thị Minh	Anh	16/10/2000	3.0	3.5	3.5	3.0	4.0			4.0	4.0		3.0				18	**3.50**	103	**3.24**		
4	1811060709	Nguyễn Xuân	Anh	27/01/2000	3.0	3.0	3.0	3.5	3.0			3.0	2.0		3.0				18	**2.97**	103	**2.80**		
5	1811060642	Vũ Long	Anh	14/06/2000	0	1.0	1.0	3.0	1.0			3.0	1.5		1.0				18	**1.50**	59	**1.82**	Cảnh báo học tập mức 1	
6	1811060522	Mai Ngọc	Bảo	22/06/2000	3.0	3.0	2.0	3.5	3.5			4.0	3.0		3.0				18	**3.17**	103	**2.71**		
7	1811060605	Đinh Thái	Bình	06/01/2000	3.0	3.5	2.5	3.0	2.5			3.5	3.0		3.0				18	**2.97**	103	**2.12**		
8	1811060667	Đào Đức	Đạt	29/11/2000	3.0	4.0	3.5	4.0	4.0			4.0	3.0		3.0				18	**3.61**	103	**3.09**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Công nghệ phần mềm	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Công nghệ.Net	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Vật lý đại cương	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Đại số	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	3	2	2	3	2	2	3	2						
9	1811060685	Tạ Văn	Định	30/08/2000	3.5	4.0	3.5	4.0	4.0			4.0	4.0		3.5				18	**3.83**	103	**2.98**		
10	1811060666	Nguyễn Lâm Tùng	Đức	13/03/2000	2.5	2.0	2.0	3.0	2.0			3.5	2.0	2.5	2.5	2.0	3.0		26	**2.48**	82	**1.98**		
11	1811060684	Nguyễn Hữu	Hải	12/11/2000	3.0	3.0	2.0	3.0	3.0			3.0	3.0		3.0				18	**2.89**	96	**2.39**		
12	1811060489	Phùng Thị	Hạnh	05/11/2000	3.5	3.5	4.0	4.0	4.0			4.0	4.0		3.0				18	**3.78**	103	**3.10**		
13	1811060701	Mai Thị	Hảo	07/08/1999	3.0	3.5	3.5	3.0	3.5			4.0	3.0		3.0				18	**3.31**	103	**2.66**		
14	1811060631	Nguyễn Thị	Hằng	28/03/2000	3.0	3.5	2.5	3.0	3.0			4.0	2.5		3.0				18	**3.06**	103	**2.71**		
15	1811060508	Lê Trung	Hiếu	01/03/2000	3.0	3.0	3.5	3.5	3.0			3.0	3.0		3.0				18	**3.14**	101	**2.55**		
16	1811060680	Nguyễn Huy	Hòa	20/11/2000	2.5	3.5	3.0	3.0	3.0			4.0	2.5		3.0				18	**3.06**	93	**2.22**		
17	1811060189	Đỗ Quang	Huy	10/08/2000	2.5	3.0	2.0	3.0	3.0			2.0	2.5		3.0				18	**2.67**	101	**2.02**		
18	1811060604	Trương Công	Kiên	18/10/2000	3.0	3.5	4.0	3.5	4.0			4.0	3.5		3.0				18	**3.58**	103	**3.04**		
19	1811060663	Nguyễn Kim	Lâm	29/03/2000	3.0	3.5	3.0	3.5	3.5			3.0	3.0		3.0				18	**3.22**	99	**2.36**		
20	1811060698	Nguyễn Thị	Liên	17/09/2000	3.0	4.0	3.5	4.0	4.0			4.0	4.0		4.0				18	**3.83**	103	**2.96**		
21	1811060553	Phạm Hoàng	Linh	29/01/2000	3.0	4.0	3.5	4.0	4.0			3.0	3.0		3.0				18	**3.50**	101	**2.51**		
22	1811061448	Đặng Hoàng	Long	18/12/2000	3.0	4.0	2.5	4.0	4.0			3.0	3.5		3.5				18	**3.50**	96	**2.57**		
23	1811060511	Đặng Vũ	Lưu	02/01/1999	3.5	3.0	4.0	4.0	3.5			3.5	4.0		3.5				18	**3.64**	103	**2.72**		
24	1811061250	Trần Thị	Mai	10/05/2000	3.5	3.5	1.5	3.5	3.5			4.0	3.0		3.0				18	**3.22**	103	**2.74**		
25	1811060672	Đỗ Văn	Minh	16/08/1999	3.0	3.0	2.5	3.5	3.0			4.0	3.0		3.0				18	**3.14**	99	**2.25**		
26	1811060662	Phạm Đức	Minh	01/11/2000	3.0	4.0	2.5	3.0	3.0			3.5	3.0		3.0			4.0	20	**3.20**	97	**2.15**		
27	1811060559	Phạm Trọng	Minh	02/06/2000	2.5	3.0	0	3.0	2.0			2.0	0		3.0				18	**2.00**	71	**1.95**		
28	1811061234	Vũ Công	Minh	20/06/1997	2.5	2.5	2.0	3.0	3.0	3.0	4.0	3.0	2.5	3.0	3.5				27	**2.96**	93	**2.80**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Công nghệ phần mềm	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Công nghệ.Net	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Vật lý đại cương	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Đại số	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	3	3	2	2	3	2	2	3	2						
29	1811060507	Nguyễn Tuấn	Nam	16/10/2000	3.0	3.5	2.0	3.0	3.0			3.0	3.0		3.0				18	**2.94**	91	**2.14**		
30	1811061404	Trần Văn	Nam	16/02/1999	2.5	3.0	1.0	3.0	2.0			3.5	1.5		2.5				18	**2.39**	98	**2.22**		
31	1811060586	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	30/09/2000	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0			3.0	2.0		3.0				18	**2.89**	92	**2.36**		
32	1811060687	Bùi Đức	Phương	30/11/2000	3.0	3.5	3.5	3.0	3.5			3.0	3.0		3.0				18	**3.19**	97	**2.39**		
33	1811060584	Ngô Thị Ngọc	Thanh	25/01/2000	3.5	3.5	4.0	3.0	3.0			4.0	3.0		3.0				18	**3.33**	103	**2.64**		
34	1811060490	Lương Thị	Thịnh	11/01/2000	3.5	4.0	4.0	4.0	3.5			4.0	4.0		3.5				18	**3.81**	103	**3.21**		
35	1811060715	Nguyễn Phương	Thuận	01/08/2000	3.5	4.0	4.0	4.0	3.5			4.0	4.0		3.5				18	**3.81**	103	**2.88**		
36	1811060681	Lê Ngọc	Thủy	05/02/2000	2.5	4.0	3.0	3.0	3.0			4.0	2.5		3.0				18	**3.11**	103	**2.60**		
37	1811060581	Trương Thị Thu	Trà	13/10/2000	3.0	4.0	3.0	4.0	3.5			4.0	3.5		3.0				18	**3.53**	103	**3.20**		
38	1811060665	Nguyễn Thành	Trung	20/10/2000	3.5	4.0	3.0	4.0	3.5			3.0	4.0		3.5				18	**3.58**	103	**2.92**		
39	1811060678	Trần Ngọc	Trường	20/08/2000	2.5	3.0	4.0	4.0	3.5			3.0	3.0		4.0				18	**3.42**	101	**2.58**		
40	1811060606	Đặng Trần Anh	Tú	23/12/2000	3.0	3.5	3.0	3.0	3.5			3.0	3.0		3.0				18	**3.14**	103	**2.70**		
41	1811060516	Tạ Quang	Tùng	07/02/2000	0	1.5	1.0	3.0	1.0			2.0	0		1.0				18	**1.28**	88	**1.85**		
42	1811060525	Đào Tất	Việt	26/11/2000	3.0	4.0	3.0	3.0	3.0			3.0	3.0		3.0				18	**3.11**	103	**2.43**		
43	1811060563	Trần Văn	Việt	13/01/2000	3.5	4.0	4.0	4.0	3.5			3.5	3.5		3.5				18	**3.69**	103	**2.60**		
44	1811060546	Đinh Quang	Vinh	20/12/2000	2.5	0	0	0	3.0			0	0		0				18	**0.78**	90	**2.13**		Cảnh báo học tập mức 1
45	1711060290	Đặng Thị	Yến	23/06/1999	3.0	3.5	3.5	3.0	3.0			3.5	3.5		3.0				18	**3.22**	92	**2.46**		

Tổng hợp: Tổng số SV:45 Số SV bị cảnh báo mức 1: 1 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8C4 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Công nghệ.Net	Giải tích 2	Mạng máy tính	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tiếng Anh 3	Xử lý tín hiệu số	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Linux và phần mềm nguồn mở	Đại số	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	3	2	3						
1	1811060736	Bùi Minh	Anh	07/02/2000	4.0	3.5	4.0	4.0	3.0				4.0	2.5		4.0		4.0				20	**3.65**	103	**2.87**		
2	1811060838	Bùi Ngọc	Ánh	23/05/2000	3.5	3.5	4.0	4.0	3.5				3.0			3.5		3.5				18	**3.58**	103	**2.88**		
3	1811060730	Nguyễn Đình	Công	06/02/1996	4.0	4.0	3.0	4.0	3.0				3.5			4.0		4.0				18	**3.67**	98	**2.60**		
4	1811060872	Nguyễn Đức Bình	Dương	01/10/2000	3.0	3.5	2.5	3.5	3.5			4.0	3.0			3.5	2.5	3.0			3.0	27	**3.20**	101	**2.34**		
5	1811060797	Nguyễn Mạnh	Đạt	11/09/2000	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0				3.5			2.5		3.5				18	**3.06**	101	**2.30**		
6	1811060280	Vũ Huy	Đạt	09/03/2000	2.5	2.5	3.0	3.0	1.5				3.0			2.0		2.5				18	**2.47**	92	**1.90**		
7	1811061443	Đỗ Anh	Đức	15/12/2000	3.0	3.0	3.0	4.0	3.0				3.0			3.5		3.0				18	**3.22**	96	**2.06**		
8	1811060268	Nguyễn Minh	Đức	16/10/2000	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0				4.0			4.0		4.0				18	**4.00**	98	**2.47**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Công nghệ.Net	Giải tích 2	Mạng máy tính	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tiếng Anh 3	Xử lý tín hiệu số	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Linux và phần mềm nguồn mở	Đại số	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	3	2	3						
9	1811060895	Đỗ Phan Trường	Giang	15/07/2000	3.5	3.0	3.0	3.0	4.0				3.5			4.0		3.5	3.0			21	**3.38**	103	**2.57**		
10	1811061281	Nguyễn Hoàng	Hà	14/06/1998	3.0	2.5	3.0	3.5	2.0				1.5			2.5	4.0	3.0				21	**2.83**	85	**2.52**		
11	1711060718	Phạm Thành	Hải	24/12/1999	3.5	3.5	3.5	3.5	4.0				3.0			3.5		3.0				18	**3.47**	87	**3.05**		
12	1811061325	La Thị	Hằng	21/11/2000	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0				4.0			4.0		4.0				18	**4.00**	103	**3.45**		
13	1811060884	Nguyễn Thúy	Hằng	18/12/2000	3.5	3.5	3.5	4.0	3.5				3.0			4.0		3.5				18	**3.58**	103	**2.85**		
14	1811061377	Đỗ Thị	Hậu	15/09/2000	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0				4.0			4.0		4.0				18	**4.00**	101	**3.36**		
15	1811061389	Nguyễn Thị	Hiền	08/09/2000	4.0	3.0	3.5	3.5	4.0				3.0			3.5		3.0				18	**3.47**	103	**3.08**		
16	1811061375	Đào Hoàng	Hiệp	20/09/2000	3.0	3.0	2.0	2.0	2.0				2.5			3.0		3.0				18	**2.50**	81	**2.30**		
17	1811060723	Ngô Đức	Hiệp	07/10/2000	3.5	3.0	3.5	3.5	3.0				3.5			3.5		3.5				18	**3.36**	103	**2.45**		
18	1811061409	Nguyễn Văn	Hiệp	04/11/2000	3.0	3.0	3.0	3.5	3.0	4.0			2.0			3.0		3.0				20	**3.08**	100	**2.43**		
19	1711060242	Nguyễn Trọng	Hiếu	17/12/1999	0	1.0	0	0	0				0			0		0				18	**0.11**	47	**1.56**		Cảnh báo học tập mức 1
20	1811061280	Nguyễn Trung	Hiếu	16/01/2000	3.0	3.0	3.0	4.0	3.0	4.0	4.0		3.5		1.5	3.0		3.0				25	**3.24**	103	**2.29**		
21	1811060889	Đặng Việt	Hoàng	28/02/2000	4.0	3.0	3.5	4.0	4.0				4.0			4.0		4.0				18	**3.83**	103	**3.08**		
22	1811060745	Trần Việt	Hoàng	15/04/2000	4.0	3.5	3.5	4.0	3.5				3.5			4.0		4.0				18	**3.75**	103	**3.01**		
23	1811060763	Vũ Huy	Hoàng	26/05/2000	4.0	3.0	4.0	4.0	4.0				3.5			4.0		3.5				18	**3.78**	103	**2.59**		
24	1811060260	Phạm Thị	Huệ	18/07/2000	3.5	3.0	3.5	3.0	3.5				4.0			3.5		3.0				18	**3.36**	101	**2.56**		
25	1811061740	Vũ Thị	Huệ	19/07/2000	3.5	3.0	3.5	3.0	3.0				3.0			3.0		3.0				18	**3.11**	103	**2.47**		
26	1811060251	Nguyễn Công	Huy	19/09/2000	3.0	3.0	1.0	3.5	2.5				3.0			3.0		3.0				18	**2.78**	99	**2.17**		
27	1811060290	Nguyễn Duy	Hưng	21/09/2000	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0				3.0			3.0		3.0		1.0		20	**2.80**	100	**1.91**		
28	1811061801	Bùi Hữu	Kiên	15/03/2000	4.0	3.0	2.5	3.5	3.0				3.0			3.5		2.5	3.5			21	**3.19**	98	**2.04**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Công nghệ.Net	Giải tích 2	Mạng máy tính	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tiếng Anh 3	Xử lý tín hiệu số	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Linux và phần mềm nguồn mở	Đại số	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					2	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	3	2	3	2	3						
29	1811060266	Bùi Vương	Long	04/10/2000	3.0	3.5	3.0	4.0	2.5				4.0			3.5		3.0				18	**3.31**	98	**2.14**		
30	1811060902	Nguyễn Đức	Long	26/07/2000	3.5	3.0	0	4.0	0				3.0			2.5		0				18	**2.00**	73	**2.10**		
31	1811060858	Nguyễn Thăng	Long	27/12/2000	3.5	3.0	2.5	4.0	3.5				3.0			4.0		3.0				18	**3.36**	101	**2.30**		
32	1811061753	Nguyễn Tiến	Long	07/04/2000	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0				0			1.0		3.0				18	**2.44**	96	**2.27**		
33	1811060756	Phạm Văn	Long	04/01/2000	3.0	2.5	1.5	4.0	2.5				2.0			3.0		3.0				18	**2.75**	90	**2.31**		
34	1811060919	Vương Đình Hoàng	Long	29/08/2000	4.0	3.0	4.0	3.5	3.5				4.0			4.0		3.5				18	**3.67**	103	**2.66**		
35	1811060933	Cao Văn	Minh	09/08/2000	4.0	3.0	3.0	4.0	3.5				4.0			4.0		3.5				18	**3.64**	103	**2.48**		
36	1811060830	Mai Xuân	Minh	27/05/2000	3.0	3.0	3.0	3.0	3.5				3.0			3.5		3.0				18	**3.14**	98	**2.24**		
37	1811060733	Nguyễn Quang	Nhật	14/05/1998	3.0	2.5	0	3.0	2.0				2.5			1.5		3.5				18	**2.28**	84	**2.24**		
38	1811061388	Phạm Thu	Phương	23/08/2000	3.5	3.5	4.0	3.0	3.5				4.0			3.0		3.0				18	**3.42**	103	**2.74**		
39	1811061382	Quách Văn	Quang	30/08/1999	3.0	3.0	2.0	3.0	3.5				2.0			2.0		3.0				18	**2.75**	101	**2.07**		
40	1811060757	Nguyễn Đình	Sỹ	20/10/2000	3.5	3.5	4.0	4.0	4.0				3.0			4.0		3.5				18	**3.72**	103	**2.79**		
41	1811060840	Phạm Tất	Thành	18/05/2000	3.0	3.0	2.0	2.0	3.0				3.0			3.5		3.5				18	**2.83**	94	**2.20**		
42	1811060885	Mai Duy	Tình	20/10/2000	4.0	4.0	4.0	4.0	4.0				4.0			4.0		4.0				18	**4.00**	103	**3.21**		
43	1811060725	Nguyễn Ngọc Hương	Trà	05/06/2000	3.5	3.0	4.0	4.0	3.5				4.0			3.5		3.5				18	**3.64**	103	**2.74**		
44	1811060937	Vũ Văn	Trúc	12/12/2000	3.5	3.5	4.0	3.5	3.5				3.5			4.0		3.5				18	**3.61**	100	**2.60**		
45	1811061809	Nguyễn Như	Ý	17/04/2000	4.0	4.0	0	4.0	4.0				4.0			4.0		4.0				18	**3.56**	101	**2.77**		

Tổng hợp: Tổng số SV:45 Số SV bị cảnh báo mức 1: 1 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8C5 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ.Net	Công nghệ Java	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Giải tích 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2						
1	1811061594	Phạm Thị Vân	Anh	21/07/2000		4.0	3.0	4.0	3.5	4.0			3.0	4.0			4.0					18	**3.69**	103	**2.28**		
2	1811061601	Trần Tùng	Anh	04/02/2000		3.5	3.0	3.0	3.0	4.0			3.0	3.0			4.0					18	**3.33**	97	**2.11**		
3	1811061725	Nguyễn Việt	Cường	04/06/2000		4.0	3.5	1.5	4.0	4.0			3.0	1.5			4.0					18	**3.28**	103	**2.56**		
4	1811061673	Bùi Tiến	Đạt	20/02/2000		3.5	3.5	4.0	3.0	2.0			3.5	4.0			3.5					18	**3.28**	103	**2.49**		
5	1811061717	Nguyễn Thành	Đạt	20/10/2000		3.0	2.5	3.0	1.5	3.0			1.0	2.0			4.0					18	**2.47**	93	**1.97**		
6	1811061641	Trần Kiên	Giang	30/10/2000		4.0	4.0	4.0	4.0	4.0			4.0	3.0			3.5					18	**3.83**	103	**2.64**		
7	1811061563	Bùi Việt	Hiếu	17/03/2000		3.0	2.5	1.0	2.0	3.0			1.0	2.5			4.0					18	**2.39**	96	**1.95**		
8	1811061598	Nguyễn Đình	Hiếu	17/12/2000		4.0	4.0	3.5	3.0	4.0			4.0	3.0			3.5					18	**3.61**	103	**2.91**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ.Net	Công nghệ Java	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Giải tích 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2						
9	1811061469	Vũ Văn	Hoàng	17/06/1998		4.0	4.0	4.0	4.0	4.0			4.0	4.0			4.0					18	**4.00**	103	**2.94**		
10	1811061506	Nguyễn Thế	Hưng	16/08/2000		3.5	3.5	0	2.0	2.0			1.0	1.5			3.5	2.5				20	**2.15**	101	**2.13**		
11	1811061571	Đoàn Xuân	Khiêm	16/12/1999		3.5	3.0	4.0	4.0	4.0			4.0	3.5			4.0					18	**3.78**	105	**3.00**		
12	1811061590	Trần Văn	Khiêm	21/09/2000		3.0	3.0	2.0	3.0	4.0			2.0	1.0			4.0	3.0		2.5		23	**2.80**	98	**2.38**		
13	1811061692	Nguyễn Trung	Kiên	03/12/2000		3.5	3.0	3.5	3.0	4.0			3.0	2.0			3.5	3.0		2.5		23	**3.11**	103	**2.33**		
14	1811061732	Tạ Hồng	Kiên	01/08/2000		4.0	3.0	3.5	3.0	3.5			2.0	2.0			4.0	3.0				20	**3.13**	103	**2.36**		
15	1811061726	Nguyễn Đình	Luận	17/11/2000		3.5	3.5	4.0	2.5	4.0			3.0	2.0			4.0					18	**3.31**	103	**2.79**		
16	1811061702	Nguyễn Thị	Luyến	24/09/2000		4.0	4.0	4.0	3.0	3.0			4.0	3.0			4.0					18	**3.56**	103	**3.07**		
17	1811061528	Hoàng Đức	Mạnh	26/10/2000		3.5	3.0	1.0	2.0	2.0			2.5	3.0			4.0					18	**2.56**	101	**2.00**		
18	1811061538	Nguyễn Thị Trà	My	21/11/2000		3.0	2.0	0	0	3.0			2.0	1.5			3.0					18	**1.78**	92	**1.91**		
19	1811061488	Lê Hoài	Nam	31/12/2000		3.5	2.5	2.0	0	3.0			2.0	0	3.0	0	4.0		0			25	**1.84**	79	**2.06**		
20	1811061825	Nguyễn Văn	Nam	01/01/1999		4.0	4.0	4.0	4.0	4.0			4.0	4.0			4.0					18	**4.00**	103	**3.56**		
21	1811061558	Tống Thành	Nam	23/08/2000		3.0	2.5	0	0	0			0	0			3.0					18	**0.94**	84	**2.05**		Cảnh báo học tập mức 1
22	1811060297	Phan Thị	Ngọc	05/08/2000		4.0	3.0	3.5	4.0	4.0			4.0	4.0			3.5					18	**3.78**	103	**2.99**		
23	1811060295	Lê Thị	Nhung	09/11/2000		3.5	3.0	4.0	4.0	4.0			4.0	4.0			3.0					18	**3.72**	103	**3.05**		
24	1811061543	Hoàng Trung	Phong	27/07/2000		3.5	2.0	3.0	2.0	3.0	3.0	3.0	2.5	3.0			4.0					23	**2.87**	97	**1.97**		
25	1811061739	Hoàng	Phúc	05/02/2000		4.0	4.0	4.0	4.0	4.0			4.0	4.0			4.0					18	**4.00**	103	**3.52**		
26	1811061688	Nguyễn Thanh	Quang	03/04/1999		3.5	2.5	1.5	2.0	3.0			2.0	2.0			4.0					18	**2.56**	92	**2.22**		
27	1811061605	Nguyễn Văn	Quân	04/11/2000		4.0	4.0	4.0	4.0	4.0			4.0	2.0			3.5					18	**3.72**	103	**3.13**		
28	1811061586	Vũ Thị	Quỳnh	16/11/2000		4.0	3.0	1.0	3.0	4.0			3.0	3.0			3.5					18	**3.11**	103	**2.26**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ.Net	Công nghệ Java	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Giải tích 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Linux và phần mềm nguồn mở	Lý thuyết thông tin	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tiếng anh 2	Xác suất thống kê	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2						
29	1811061718	Phạm Hồng	Sơn	16/07/2000		3.5	2.0	2.0	1.0	3.5			1.0	1.0			4.0					18	**2.25**	94	**1.76**		
30	1811061581	Trần Nam	Thái	13/07/2000		3.5	3.0	2.0	3.0	3.0			3.0	3.5			4.0					18	**3.11**	96	**2.15**		
31	1811061290	Nguyễn Thị	Thanh	16/12/2000		3.5	4.0	3.5	3.5	4.0		4.0	3.0	2.5			4.0					20	**3.58**	103	**2.29**		
32	1811061696	Nguyễn Quang	Thành	04/12/2000		3.5	3.0	1.5	3.5	3.5			3.0	2.0			4.0					18	**3.06**	101	**2.49**		
33	1811061274	Cấn Việt	Thắng	28/08/2000		3.5	3.0	3.0	2.5	3.0			2.5	2.0			4.0					18	**2.92**	101	**2.11**		
34	1811061286	Trương Minh	Thông	02/07/2000		4.0	4.0	3.0	4.0	4.0			4.0	2.5			4.0					18	**3.72**	103	**3.25**		
35	1811061564	Đặng Thị	Thu	14/08/2000		4.0	4.0	3.0	3.0	4.0			3.0	2.5			4.0					18	**3.44**	103	**2.33**		
36	1811061343	Nguyễn Thùy	Tiên	05/08/2000		4.0	3.5	3.0	4.0	4.0		4.0	3.0	3.5			4.0					20	**3.70**	103	**2.35**		
37	1711060268	Nguyễn Ngọc	Toản	08/03/1999		3.0	2.5	3.0	2.0	4.0		3.5	2.0	3.0			4.0				0	22	**2.73**	74	**2.08**		
38	1811061664	Bùi Thành	Trung	22/08/2000		3.0	3.0	2.0	3.0	4.0			3.0	2.5			4.0	3.0				20	**3.10**	101	**2.50**		
39	1811061703	Hoàng Phạm	Tuân	17/03/2000		3.5	3.5	3.0	3.0	3.5			3.0	2.0			3.5		0			20	**2.83**	92	**2.20**		
40	1811061680	Trịnh Văn	Tuấn	04/03/2000		3.5	3.0	0	2.5	3.5			2.0	1.5			3.5					18	**2.50**	91	**2.26**		
41	1811061567	Trần Xuân	Tuyên	25/12/2000		4.0	3.0	1.0	2.0	3.0			0	1.0			4.0					18	**2.28**	93	**2.07**		
42	1811061502	Nguyễn Trúc	Uy	15/08/2000		3.0	3.0	0	2.5	2.5			2.0	2.5			3.5					18	**2.39**	91	**2.24**		
43	1811061691	Phan Thị	Uyên	21/07/2000	3.5	4.0	4.0	3.5	3.0	3.5			3.5	2.5			4.0					21	**3.48**	103	**2.49**		
44	1811061642	Phùng Duy	Việt	10/07/1999		3.0	3.0	3.5	2.5	2.0			1.5	1.5			4.0		2.0			20	**2.53**	100	**2.32**		
45	1811061510	Ngô Hoàng	Vũ	20/04/2000		3.5	2.5	0	2.0	3.0			0	0			4.0					18	**1.94**	83	**2.14**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 45 Số SV bị cảnh báo mức 1: 1 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8C6 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kỹ thuật điện tử số	Toán rời rạc	Tiếng anh chuyên ngành	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ.Net	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Giải tích 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Linux và phần mềm nguồn mở	Giải tích 1	Lý thuyết thông tin	Xác suất thống kê	Ngôn ngữ SQL	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	3						
1	1811060056	Nguyễn Việt	Anh	15/05/2000				3.0	3.0	3.0	3.0	4.0				3.0	2.0			3.0						18	**3.06**	98	**2.46**		
2	1811060073	Trương Tuấn	Anh	06/04/2000				3.0	3.0	2.0	2.0	3.5				2.0	4.0			3.0						18	**2.81**	98	**2.44**		
3	1811060443	Phùng Quốc	Duy	13/02/2000				3.5	3.0	3.0	3.5	3.5				3.0	3.0			3.5						18	**3.25**	80	**2.03**		
4	1811060018	Đỗ Đức	Dương	18/08/2000				3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0			3.5	3.0			3.0						20	**3.05**	103	**2.33**		
5	1811060004	Lê Đại	Dương	16/06/2000				2.5	2.5	2.5	1.5	3.0				2.5	0			2.5						18	**2.19**	82	**2.17**		
6	1811060024	Lê Xuân	Dương	01/03/2000				3.0	3.0	2.5	3.0	3.5	3.0			3.5	4.0			3.5						20	**3.20**	103	**2.56**		
7	1811060115	Nguyễn Chí	Đạt	08/01/2000				3.5	3.0	3.5	3.0	3.5				3.0	3.0			3.0						18	**3.22**	96	**2.39**		
8	1811060040	Phạm Thành	Đạt	10/10/2000	3.5			3.0	3.0	3.0	2.0	3.0			3.0	3.0	4.0			3.5		2.0				26	**3.02**	101	**2.13**		
9	1811060153	Phạm Anh	Đức	06/09/2000				2.5	3.5	3.5	3.0	3.5				3.0	4.0			4.0						18	**3.39**	100	**2.23**		
10	1811060222	Nguyễn Thị	Hằng	21/08/2000				3.0	3.0	3.0	2.5	3.0				3.0	2.5			3.5						18	**2.94**	96	**2.17**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kỹ thuật điện tử số	Toán rời rạc	Tiếng anh chuyên ngành	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ.Net	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Giải tích 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Linux và phần mềm nguồn mở	Giải tích 1	Lý thuyết thông tin	Xác suất thống kê	Ngôn ngữ SQL	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	3						
11	1811060057	Hoàng Mạnh	Hiếu	30/06/2000				2.0	3.0	3.0	0	3.0				2.5	3.0			2.0	4.0		3.0			22	**2.59**	85	**2.16**		
12	1811060374	Nguyễn Thế Minh	Hiếu	23/05/2000				3.5	3.5	3.0	3.5	4.0				3.0	4.0			4.0						18	**3.56**	95	**2.33**		
13	1811060156	Vũ Minh	Hiếu	12/02/1999				3.0	3.5	4.0	3.0	4.0		3.0		4.0	3.5			4.0						20	**3.60**	103	**2.85**		
14	1811061836	Lê Vũ	Hoàn	28/07/2000				2.0	1.5	1.0	0	3.0				2.0	0			0						18	**1.28**	72	**1.85**		
15	1811060091	Hà Việt	Hoàng	31/12/2000				3.0	3.0	3.5	3.0	4.0				4.0	3.5			3.0						18	**3.42**	103	**2.72**		
16	1811061300	Lê Minh	Hoàng	13/10/2000		3.5		3.0	3.0	3.0	2.5	3.0		4.0		3.0	3.5			3.5						23	**3.20**	103	**2.38**		
17	1811060173	Phạm Tuấn	Hoàng	11/05/2000				3.0	3.0	2.0	0	3.0				2.5	2.5			2.0						18	**2.28**	101	**2.41**		
18	1811060063	Trương Quang	Huy	19/07/2000				3.0	3.0	3.0	0	3.5				2.5	2.0			2.5						18	**2.53**	86	**1.94**		
19	1811060003	Dương Văn	Hưng	24/06/2000				2.0	2.0	3.0	1.5	3.5				3.0	2.0			3.0						18	**2.58**	96	**2.07**		
20	1811060137	Đinh Đức	Long	24/10/2000				4.0	3.5	3.5	3.5	4.0		3.0		4.0	3.0	0		4.0					0	26	**2.79**	103	**2.84**		
21	1811060470	Nguyễn Ngọc	Long	15/12/2000				3.0	2.0	3.0	3.0	3.5				3.5	4.0			4.0						18	**3.25**	103	**2.86**		
22	1811060333	Nguyễn Trọng	Long	07/07/2000				3.0	2.0	3.0	3.0	3.0		4.0		3.0	0		2.5	3.0		3.0				24	**2.71**	96	**2.21**		
23	1811060945	Đỗ Văn	Nam	28/03/2000	3.0	2.0		2.5	2.0	1.0	0	3.0				2.5	2.0			3.0						24	**2.13**	99	**2.26**		
24	1811060375	Trương Hồng	Nam	11/11/2000				0	0	0	0	0				0	0			0						18	**0**	78	**1.72**		Cảnh báo học tập mức 2
25	1811060246	Đào Hồng	Ngân	12/10/2000	3.5			3.0	3.0	3.5	2.5	3.5				4.0	3.5			3.5			3.5			23	**3.37**	100	**2.57**		
26	1811060423	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	16/10/2000				3.5	3.5	3.0	3.5	3.0				3.0	3.0			3.0						18	**3.17**	101	**2.21**		
27	1811060457	Lê Thị Hồng	Nhung	29/10/2000				3.5	3.0	4.0	4.0	4.0				3.5	3.0			3.5						18	**3.61**	101	**2.66**		
28	1811060876	Đặng Thị Quỳnh	Như	23/12/2000				3.0	3.0	3.5	4.0	4.0				3.5	3.5			3.5						18	**3.53**	103	**2.83**		
29	1811060158	Phan Thị Phương	Oanh	28/07/2000				3.5	2.5	3.5	3.0	4.0				2.5	3.5			3.0						18	**3.25**	103	**2.45**		
30	1811060403	Nguyễn Văn	Quang	28/02/2000			3.0	3.5	3.5	3.0	3.5	4.0				3.5	3.0			4.0		3.0				23	**3.39**	101	**2.17**		
31	1811060094	Trần Đức	Quang	08/10/2000				3.0	3.0	2.0	0	3.5				2.5	1.0			3.0						18	**2.31**	96	**1.97**	Cảnh báo học tập mức 1	
32	1811060395	Trần Thị Thúy	Quỳnh	12/02/2000				3.0	3.0	2.5	3.0	3.5				2.5	3.0			3.0						18	**2.94**	96	**2.13**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Kỹ thuật điện tử số	Toán rời rạc	Tiếng anh chuyên ngành	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ.Net	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ Java	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Giải tích 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Tiếng anh 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Linux và phần mềm nguồn mở	Giải tích 1	Lý thuyết thông tin	Xác suất thống kê	Ngôn ngữ SQL	Tiếng anh 2	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	3	2	2	3	2	3	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	3						
33	1811060247	Phạm Thọ Tú	Tài	01/11/2000				3.0	3.0	3.0	3.0	4.0				3.0	4.0			3.0						18	**3.28**	103	**2.69**		
34	1811060825	Nguyễn Đức	Thắng	25/09/2000		3.5		3.5	3.0	3.0	1.5	3.0				3.0	3.5			3.0				3.0		23	**3.02**	96	**2.13**		
35	1811060645	Nguyễn Văn	Thắng	03/11/2000				4.0	3.0	4.0	4.0	4.0				4.0	4.0			4.0						18	**3.89**	100	**2.89**		
36	1811060388	Nguyễn Thủy	Tiên	27/02/2000				3.0	3.5	4.0	4.0	4.0				3.5	4.0			3.5						18	**3.72**	103	**2.72**		
37	1811060454	Cao Thị Quỳnh	Trang	15/06/1999				4.0	2.0	2.5	3.5	4.0				3.0	4.0			4.0						18	**3.36**	82	**2.46**		
38	1811060449	Nguyễn Thị Thu	Trang	06/09/2000				3.5	3.0	3.5	3.0	4.0				2.5	2.0			4.0						18	**3.25**	101	**2.55**		
39	1811060412	Vũ Thị Thu	Trang	04/02/2000				4.0	3.0	3.5	3.5	3.5				3.0	2.5			4.0						18	**3.39**	103	**2.72**		
40	1811060398	Nguyễn Đức	Trọng	10/04/2000				3.0	2.0	2.5	3.5	3.0				3.0	2.0			3.0						18	**2.75**	85	**1.95**		
41	1811060898	Nguyễn Thị	Yến	17/07/2000				4.0	3.0	3.5	4.0	4.0				4.0	2.5			4.0						18	**3.64**	101	**2.65**		

Tổng hợp: Tổng số SV:41 Số SV bị cảnh báo mức 1: 0 Số SV bị cảnh báo mức 2: 1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP, BUỘC THÔI HỌC
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8
HỌC KỲ 6 (NĂM THỨ 3, NĂM HỌC 2020-2021)

(Danh sách sinh viên tiếp tục học)

Lớp: ĐH8C7 **Ngành: Công nghệ thông tin** **Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2021)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán rời rạc	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ XML và JSON	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ.Net	Công nghệ Java	Giải tích 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Vật lý đại cương	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Linux và phần mềm nguồn mở	Giải tích 1	Lý thuyết thông tin	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tiếng anh 2	Ngôn ngữ SQL	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2						
1	1811061074	Kiều Tuấn	Anh	29/01/2000			3.0	3.0		3.0	3.5	3.5				2.0	3.0	3.0						18	**3.06**	96	**2.08**		
2	1811060766	Mai Tuấn	Anh	06/09/2000			3.0	3.0		4.0	4.0	4.0				3.0	3.5	3.5						18	**3.56**	101	**2.84**		
3	1811060903	Phạm Tiến	Anh	26/02/2000			3.0	3.0		2.0	3.0	3.0				2.5	3.5	3.0						18	**2.89**	86	**2.09**		
4	1811061147	Vũ Thị Phương	Anh	27/12/2000			3.5	3.5		3.5	3.5	4.0	3.5			3.0	3.0	3.0						20	**3.43**	103	**2.54**		
5	1811060734	Vũ Thùy	Dinh	16/04/2000			3.0	3.0		1.5	3.0	2.0				2.5	0	3.0			2.0			20	**2.25**	101	**2.19**		
6	1811061218	Đỗ Tuấn	Dũng	07/08/1999			3.0	3.0		1.5	3.0	2.0				2.0	3.0	3.5						18	**2.61**	92	**2.03**		
7	1811060911	Cấn Thị Việt	Hà	20/01/2000			3.5	2.5		3.0	3.5	3.5				3.0	3.0	3.0						18	**3.17**	103	**2.50**		
8	1811061006	Nguyễn Việt	Hà	05/05/2000			3.5	3.0		2.0	3.0	3.0				1.5	2.5	2.5						18	**2.67**	92	**2.16**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán rời rạc	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ XML và JSON	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ.Net	Công nghệ Java	Giải tích 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Vật lý đại cương	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Linux và phần mềm nguồn mở	Giải tích 1	Lý thuyết thông tin	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tiếng anh 2	Ngôn ngữ SQL	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2					
9	1811061103	Nguyễn Khả	Hiệp	21/06/2000			3.5	3.5		2.0	3.5	2.5	3.5			3.0	2.0	2.5						20	**2.90**	87	**2.10**		
10	1811060936	Nguyễn Ngọc Minh	Hiệp	10/07/2000			3.5	3.0		1.5	1.0	3.0				3.0	3.0	3.5						18	**2.61**	100	**2.42**		
11	1811061554	Phan Lưu Đức	Hiệp	16/12/2000			3.5	0		0	1.0	0				0	0	3.0						18	**0.89**	80	**1.78**		Cảnh báo học tập mức 1
12	1811061033	Cao Bá	Hiếu	08/06/2000			2.0	3.0		2.0	1.0	3.0	4.0			3.5	2.0	3.0						20	**2.55**	96	**2.06**		
13	1811061026	Vi Trung	Hiếu	24/12/2000			3.0	3.0		0	3.0	3.5				3.5	2.0	1.0						18	**2.47**	101	**2.45**		
14	1811061142	Nguyễn Huy	Hoàng	08/08/2000			4.0	3.0		2.5	4.0	3.0				3.0	4.0	3.0						18	**3.33**	103	**2.80**		
15	1811060965	Nguyễn Quốc	Hoàng	31/03/2000			3.0	2.5	3.5	2.0	2.0	2.0	2.0		3.0	3.0	2.5	3.0	2.0	1.5				29	**2.45**	103	**2.17**		
16	1811061194	Bùi Duy	Học	23/06/2000			3.5	3.0		3.0	3.5	3.0	3.5			3.0	2.0	3.0						20	**3.08**	103	**2.27**		
17	1811061214	Trần Ngọc	Huy	29/01/2000			4.0	3.5		2.0	3.0	3.0				3.0	2.0	3.0						18	**2.94**	98	**2.54**		
18	1811061062	Trần Văn	Huy	06/05/2000			3.5	3.5		3.5	3.5	4.0				3.5	4.0	4.0						18	**3.69**	103	**2.74**		
19	1811060300	Trần Đức Tiến	Long	07/05/2000			3.0	3.5		3.5	3.5	4.0				3.0	3.0	3.0						18	**3.36**	103	**2.40**		
20	1811060978	Đinh Hoàng	Nam	26/09/2000			3.5	3.0		2.0	3.0	3.0				2.0	4.0	2.5	3.5					20	**2.95**	101	**2.18**		
21	1811061457	Bùi Thị Minh	Phương	16/01/2000			3.5	3.0		3.0	3.0	4.0				3.0	4.0	3.5						18	**3.39**	103	**2.46**		
22	1811061186	Nguyễn Trọng	Sơn	18/05/2000			3.5	2.5		1.0	3.0	2.0				1.0	2.0	2.5		2.0			4.0	22	**2.36**	93	**2.28**		
23	1811061133	Phan Hồng	Sơn	21/03/2000			0	0		0	1.0	0				0	0	0						18	**0.17**	86	**2.07**		Cảnh báo học tập mức 1
24	1811060771	Vũ Duy	Sơn	24/10/2000			3.5	3.0		3.5	3.5	4.0				4.0	4.0	3.5						18	**3.64**	101	**2.48**		
25	1811060808	Trần Minh	Thành	11/05/2000			2.5	2.5		1.0	0	2.5				2.5	1.0	3.0						18	**1.81**	100	**2.30**		
26	1811061016	Phạm Thị Xuân	Thu	22/10/2000			3.0	3.0		1.5	3.0	3.0				2.5	3.0	1.5						18	**2.61**	97	**2.03**		
27	1811060834	Vũ Văn	Tiến	11/03/2000			3.5	3.0		3.0	3.5	3.0		3.0		3.0	3.5	3.0						21	**3.17**	103	**2.41**		
28	1811060921	Đàm Thị	Trang	13/10/2000		3.5	4.0	3.5		4.0	3.0	3.0				4.0	3.5	3.0						21	**3.45**	103	**2.79**		

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Toán rời rạc	Kỹ thuật điện tử số	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Công nghệ phần mềm	Công nghệ XML và JSON	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám và ứng dụng	Công nghệ.Net	Công nghệ Java	Giải tích 2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Vật lý đại cương	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	Linux và phần mềm nguồn mở	Giải tích 1	Lý thuyết thông tin	Kỹ thuật đồ họa máy tính	Tiếng anh 2	Ngôn ngữ SQL	Tổng số TC trong học kỳ	Điểm TBC học kỳ	Tổng số tín chỉ tích lũy	Điểm TBC tích lũy	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP ĐÃ NHẬN KỲ TRƯỚC	MỨC CẢNH BÁO HỌC TẬP
					3	3	2	2	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2						
29	1811061295	Hà Thị Kiều	Trang	09/06/2000			3.5	3.5		3.0	3.5	3.5				3.0	4.0	3.0						18	**3.39**	99	**2.49**		
30	1811061270	Nguyễn Anh	Tú	21/04/2000			3.5	3.0		3.0	3.0	3.0				3.0	2.5	2.0						18	**2.89**	96	**2.33**		
31	1811061004	Nguyễn Quý Anh	Tú	21/09/2000			2.5	2.0		0	1.0	3.0				2.0	2.5	2.0						18	**1.89**	96	**1.83**		
32	1811061329	Phạm Anh	Tú	13/12/2000			3.0	3.0		2.0	0	2.5				1.0	3.0	2.0						18	**1.97**	88	**1.97**		
33	1811061360	Đặng Quốc	Tuấn	28/09/2000			2.0	2.5		0	0	3.5				3.0	3.0	1.5						18	**1.92**	83	**2.22**		
34	1811060990	Nguyễn Huy	Tuấn	04/12/2000			3.5	3.0		2.0	1.0	3.0				3.0	3.0	2.5						18	**2.56**	103	**2.09**		
35	1811060905	Nguyễn Văn	Tuấn	14/12/2000			3.0	2.5		4.0	3.5	3.5				2.5	3.5	3.0						18	**3.22**	95	**2.31**		
36	1811061215	Trần Anh	Tuấn	05/09/2000			2.0	2.5		0	2.0	2.0				3.5	2.0	1.0						18	**1.89**	82	**2.01**		
37	1811060955	Vũ Minh	Tuấn	27/11/2000	3.0		3.0	3.0		3.5	3.0	3.0				1.5	3.5	3.0						21	**2.95**	103	**2.41**		
38	1811061203	Nguyễn Viết	Tuệ	06/04/2000			3.5	2.5		1.5	3.0	2.5				2.5	2.5	2.0						18	**2.53**	94	**1.88**		
39	1811060947	Lê Thiên	Tùng	21/10/2000			3.0	2.5		0	1.0	3.0				3.0	1.0	3.5				3.0		21	**2.24**	89	**2.26**		
40	1811060780	Tạ Ngọc Khánh	Tùng	24/11/2000			3.0	3.0		1.0	3.0	3.0				2.0	3.0	3.0						18	**2.67**	86	**2.01**		
41	1811061041	Đặng Vũ	Vương	07/07/2000			4.0	3.0		4.0	3.5	3.5				3.0	3.0	3.5						18	**3.44**	103	**2.61**		

Tổng hợp: Tổng số SV: 41 Số SV bị cảnh báo mức 1: 2 Số SV bị cảnh báo mức 2: 0